

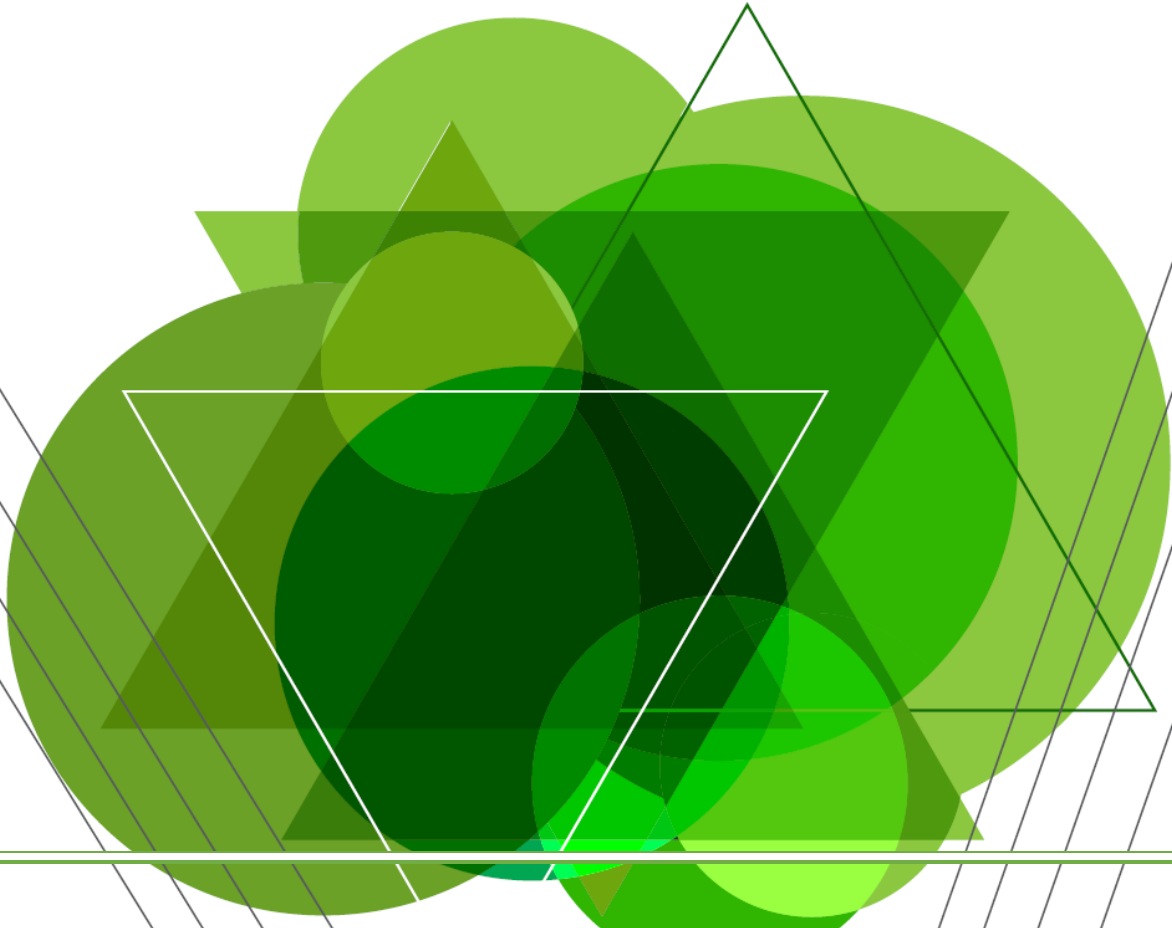


CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ  
DONGPHU RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2023




# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1)	Thông tin khái quát.....	2
2)	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3)	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4)	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy.....	6
5)	Định hướng phát triển.....	9
6)	Các yếu tố rủi ro.....	11
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>15</b>
1)	Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023.....	15
2)	Tổ chức nhân sự.....	16
3)	Các chính sách với người lao động.....	21
4)	Tình hình đầu tư thực hiện dự án mới.....	23
5)	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	26
6)	Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	31
7)	Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội.....	32
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>39</b>
1)	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	39
2)	Tình hình tài chính.....	41
3)	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	42
4)	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	42
5)	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	44
6)	Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.....	44
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>46</b>
1)	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.....	46
2)	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	46
3)	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	47
<b>V.</b>	<b>BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>49</b>
1)	Hội đồng quản trị.....	49
2)	Ban Kiểm soát.....	66
3)	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát..	70
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>79</b>
1)	Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023.....	79
2)	Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán 2023.....	79

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1) Thông tin khái quát

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
Tên tiếng anh	:	DONGPHU RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	DORUCO
Logo	:	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế	:	3800100376 : Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03/11/2023 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
Vốn điều lệ	:	868.859.320.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2023	:	2.156.685.189.333 VNĐ
Địa chỉ	:	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Điện thoại	:	0271 3819 786
Fax	:	0271 3819 620
Website	:	www.doruco.com.vn
Mã cổ phiếu	:	DPR

### 2) Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú là tiền thân Đoàn điền Thuận Lợi của Công ty Michelin-Pháp, được hình thành vào khoảng tháng 6 năm 1927:

- **Ngày 21 tháng 5 năm 1981:** Công ty Cao su Đồng Phú trực thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam.
- **Ngày 13 tháng 11 năm 2006:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 3441/QĐ-BNN-ĐMDN chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Cao su Đồng Phú thành Công ty Cổ phần.
- **Ngày 28 tháng 12 năm 2006:** Công ty cao su Đồng Phú thành Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh số 4403000069 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- **Ngày 30 tháng 11 năm 2007:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM; Mã chứng khoán là DPR; Số lượng 40 triệu cổ phiếu, vốn điều lệ 400 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tháng 5 năm 2010:** Thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú với mã số doanh nghiệp là 3800100376, số lượng 430 triệu cổ phần, vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Ngày 12 tháng 7 năm 2018:** Thay đổi lần 09 do thay đổi người đại diện theo pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- **Năm 2021:** Trong tháng 6/2021, DPR đã hoàn thành bán toàn bộ 2.875.210 cổ phiếu quỹ với tổng thặng dư vốn từ đợt bán cổ phiếu quỹ là 44,718 tỷ đồng.
- **Năm 2023:** Tháng 04/2023, DORUCO đã phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu DPD, nâng vốn điều lệ của Công ty lên hơn 434 tỷ đồng. Tháng 09/2023, DORUCO phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ tăng 1:1, nâng vốn điều lệ lên hơn 868 tỷ đồng.

### **3) Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **a) Ngành nghề kinh doanh**

1. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
2. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh địa ốc
3. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu mũ cao su các loại; Xuất nhập khẩu sản phẩm từ gỗ cao su và gỗ rừng trồng
4. Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ  
Chi tiết: Công nghiệp hóa chất phân bón
5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
Chi tiết: Mua bán gỗ cao su
6. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp  
Chi tiết: Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng.
7. Trồng cây cao su  
Chi tiết: Trồng và chế biến mũ cao su; Thanh lý vườn cây cao su
8. Xây dựng công trình đường bộ
9. Trồng cây ăn quả
10. Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
11. Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
12. Xây dựng nhà để ở
13. Trồng cây lâu năm khác
14. Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
15. Xây dựng nhà không để ở  
Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp.
16. Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm
17. Hoạt động dịch vụ trồng trọt
18. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
19. Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
20. Xử lý hạt giống để nhân giống
21. Chế biến và bảo quản rau quả
22. Khai thác lâm sản khác trừ gỗ

23. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
24. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
25. Sản xuất đồ gỗ xây dựng
26. Sản xuất bao bì bằng gỗ
27. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
28. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
29. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự.

#### **b) Địa bàn và thị trường hoạt động kinh doanh**

Trụ sở chính của Công ty tại: Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

CTCP Cao su Đồng phú có địa bàn hoạt động tại các tỉnh thành ở Việt Nam và Campuchia như:

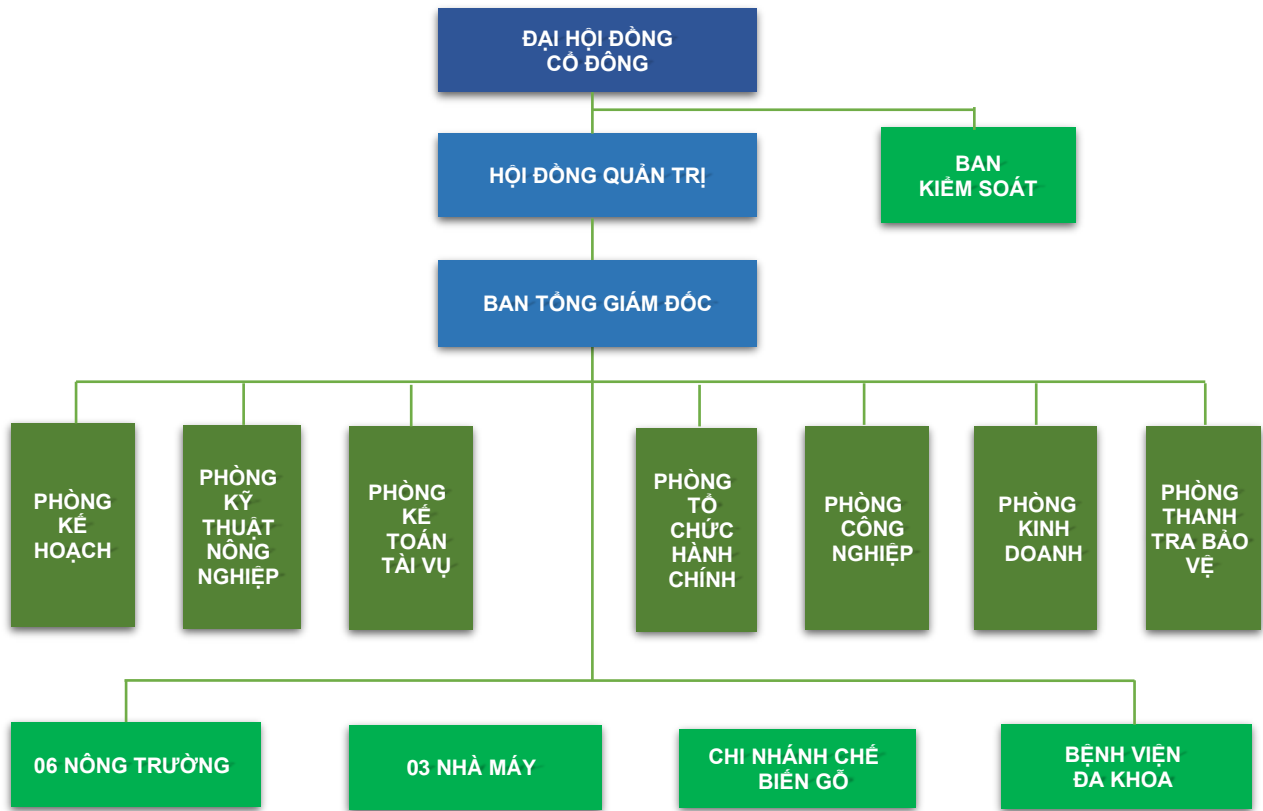
- **Tỉnh Bình Dương:** Thị trấn Phước Vĩnh, xã An Bình và xã An Thái, huyện Phú Giáo.
- **Tỉnh Bình Phước:** Huyện Đồng Phú: xã Thuận Phú, xã Thuận Lợi, xã Tân Hưng, xã Tân Lợi, xã Tân Tiến, xã Tân Lập, thị trấn Tân Phú.
- **Thành phố Đồng Xoài:** xã Tiến Hưng, xã Tân Thành, phường Tân Phú, phường Tiến Thành.
- **Tỉnh Kratie:** Vương quốc Campuchia.

Các thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của công ty: Hàn Quốc, CHLB Nga, EU, USA với các sản phẩm chất lượng cao, đồng đều và ổn định. Nổi bật trong đó là các sản phẩm:

- SVR 10 chuyên cung cấp cho hãng lốp xe Belshina - CHLB Nga.
- SVR 3L : được ưa chuộng tại thị trường Hàn Quốc để làm băng keo, đế giày.
- Latex HA/ LA: được ưa chuộng tại EU và USA để làm các sản phẩm cao cấp do không chứa TMTD - một chất bảo quản thường dùng gây dị ứng da.

Công ty không phân loại doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường...

#### 4) Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy



**Đại hội đồng cổ đông:** (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Hội đồng quản trị:** (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ. HĐQT của Công ty hiện tại có 05 thành viên.

**Ban Kiểm soát:** (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ do ĐHCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật. BKS của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban điều hành Công ty.

**Ban điều hành:** Cơ cấu Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT và Ban Kiểm soát; chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, HĐQT và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, uỷ quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, uỷ quyền. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**Các phòng ban chức năng, nông trường, nhà máy và bệnh viện Đa khoa:** Thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty có mười một (11) đơn vị trực thuộc như sau:

Văn phòng Công ty: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nông trường Cao su An Bình: Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Nông trường Cao su Tân Lập: Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nông trường Cao su Thuận Phú: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nông trường Cao su Tân Hưng: Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nông trường Cao su Tân Thành: Xã Tân Thành, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Nông trường Cao su Đăk Nông: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nhà máy chế biến mủ Tân Lập: Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Nhà máy chế biến mủ Tân Hưng (thuộc Xí nghiệp chế biến Thuận Phú): Nông trường Tân Hưng, Xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Chi Nhánh Chế Biến Gỗ: Ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước



Ngoài ra, Công ty còn có các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các công ty như sau:

### **Công ty con**

#### **1. Công ty cổ phần cao su Kỹ thuật Đồng Phú**

+ Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu: 76,83%

+ Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh nệm, gối từ cao su thiên nhiên.

#### **2. Công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Kratie**

+ Vốn điều lệ: 900.000.000.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu: 58,37%

+ Lĩnh vực hoạt động: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su.

#### **3. Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú**

+ Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu: 51,00%

+ Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh hạ tầng, khu công nghiệp, khu dân cư.

### **Công ty liên kết**

#### **1. Công ty CP TMDVDL Cao su**

+ Vốn điều lệ: 427.000.000.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu: 5,39%

+ Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh khách sạn

#### **2. Công ty CP Đầu tư Cao su Phú Thịnh**

+ Vốn điều lệ: 196.832.400.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu: 0,20%

+ Lĩnh vực hoạt động: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su.

#### **3. Công ty CP cao su Sa Thầy**

- + Vốn điều lệ: 740.000.000.000 VNĐ
- + Tỷ lệ sở hữu: 10,21%
- + Lĩnh vực hoạt động: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su.

#### **4. Công ty CP cao su Dầu Tiếng Lào Cai**

- + Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ
- + Tỷ lệ sở hữu: 11,70%
- + Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ.

#### **5. Công ty CP Kinh doanh BOT Bình Phước**

- + Vốn điều lệ: 56.300.000.000 VNĐ
- + Tỷ lệ sở hữu: 11,32%
- + Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ

### **5) Định hướng phát triển**

#### **a) Các mục tiêu chủ yếu**

Trải qua hơn 40 năm hoạt động, với những nỗ lực trong việc liên tục mở rộng quy mô, ngành nghề, Công ty CPCS Đồng Phú tăng tốc phát triển và hiện trở thành một trong những đơn vị thành viên hàng đầu của Tập đoàn CN Cao su VN về hiệu quả sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống người lao động và đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Định hướng cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Củng cố và khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường cao su cả trong nước và quốc tế, đặt ưu tiên cao cho hiệu quả kinh tế, hướng tới lợi ích của cổ đông và nhân viên.
- Phát triển bền vững thông qua chính sách đầu tư tập trung vào ngành kinh doanh chính, tăng cường hệ thống sản xuất, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Triển khai thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO.
- Chủ động linh hoạt trong bố trí và sử dụng nguồn lực trong từng giai đoạn sao cho phù hợp với dự báo thị trường.
- Tối đa hóa nội lực, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực làm trung tâm, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết để đồng hành với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.

- Đảm bảo cân đối hài hoà lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng văn hoá công ty, tạo môi trường làm việc văn minh, đảm bảo ổn định đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

### **b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Để đem lại hiệu quả lâu dài cho sự phát triển bền vững của Công ty, Công ty không ngừng nắm bắt cơ hội, kiểm soát những khó khăn, sử dụng nguồn lực một cách hợp lý, ứng dụng những công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh.

Trong tương lai, Công ty tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới, áp dụng công nghệ, kỹ thuật cao vào hoạt động trồng cây, giảm bớt thời gian, công sức chăm sóc, tiết kiệm chi phí nhằm đem lại hiệu quả cao.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, từng bước số hóa các quy trình sản xuất và quản lý.

Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn cán bộ công nhân viên của Công ty, đào tạo những nhân viên có tài, có tầm nhìn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác lương thưởng, chế độ đãi ngộ được Công ty chú trọng, đảm bảo đời sống người lao động được ổn định, vững mạnh với sự phát triển của Công ty.

### **c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)**

- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Trong quá trình sản xuất, Công ty tuân thủ các quy định về tài nguyên môi trường.
- Chú trọng đến việc bảo vệ môi trường tại nhà máy chế biến mù cao su theo đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đánh giá Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định pháp luật về môi trường.
- Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, liên kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Điều này bao gồm việc duy trì khả năng phòng hộ môi trường và đa dạng sinh học của rừng, đồng thời không gây tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái khác.
- Đảm bảo kinh doanh rừng cao su phải tuân thủ luật pháp, thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp xã hội, đảm bảo quyền hạn và quyền lợi cũng như mối quan hệ tốt với cộng đồng địa phương, đảm bảo chính sách, chế độ của người lao động.
- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại Việt Nam và Campuchia, các chi nhánh nông trường liên kết với các trạm y tế địa phương để khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên và người lao động; duy trì chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Các hoạt động thăm hỏi, tình nguyện, hỗ trợ nhà ở cho gia đình công nhân khó khăn về nhà ở; hỗ trợ thường xuyên cho các gia đình công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...
- Tham gia cùng chính quyền địa phương về xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ địa phương làm đường, điện, trạm xá và các công trình phúc lợi xã hội khác.

- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho công nhân viên, đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của người lao động.

## **6) Các yếu tố rủi ro**

### **a) Rủi ro kinh tế**

Trong năm 2023, nền kinh tế trải qua nhiều biến động bởi lạm phát dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước lớn, xung đột giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, các bất ổn về chính trị, thiên tai cũng như sự xuất hiện hiện tượng El Nino từ giữa năm.

Đối với Việt Nam, mặc cho bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những kết quả tích cực. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP cả năm 2023 ước đạt tăng 5,05% so với năm trước, trong đó, quý IV tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83% đóng góp 0,46 điểm phần trăm, tiếp tục là bộ đỡ của nền kinh tế. Cùng với việc lạm phát được giữ ổn định, sự tăng trưởng GDP qua các quý cho thấy nền kinh tế trong nước đang trong xu hướng phục hồi ổn định. Dự báo từ các tổ chức quốc tế cho thấy năm 2024, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, nhiều yếu tố cản trở sự phát triển kinh tế vẫn hiện hữu, vì thế tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại. Tháng 10/2023, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm từ mức 3% trong năm 2023, xuống còn 2,9% trong năm 2024. Điều này sẽ tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của ngành cao su Việt Nam và DORUCO nói riêng trong tương lai.

DORUCO là doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường, nên những yếu tố về kinh tế vĩ mô, lãi suất, thương mại của thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế được rủi ro kinh tế, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường, nghiên cứu và cải thiện quy trình sản xuất, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng để đẩy mạnh doanh thu và tăng tính bền vững. Công ty cũng thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thương mại, các chính sách kinh tế trong và ngoài nước, nhất là tại các nước đối tác của Công ty để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất và kinh doanh sao cho phù hợp.

### **b) Rủi ro pháp lý**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR) là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần và được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), do đó Công ty bị chi phối bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản dưới luật khác các nghị định, thông tư liên quan đến thị trường chứng khoán.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su và sản xuất nông nghiệp. Công ty còn phải chấp hành nghiêm túc các chính sách về môi trường và con người.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú còn có Công ty con là Công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Kratie đang hoạt động tại Campuchia, nên DORUCO ngoài việc chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam, thì Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý tại Campuchia. Hiện tại khung pháp lý ở Campuchia chưa thật hoàn chỉnh, nên tìm ẩn nhiều rủi ro cho Công ty...

Hiện nay các văn bản pháp luật, các chính sách liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế chung, Do đó mà DORUCO luôn phải thường xuyên theo dõi, cập nhật vào Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty, để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật nhằm phòng ngừa rủi ro về pháp lý và giúp cho Công ty hoạt động ổn định.

#### **c) Rủi ro tỷ giá**

DORUCO là doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu chiếm khoảng 35% cơ cấu doanh thu của Công ty cho nên tỷ giá là một trong những yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của DPR gồm có: EU, USA, Hàn Quốc, Nga. Do đó biến động tỷ giá của đồng USD, EUR, KRW, RUB sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng lợi nhuận của Công ty.

Trong khi tỷ giá giữa USD và VND đều vượt mức 24.000 đồng kể từ tháng 10/2023 và tỷ giá VND/ EUR cũng đang trong xu hướng tăng giá kể từ những tháng cuối năm. Tỷ giá VND/KRW lại có những diễn biến bất thường và tỷ giá VND/RUB lại có xu hướng giảm giá kể từ tháng 10/2023. Điều này từ đó đã tạo ra rủi ro khiến cho nguồn doanh thu xuất khẩu của Công ty tại các thị trường lớn có sự sụt giảm bởi giá trị đồng ngoại tệ.

Để hạn chế rủi ro về tỷ giá, DORUCO luôn giám sát và quản lý chặt chẽ để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro kịp thời, luôn theo dõi sự biến động của tỷ giá và có những chính sách phù hợp để không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, doanh thu của Công ty.

#### **d) Rủi ro lãi suất**

Kể từ đầu năm 2023, Việt Nam đã chuyển đổi chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng hơn bằng việc thực hiện 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành của NHNN để thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế trong nước. Tính đến cuối năm 2023, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NHTM đều dưới mức 6%, các NHTM lớn đều đưa lãi suất này về mức xấp xỉ 5%-5,25%, thấp hơn cả giai đoạn diễn ra Covid-19.

Mặc dù lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt và tốc độ tăng giá tiêu dùng ở Mỹ hiện nay đã giảm về vùng 3% sau khi lập đỉnh hơn 40 năm ở mức hơn 9% vào giữa năm ngoái, nhưng mức lạm phát này vẫn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Cục Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ (FED). Do đó, mặc dù có nhiều dự báo về việc FED sẽ có thể ngừng hoặc giảm lãi suất trong thời gian tới từ mức 5,25-5,5%, việc FED sẵn sàng tăng lãi suất trở lại nếu lạm phát trở lại vẫn có thể xảy ra. Nếu điều này xảy ra chắc chắn sẽ tác động tiêu cực đến lạm phát, tỷ giá, xuất khẩu,... Và trong bối cảnh đó, NHNN có thể sẽ thay đổi quan điểm về chính sách tiền tệ nới lỏng hiện tại và gây ra áp lực lãi vay cho các doanh nghiệp. Khi đó các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DORUCO sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động.

Rủi ro về lãi suất có thể sẽ tạo ra những thách thức nhất định với các khoản vay của Công ty bởi Công ty có tỷ trọng nợ phải trả chiếm đến khoảng 30% tổng nguồn vốn của mình. Vì vậy Công ty luôn có những chính sách quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của DORUCO.

#### **e) Rủi ro tự nhiên**

Hiện nay, tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng khắc nghiệt đã ảnh hưởng đến ngành nông lâm nghiệp trong đó có cây cao su, cây ăn quả. Trong năm qua, năng suất ngành cao su nói chung và DORUCO nói riêng chịu sự sụt giảm bởi ảnh hưởng từ hiện tượng El Nino kéo dài. Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Hoa Kỳ (NOAA) đã xác nhận El Nino chính thức xuất hiện từ ngày 8/6/2023 và theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, hiện tượng El Nino sẽ tiếp tục phát triển từ tháng 6 cho tới hết năm 2023 và duy trì đến năm 2024 với xác suất khoảng 80-90%. Trong đó, Việt Nam dự báo đối diện với hạn hán khốc liệt từ ảnh hưởng của hiện tượng này.

DORUCO có tổng diện tích đất cao su khoảng 16.700 ha, bao gồm ba vườn cây tại Bình Phước, Đắk Nông và Kratie. Trong đó, vườn cao su Bình Phước hiện đang khai thác khoảng 6,300 ha đất cao su, trong đó có gần 1,000 diện tích cây đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản – giai đoạn cây cao su dưới 8 tuổi và cần được chăm sóc, nuôi dưỡng để khai thác khi đạt độ tuổi trưởng thành và có thể khai thác. Do đó, hiện tượng thời tiết cực đoan kéo dài sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây cao su chưa đến thời điểm khai thác cũng như những cây cao su đã trưởng thành và đang khai thác tại các vườn cao su của DPR.

Để hạn chế tác động của rủi ro tự nhiên, Công ty đang từng bước chuyên môn hoá quá trình sản xuất kinh doanh cũng như chuyển hướng đẩy mạnh thêm thị phần trái cây xuất khẩu bền vững nhằm mở rộng quy mô và tối ưu hoá lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### **f) Rủi ro đặc thù**

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DORUCO nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình cung cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu; giá dầu thô, chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật, dự trữ cao su của Trung Quốc, địa chính trị,... Hiện nay, Trung Quốc và Ấn Độ hiện đang đứng đầu thị trường tiêu thụ cao su tự nhiên, đặc biệt là Trung Quốc khi đang chiếm khoảng 40% sản lượng cao su thế giới mỗi năm.

Theo Tổng cục Hải quan, 10 tháng đầu năm, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 1,62 triệu tấn, trị giá 2,17 tỷ USD, tăng về lượng nhưng giảm 16,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Về giá xuất khẩu, giá xuất khẩu bình quân các chủng loại cao su đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, cho thấy giá cao su xuất khẩu chịu áp lực rất lớn bởi giá cao su trên thị trường thế giới liên tục giảm. Sản lượng xuất khẩu cao su sang các thị trường như Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan,... phần lớn đều sụt giảm so với cùng kỳ. Dự báo từ tổ chức World Bank và Tổ chức Nghiên cứu Cao su Quốc tế (IRSG) cho thấy giá bán cao su dự kiến sẽ giảm xuống khoảng 1,3-1,5 USD/kg trong tương lai gần do sự chênh lệch giữa nhu cầu và nguồn cung toàn cầu. Ở Việt Nam, giá cao su trong nước và DORUCO biến động đồng biến với giá cao su toàn cầu, DORUCO ghi nhận doanh thu và lợi nhuận ròng đều giảm so với cùng kỳ. Nếu xu hướng này kéo dài đến năm sau sẽ tác động tiêu cực lên biên lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2023, diễn biến giá dầu thế giới từ đầu năm biến động theo chiều hướng ngày càng tăng bởi tuyên bố cắt giảm nguồn cung của các nước và các cuộc xung đột trên thế giới. Cụ thể, Nga cắt giảm sản lượng 0,5 triệu thùng/ngày trong tháng 8 và gia hạn cắt giảm 0,3 triệu thùng đến hết năm 2023, cùng với đó Ả Rập Xê Út cũng gia hạn cắt giảm sản lượng trong tháng 8, sau đó đến hết năm 2023 và thêm vào đó là xung đột giữa Hamas-Israel diễn ra trong căng thẳng. Trong nước, tính từ 11/01/2023, giá xăng trong nước đã trải qua 36 kỳ điều chỉnh, trong đó có 19 lần tăng giá, 14 lần giảm giá, và 3 kỳ không điều chỉnh. Những ảnh hưởng tiêu cực từ giá xăng dầu đã khiến cho chi phí vận chuyển trong nước cũng như chi phí vận tải trong hoạt động xuất khẩu của DORUCO tăng cao.

Để hạn chế rủi ro đặc thù ngành này và đảm bảo kinh doanh bền vững DORUCO đang triển khai Chương trình phát triển cao su bền vững Công ty đang từng bước chuyên môn hoá quá trình sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **g) Rủi ro môi trường**

Sở hữu các nhà máy cao su tại tỉnh Bình Phước, DORUCO có trách nhiệm phải bảo vệ môi trường trong các hoạt động của mình. Trong ngành chế biến cao su, nếu nước thải không được xử lý đúng cách thì nguy cơ gây ô nhiễm là rất lớn, sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và cuộc sống của người dân xung quanh. Vì vậy, với vai trò là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hướng tới mục tiêu bền vững, DORUCO luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty luôn tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải và các loại phát thải chỉ loại thông thường và ở mức không đáng kể. Công ty đang trong xu hướng phát triển bền vững nên tất cả các quy trình sản xuất kinh doanh đều đặt vấn đề bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường theo hướng tiên tiến nhất.

#### **h) Rủi ro khác**

Công ty nhận thức rõ về những rủi ro không kiểm soát được như dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ, và đặc biệt là trong mùa lá rụng của cây cao su (khoảng cuối tháng 1 đến tháng 5), khi mật độ lá khô tăng cao, tăng khả năng xảy ra hỏa hoạn trong vườn cây cao su. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống, và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy.

Công ty cũng đã tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản theo đúng quy định, nhằm đảm bảo rằng trong trường hợp có sự cố, Công ty có sự hỗ trợ tài chính cần thiết. Điều này không chỉ giúp bảo vệ tài sản của công ty mà còn đảm bảo an toàn cho cộng đồng và môi trường xung quanh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1) Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023

#### a) Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

(\*) DORUCO xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	%Thực hiện/ Kế hoạch năm 2023	%Thực hiện 2023/2022
<b>Diện tích khai thác</b>	Ha	4.901,21	6.302,20	6.302,20	100,00%	128,58%
<b>Sản lượng khai thác</b>	Tấn	10.896,96	11.442	12.003,89	104,91%	110,16%
<b>Năng suất bình quân</b>	Tấn/ha	2,22	1,82	2,07	112,64%	91,11%
<b>Giá bán bình quân</b>	Triệu đồng/tấn	38,89	38,40	34,57	90,03%	88,89%
<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	861.790	859.938	770.628	89,61%	89,42%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	257.400	293.735	213.417	72,66%	82,91%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	208.961	235.381	180.153	76,54%	86,21%

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát duy trì ở mức cao, cùng với những diễn biến căng thẳng của các cuộc xung đột chính trị, xu hướng thu hẹp tiêu dùng và những yếu tố bất lợi khác. Kết thúc năm 2023, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,05% cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực, lạm phát được kiểm soát với chỉ số CPI tăng 3,25% đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường, và bất lợi đối với ngành sản xuất cao su thiên nhiên, giá bán cao su giảm hơn 4 triệu đồng/tấn so với năm 2022, giá vật tư nguyên liệu đầu vào hầu hết tăng cao nhưng cầu cao su lại giảm. Công ty đã lường trước những rủi ro để có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, sử dụng các giải pháp kỹ



thuật để tăng năng suất sản lượng, tìm nguồn cung nguyên vật liệu vật tư thay thế có giá rẻ hơn, phát huy sáng kiến cải tiến, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm giá thành sản xuất. Các quy trình hoạt động luôn tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Công tác kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban thực hiện tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, trên cơ sở đó có các giải pháp phù hợp.

Tổng doanh thu năm 2023 đạt 770.628 triệu đồng, giảm 10,58% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 213.417 triệu đồng, giảm 13,79% so với năm 2022. Mặc dù diện tích khai thác trong năm 2023 đã tăng mạnh 28,58% so với cùng kỳ, dẫn tới sản lượng khai thác tăng 10,16% so với năm 2022, tuy nhiên do ảnh hưởng của thị trường kinh tế thế giới còn nhiều biến động, khiến giá bán bình quân giảm 10,58% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế của DORUCO đạt 180.153 triệu đồng, bằng 86,21% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2023 mặc dù chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023, nhưng là một trong những Công ty có kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Đây là kết quả đáng khích lệ cho Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành, thực hiện các kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

## 2) Tổ chức nhân sự:

### a) Danh sách Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Cường	Tổng Giám đốc
2	Huỳnh Trọng Thủy	Phó TGD
3	Lưu Minh Tuyền	Phó TGD
4	Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng

### b) Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

## **Ông Hồ Cường – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT**

Năm sinh	:	1966
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư nông học
Quá trình công tác	:	+7/2004-11/2004: Phó giám đốc Nông trường Cao su An Bình - CTCP Cao su Đồng Phú. +11/2004-2/2008: Giám đốc Nông trường Cao su An Bình - CTCP Cao su Đồng Phú. +2/2008-9/2008: Giám đốc Nông trường Cao su Tân Lợi - CTCP Cao su Đồng Phú. +5/2012-12/2016: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Đồng Phú. +4/2012- Đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Đồng Phú. +1/2017- Đến nay: Tổng Giám đốc CTCP Cao su Đồng Phú.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	3.200 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	12.900.000 cổ phần

**Ông Huỳnh Trọng Thủy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT**

Năm sinh : 1968

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Quá trình công tác :

- +8/1997-8/2002: Phó Giám đốc Nông trường Tân Lợi, Công ty Cao su Đồng Phú.
- +9/2002-2/2006: Phó Giám đốc Nông trường Tân Thành, Công ty Cao su Đồng Phú.
- +3/2006-2/2008: Giám đốc Nông trường Tân Lợi, Công ty Cao su Đồng Phú.
- +5/2017- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Đồng Phú.
- +6/2021 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Đồng Phú.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :

- Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Sa Thầy

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 7.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : 4.300.000 cổ phần

## **Ông Lưu Minh Tuyên – Phó Tổng Giám đốc Công ty**

Năm sinh	:	1971
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư nông học
Quá trình công tác	:	+2006-2008: Phó Giám đốc Nông trường Tân Thành Công ty Cao su Đồng Phú. +6/2017-5/2019: Trưởng Phòng Kỹ thuật nông nghiệp Công ty cổ Phần Cao Su Đồng Phú. +6/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai.
Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	636 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	-

## **Ông Phạm Ngọc Huy – Kế toán trưởng**

Năm sinh	:	1971
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán +2/2012-12/2013: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần cao su Đồng Phú.
Quá trình công tác	:	+01/01/2014: Quyền kế toán trưởng - Công ty cổ phần cao su Đồng Phú. +10/2014 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú
Số cổ phần sở hữu cá nhân	:	2000 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	:	-

### **c) Số lượng cán bộ, nhân viên (Tại thời điểm ngày 31/12/2023)**

Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động của Công ty là 2.096 người, với cơ cấu phân theo: giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>2.096</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	1.176	56,11%
2	Nữ	920	43,89%
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>2.096</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên đại học	12	0,57%
2	Trình độ đại học	171	8,16%
3	Trình độ cao đẳng	97	4,63%
4	Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	0	0,00%
5	Lao động phổ thông	1.816	86,64%
<b>III</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>2.096</b>	<b>100,00%</b>

1	Hợp đồng không thời hạn	1.799	85,83%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	297	14,17%

#### d) Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	10.836.000	11.985.000	10.028.000	10.025.000

### 3) Các chính sách với người lao động

#### a) Chính sách tuyển dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, Vì vậy, việc thu hút và giữ chân nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và tích cực, nơi mà cán bộ công nhân viên có cơ hội học hỏi và phát triển nghề nghiệp của mình. Không chỉ cung cấp điều kiện làm việc tốt nhất mà Công ty còn tạo ra các chương trình đào tạo và phát triển nhân sự để giúp cán bộ công nhân viên không ngừng hoàn thiện kỹ năng và nâng cao năng lực làm việc. Công ty đánh giá cao sự sáng tạo và đóng góp cá nhân, khuyến khích sự đa dạng và sự đoàn kết trong tất cả các lĩnh vực của hoạt động.

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc cần mẫn, chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút người lao động, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn.

Mặt khác, Công ty cam kết tuân thủ mọi quy định pháp luật liên quan đến sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### b) Chính sách lương thưởng

DORUCO đảm bảo chi trả đầy đủ chế độ lương, thưởng theo quy định của pháp luật. Hiện nay Công ty áp dụng 02 chính sách tiền lương:

- + Đối với lao động trực tiếp: lương khoán theo sản phẩm, tiền lương gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh.
- + Đối với lao động gián tiếp: áp dụng theo hình thức lương cơ bản và hệ số lương phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công ty đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian quy định cho người lao động, chi trả bổ sung tiền lương tháng 13 và lương thưởng Tết. Ngoài ra Tổng Công ty chi trả bổ sung tiền thưởng vào các dịp lễ Tết Dương lịch, 30/4, 1/5, lễ Quốc Khánh,...

Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng phù hợp. Ngoài ra, để thúc đẩy tinh thần sáng tạo và năng suất cao, Công ty đã thiết lập các chính sách thi đua khen thưởng nhằm động viên và ghi nhận những thành tích xuất sắc. Các chính sách này tập trung vào các tiêu chí như thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, đóng góp cá nhân và nhóm, cũng như chất lượng hoàn thành công việc. Người lao động được khen ngợi và nhận được thưởng cụ thể khi đạt được các mục tiêu và thành tựu quan trọng.

### **c) Chính sách đào tạo**

Nhân sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bền vững của Công ty. Chất lượng nguồn nhân sự không chỉ ảnh hưởng đến hiệu suất và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mà còn là yếu tố quyết định sự linh hoạt và sẵn sàng đối mặt với thách thức từ môi trường kinh doanh ngày nay. Vì vậy chất lượng nguồn nhân sự luôn được Công ty quan tâm nhằm nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh.

CBCNV tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, tay nghề nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Hàng năm, tùy theo đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế, Công ty có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV Công ty.

Để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động trong công việc, Công ty đã thực hiện cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp đào tạo về kỹ năng mềm cũng như về chuyên môn nghiệp vụ giúp người lao động có đầy đủ kiến thức, tạo điều kiện phát triển sự nghiệp.

Cử CBCNV tham gia các lớp tập huấn, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng làm việc cho nhân viên nghiệp vụ của Công ty; Hàng năm Công ty tổ chức các lớp đào tạo nội bộ về ISO, về phát triển bền vững... đào tạo thợ cạo mũ, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động.

### **d) Chính sách phúc lợi, xã hội**

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...).

Công ty đều đặn tổ chức Hội nghị Người lao động hàng năm để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động.

Công ty cho phép người lao động được nghỉ phép năm theo quy định của Luật Lao động, đi du lịch nghỉ dưỡng hàng năm, hỗ trợ chi phí tàu xe,...; duy trì thường xuyên chương trình hỗ trợ cá nhân và gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, tai nạn...

Hàng năm, Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, được kiểm tra sức khỏe định kỳ,... Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đầu tư và tổ chức hợp lý các hoạt động văn thể mỹ nhằm đảm bảo cho CBCNV một môi trường làm việc lành mạnh, văn minh và thoải mái.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân về nơi làm việc, nhà ở; sinh hoạt đoàn thể; hỗ trợ công nhân lúc khó khăn, hoạn nạn; Đảm bảo cơ sở vật chất hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch và vui chơi giải trí cho công nhân lao động.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV...)

#### 4) Tình hình đầu tư thực hiện dự án mới

STT	Tên công ty	Vốn góp đến 31/12/2023 (Triệu đồng)	Tỷ lệ Sở hữu
<b>1</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>811.995</b>	
1.1	Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	153.000	51,00%
1.2	Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú	133.995	76,83%
1.3	Công ty CP cao su Đồng Phú - Kratie	525.000	58,42%
<b>2</b>	<b>Đầu tư vào đơn vị khác (công ty liên kết)</b>	<b>127.734</b>	
2.1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	19.896	5,39%
2.2	Công ty CP Đầu tư cao su Phú Thịnh	1.500	0,2%
2.3	Công ty CP cao su Sa Thầy	71.277	10,37%
2.4	Công ty CP cao su Dầu Tiếng Lào Cai	24.611	11,14%
2.5	Công ty CP Kinh doanh BOT Bình Phước	10.450	11,32%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>939.729</b>	

(Nguồn: DPR-BCB)

#### Tình hình hoạt động tại các công ty con:

##### a) Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú



Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	1.295.251	1.389.946	107,31%
2	Doanh thu thuần	88.523	85.383	96,45%
3	Giá vốn hàng bán	49.194	44.200	89,85%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	30.549	53.087	173,78%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	17.734	20.536	115,80%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.144	73.734	141,40%
7	Lợi nhuận khác	3.447	3.212	93,18%
8	Lợi nhuận trước thuế	55.591	76.946	138,41%
9	Lợi nhuận sau thuế	44.421	61.484	138,41%

**b) Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú**

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	143.398	138.079	96,29%
2	Doanh thu thuần	79.378	36.286	45,71%
3	Giá vốn hàng bán	65.841	28.749	43,66%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.062	2.471	232,67%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	17.341	14.480	83,50%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.742)	(4.473)	163,13%
7	Lợi nhuận khác	(2.772)	155	-
8	Lợi nhuận trước thuế	(5.513)	(4.318)	78,32%
9	Lợi nhuận sau thuế	(5.513)	(4.318)	78,32%

**c) Công ty CP cao su Đồng Phú – Kratie**

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	1.123.815	1.187.090	105,63%
2	Doanh thu thuần	272.675	277.269	101,68%

3	Giá vốn hàng bán	194.421	221.504	113,93%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.167	9.883	312,06%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	28.061	28.687	102,23%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.360	36.961	69,27%
7	Lợi nhuận khác	(139,19)	2.271	-
8	Lợi nhuận trước thuế	53.221	39.231	73,71%
9	Lợi nhuận sau thuế	52.708	38.761	73,54%

### Một số dự án trong lĩnh vực hoạt động chính:

#### Dự án khu công nghiệp Bắc Đồng Phú

#### Tổng quan dự án:

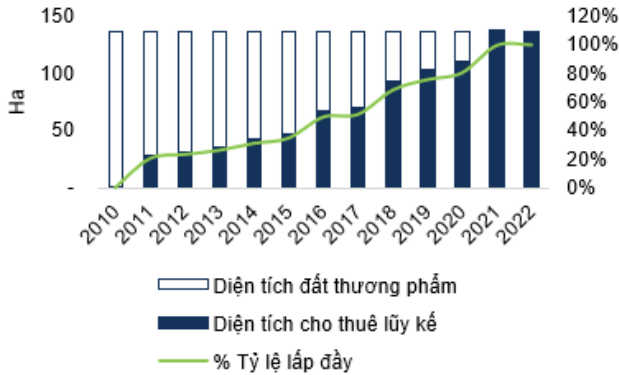
Về mảng khu công nghiệp, DPR (đóng góp 51%) cùng NTC (đóng góp 49%) thành lập CTCP KCN Bắc Đồng Phú vào tháng 5/2009 nhằm phát triển khu công nghiệp và khu dân cư. Hiện tại, DPR đang quản lý KCN Bắc Đồng Phú (189 ha), KCN Nam Đồng Phú (69 ha), KDC Cao Su Đồng Phú khu A - khu B (57ha). Trong đó, diện tích đất thương phẩm của KCN Bắc Đồng Phú và KCN Nam Đồng Phú lần lượt là 137,46 ha, 52,26 ha.

KCN Bắc Đồng Phú	KCN Nam Đồng Phú
<p><b>Vị trí khu công nghiệp:</b> Nằm tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú. Phía Đông giáp đường ĐT741 – tuyến đường quan trọng liên kết giữa tỉnh Bình Dương, Bình Phước và Tây Nguyên. KCN cách trung tâm Bình Phước 7 km, cảng sông Thạnh Phước 70 km và cách sân bay Tân Sơn Nhất 95 km.</p> <p><b>Tổng vốn đầu tư:</b> 227 tỷ đồng</p> <p><b>Tổng diện tích:</b> 189 ha</p> <p>Diện tích đất thương phẩm: 137,46 ha (73%)</p> <p>Diện tích đất khác: 51,54 ha</p> <p><b>Thời gian hoạt động KCN:</b> Năm 2059 - 50 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.</p>	<p><b>Vị trí khu công nghiệp:</b> Nằm tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú. Giáp đường ĐT741 và phía Nam giáp ranh giới giữa 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước. KCN cách TP. Hồ Chí Minh 80km, là cửa ngõ đi về các tỉnh Bình Dương.</p> <p><b>Tổng vốn đầu tư:</b> 122,2 tỷ đồng</p> <p><b>Tổng diện tích:</b> 69 ha</p> <p>Diện tích đất thương phẩm: 52,26 ha (76%)</p> <p>Diện tích đất khác: 16,74 ha.</p> <p><b>Thời gian hoạt động KCN:</b> Năm 2066 – 50 năm kể từ ngày 15/02/2016 theo Quyết định 1384/QĐ-UBND thay thế cho Quyết định 1239/QĐ-UBND ngày 12/06/2008.</p>

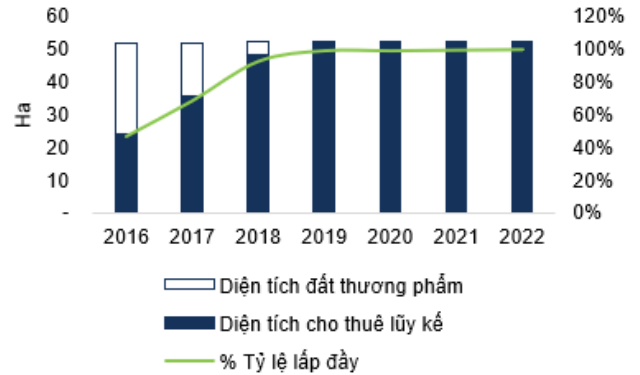
#### Hiệu quả dự án

Giai đoạn 2013 – 2022, mảng khu công nghiệp của DPR có biên lợi nhuận gộp cao hơn khoảng 8 đpt – 31 đpt so với mảng kinh doanh cao su thành phẩm, đồng thời các khu công nghiệp hiện hữu đều có tỷ lệ lấp đầy gần như 100%.

**Tình hình lấp đầy KCN Bắc Đồng Phú (2010 - 2022)**



**Tình hình lấp đầy KCN Nam Đồng Phú (2016 - 2022)**



Nguồn: DPR, FPTS tổng hợp

**Đánh giá chung:** Dự án bước đầu đã đem lại hiệu quả: hàng năm chia cổ tức từ 20-25% vốn điều lệ.

### 5) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(\*) Số liệu tài chính sử dụng trong Báo cáo thường niên 2023 đã được trình bày lại do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo các thông báo điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất từ năm 2020 đến năm 2023.

#### a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	2.375.102	2.318.690	97,62%
2	Doanh thu thuần	755.340	646.505	85,59%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	211.824	187.578	88,55%
4	Lợi nhuận khác	45.575	25.839	56,70%
5	Lợi nhuận trước thuế	257.340	213.417	82,93%
6	Lợi nhuận sau thuế	208.961	180.153	86,21%
7	Tỷ lệ Chi trả cổ tức	30%/VĐL	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023

Doanh thu thuần năm 2023 của Công ty đạt 646.505 triệu đồng, đạt 85,59% so với cùng kỳ năm 2022. Bối cảnh bất ổn của các yếu tố vĩ mô, bao gồm cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, lạm phát vẫn ở mức cao tại các quốc gia, giá bán cao su tự nhiên sụt giảm đã tác động trực tiếp đến nguồn doanh thu của công ty. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 180.153 triệu đồng, đạt 86,21% so với cùng kỳ năm 2022. Ngành cao su tự nhiên Việt Nam sẽ hưởng lợi từ giá cao su tự nhiên thế giới phục hồi từ năm 2024 nhờ kỳ vọng thiếu hụt nguồn cung đáp ứng cho nhu cầu nhập khẩu tại Trung Quốc sẽ giúp DPR cải thiện tình hình kinh doanh trong năm sau. Để đạt được kế hoạch đề ra, tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ, nhân viên Công ty cần đồng lòng nỗ lực hết mình, đồng thời kịp thời triển khai các chính sách phù hợp với biến động của thị trường. Nhờ sở hữu đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động và sáng tạo, DORUCO luôn sẵn sàng thích ứng và phát triển trong mọi điều kiện kinh tế. Dự báo kinh tế Việt Nam năm sau sẽ tăng trưởng ổn định, hứa hẹn mang đến nhiều cơ hội cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,27	8,39
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,72	7,70
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	29,31%	28,27%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,46%	39,42%
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,14	4,28
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,29	0,25
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	24,41%	24,41%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	10,40%	8,44%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	7,16%	6,01%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	25,66%	26,17%

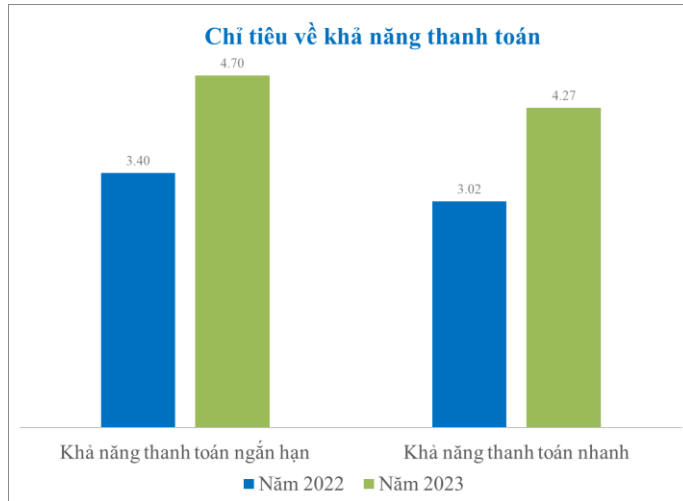
Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,40	4,70
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,02	4,27
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	10,39%	6,99%
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,60%	7,51%
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,08	5,84
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,31	0,28
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	27,66%	27,87%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	9,96%	8,41%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,71%	7,68%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	28,04%	29,01%

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023

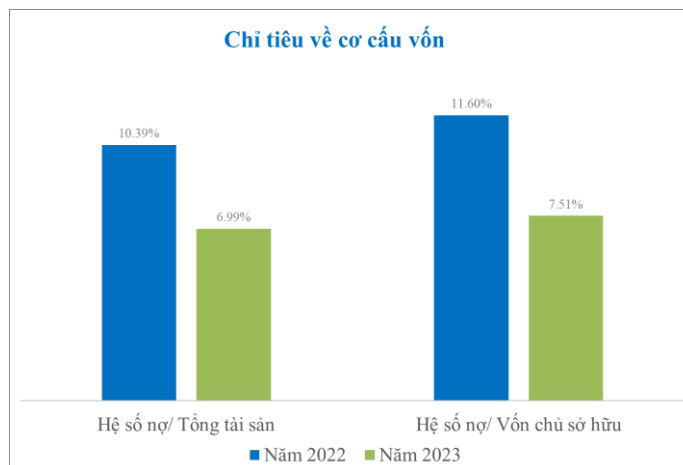
(\*) DORUCO phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu dựa trên Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023.

### ✓ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



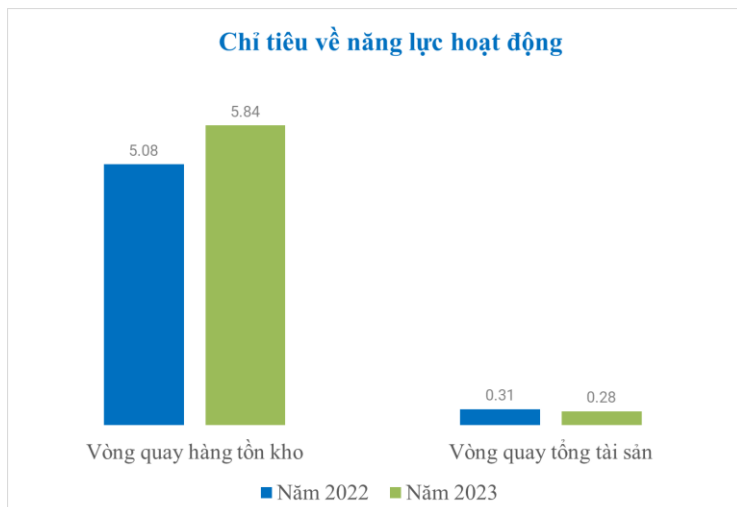
Tại thời điểm kết thúc năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tốt. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 4,70 lần, tăng 1,30 lần, hệ số thanh toán nhanh đạt 4,27 lần, tăng 1,25 lần so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân khiến các chỉ tiêu tăng lên đến từ khoản mục nợ ngắn hạn, tính đến cuối năm 2023 khoản mục nợ ngắn hạn đạt 162.004 triệu đồng, giảm 84.802 triệu đồng, tương đương 34,36%. Tài sản ngắn hạn trong năm 2023 giảm 76.935 triệu đồng, giảm 9,18% so với cùng kỳ, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 124.393 triệu đồng, tương đương 27,39%. Các chỉ số trên vẫn cho thấy được khả năng thanh toán của Công ty đang ở trong trạng thái tốt.

### ✓ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



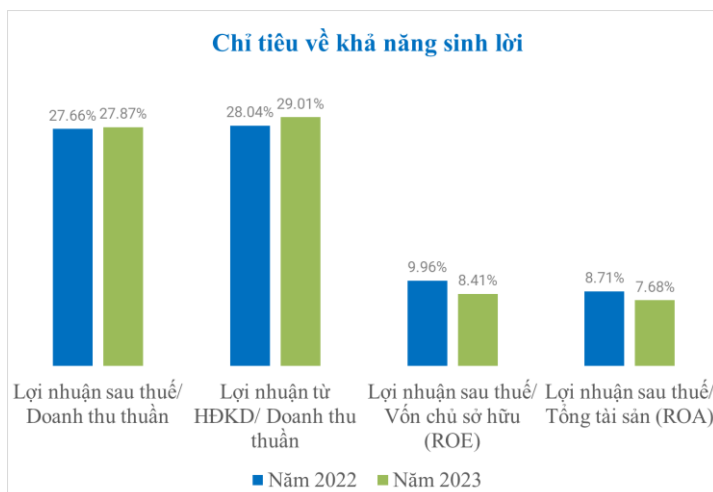
Tại thời điểm kết thúc năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tiếp tục giảm. Hệ số nợ/Tổng tài sản đạt 6,99%, giảm 3,40%, hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 7,51%, giảm 4,08% so với cùng kỳ năm trước. Điều này thể hiện tình hình sử dụng nợ trên nguồn vốn của Công ty đã có sự thay đổi giảm sự phụ thuộc vào nguồn nợ, nâng cao tự chủ tài chính từ chính nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

#### ✓ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Tại thời điểm kết thúc năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty ghi nhận tăng lên ở chỉ số Vòng quay hàng tồn kho, còn Vòng quay tổng tài sản chỉ biến động nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Vòng quay hàng tồn kho đạt 5,84 lần, tăng 0,76 lần so với cùng kỳ năm trước, do trong năm khoản mục Hàng tồn kho ghi nhận 69.737 triệu đồng, giảm 25,42% so với cùng kỳ năm 2022. Việc chỉ số Vòng quay hàng tồn kho tăng lên thể hiện tình hình hoạt động trong năm vừa qua của Công ty đang ở mức ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn biến thuận lợi mặc dù tình hình thị trường chung còn nhiều khó khăn, biến động.

#### ✓ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Tại thời điểm kết thúc năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty ghi nhận sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần tăng 0,21% so với năm trước lên mức 27,87%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân và Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân lần lượt đạt 8,41% và 7,68%, giảm 1,55% và 1,03% so với năm 2022, duy chỉ có Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần tăng nhẹ lên 29,01%. Việc các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm trong năm 2023 do lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2023 đạt 180.153 triệu đồng, giảm 13,79% so với cùng kỳ, điều này đến từ Doanh thu thuần của Công ty chỉ đạt 646.505 triệu thấp hơn 14,41% so với năm 2022.

## 6) Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần

Vốn điều lệ: 868.859.320.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 86.885.932 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 86.885.932 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 86.885.932 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VDL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>2.847</b>	<b>84.245.094</b>	<b>96,96%</b>
1	Cổ đông tổ chức	31	53.178.986	61,21%
2	Cổ đông cá nhân	2.816	31.066.108	35,75%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>89</b>	<b>2.640.838</b>	<b>3,04%</b>
1	Cá nhân	68	388.280	0,45%



2	Tổ chức	21	2.252.558	2,59%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	0,00%
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.936</b>	<b>86.885.932</b>	<b>100,00%</b>

**c) Danh sách cổ đông lớn**

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	285167717 Cấp ngày: 28/6/2013	177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	48.000.000	55,24%
<b>Tổng cộng</b>			<b>48.000.000</b>	<b>55,24%</b>

**d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Năm 2023	434.429.660.000	868.859.320.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

**7) Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội**

Việc xác định trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và người lao động không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn là chiến lược thông minh cho sự phát triển bền vững của công ty. Bằng cách này, DORUCO không chỉ tập trung vào việc tạo ra giá trị kinh tế mà còn chú trọng đến ảnh hưởng của mình đối với cộng đồng và môi trường xung quanh. Công ty vẫn luôn hoạt động theo đúng quy định của pháp luật về môi trường xã hội và đáp ứng đầy đủ các chính sách tốt nhất đối với người lao động.

**a) Tác động lên môi trường**

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của ngành và cơ quan quản lý.

- Công ty luôn coi trọng công tác bảo vệ rừng. Mỗi Nông trường đều thành lập ban bảo vệ với nhiệm vụ bảo vệ rừng cây và tài sản trên rừng cao su. Đội bảo vệ thường xuyên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, cấm thả rông gia súc và ngăn chặn hành vi ăn cắp mũ, mua bán mũ, đốn tĩa cây và các vật tư trang bị trong rừng cao su kinh doanh.
- Trước mùa khô hàng năm, công tác phòng chống cháy rừng cao su luôn được Công ty triển khai hiệu quả. Các biện pháp phòng cháy được thực hiện bao gồm: tạo đường ngăn lửa, quét lá, gom lá vào giữa hàng hay hố đa năng trong mùa rụng lá, đặt biển báo cấm lửa, thành lập đội chữa cháy với đầy đủ trang thiết bị và phân công công nhân túc trực.

#### **Tác động tích cực đến môi trường:**

- Với trên 9 ngàn ha rừng, hàng năm rừng cao su của Công ty hấp thụ một lượng lớn carbon, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu và tăng nhiệt độ.
- Rừng cao su, kết hợp với trồng các loài cây bản địa sẽ phát huy chức năng phòng hộ, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước.
- Khai thác và lợi dụng tổng hợp rừng cao su mũ và gỗ đã giảm áp lực lớn lên gỗ rừng tự nhiên.
- Tạo ra cảnh quan rừng đẹp, sinh cảnh cho động vật hoang dã.
- Hệ sinh thái rừng tự nhiên hiện có của Công ty góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, sinh cảnh quan trọng cho các loài động vật nhỏ, chim di cư...

Công ty thực hiện đánh giá giám sát định kỳ tuân thủ Tiêu chuẩn VFCS ST 1003:2019. Kết quả đánh giá được thể hiện trong bảng dưới đây, cho biết mức độ tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn VFCS:

Nguyên tắc & Tiêu chí (Theo Tiêu chuẩn VFCS)	Ý kiến bên liên quan (Các cơ quan ban ngành địa phương, người lao động, dân cư trong khu vực)	Trả lời của Đánh giá viên GFA
Nguyên tắc 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty không vi phạm pháp luật và tuân thủ theo các quy định hiện hành;</li> <li>- Công nhân công ty và nhân dân địa phương chấp hành tốt pháp luật, không có khiếu kiện, bức xúc về đất đai.</li> </ul>	Đánh giá viên ghi nhận
Nguyên tắc 2	Công ty Cổ phần CS Đồng Phú đã có nhiều hoạt động hỗ trợ địa phương như mở đường mới, nâng cấp đường giao thông, hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, giải quyết việc làm cho người dân địa phương.	Đánh giá viên ghi nhận
Nguyên tắc 3	Công ty Cổ phần CS Đồng Phú có chế độ đãi ngộ tốt cho người lao động.	Đánh giá viên ghi nhận
Nguyên tắc 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lao động được đào tạo huấn luyện về kỹ thuật, an toàn lao động hàng năm. Trình độ quản lý và sản xuất được cải thiện theo thời gian;</li> <li>- Thiết bị ATLD đã được trang bị tốt</li> </ul>	Đánh giá viên ghi nhận
Nguyên tắc 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất thải được công ty quản lý tốt;</li> <li>- Không có mùi hôi tại các trạm thu gom mù và trong quá trình vận chuyển mù;</li> <li>- Không bị ô nhiễm đất;</li> <li>- Không có tác động tiêu cực đến người dân địa phương từ các hoạt động của công ty.</li> </ul>	Đánh giá viên ghi nhận
Nguyên tắc 6	Không có ý kiến	
Nguyên tắc 7	Không có ý kiến	
Tiêu chuẩn QLRVFCS cho Nhóm	Không có ý kiến	
Quy định – Yêu cầu sử dụng nhãn VFCS và PEFC	Không có ý kiến	

## **b) Quản lý chất thải**

Năm qua, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất, đảm bảo bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên vận động cán bộ công nhân viên dọn vệ sinh nơi làm việc, góp phần tạo môi trường làm việc trong lành và xây dựng nếp sống văn minh cho mỗi cá nhân người lao động.

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải:

- Hiện nay, Công ty có 03 xí nghiệp, nhà máy sản xuất. Tất cả các nhà máy đều được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ hóa học kết hợp sinh học. Xí nghiệp chế biến Thuận Phú và nhà máy chế biến Tân Lập, nước thải đạt cột A, QCVN 01:2015/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.
- Đối với quản lý chất thải nguy hại: Công ty đã xây dựng kho tạm trữ chất thải nguy hại tại tất cả các đơn vị trực thuộc, bao gồm nhà máy, xí nghiệp, các nông trường và bệnh viện. Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH công nghệ môi trường Bình Phước Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Đối với chất thải thông thường: Ký hợp đồng thu gom rác sinh hoạt với đơn vị 49 thu gom rác địa phương, tiến hành thu gom hàng ngày. Riêng rác thải sản xuất thông thường thì tái chế, tái sử dụng trong nhà máy, bán phế liệu (giấy báo, bìa các tông...).

## **c) Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Công ty cam kết hoạt động một cách bền vững, bảo vệ môi trường và cộng đồng. Chúng tôi triển khai nhiều giải pháp để giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình hoạt động:

- ✓ Hạn chế hóa chất:
  - Sử dụng hóa chất một cách thận trọng, chỉ khi thực sự cần thiết.
  - Ưu tiên các phương pháp phòng trừ dịch hại sinh học, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
  - Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng hóa chất, đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường.
- ✓ Khai thác hiệu quả:
  - Áp dụng phương pháp khai thác cuốn chiếu, đảm bảo tiến độ và hạn chế tác động môi trường.
  - Sử dụng các thiết bị, máy móc hiện đại để tối ưu hóa quá trình khai thác.
  - Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên khai thác, đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- ✓ Quản lý chất thải:
  - Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh.
  - Phân loại rác thải để tái sử dụng và tái chế.
  - Xây dựng hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn.

## **d) Tiêu thụ năng lượng**

Lượng năng lượng tiêu thụ: Trong năm, DORUCO đã tiêu thụ năng lượng điện và nước với số tiền lần lượt là 6.665.739.583 đồng và 1.258.306.365 đồng. Các đơn vị chủ yếu dùng nước giếng để tưới tiêu tại các nông trường cao su.

Biện pháp tiết kiệm năng lượng: Nghiên cứu giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời, ánh sáng tự nhiên.

#### **e) Tiêu thụ nước**

Công ty sử dụng nguồn nước đa dạng, bao gồm nước sông, suối, nước ngầm và nước sạch. Vào mùa khô hạn, nước ngầm đóng vai trò chủ yếu trong việc cung cấp nước cho các hoạt động chăm sóc rừng.

Biện pháp bảo vệ nguồn nước:

- Hoạt động xây dựng hệ thống đường vận chuyển cần hạn chế tối đa các khả năng có thể xảy ra như: Gây sạt lở đất, xói mòn, ảnh hưởng đến nguồn nước trong trường hợp đi qua các dòng chảy, rác thải rã từ các lán trại thi công, đặc biệt, thời gian thi công kéo dài có thể gây ảnh hưởng đến quá trình lưu thông của các dòng chảy.
- Bố trí các lô khai thác xen kẽ ở một khu vực không nên có diện tích lớn để giảm thiểu tác động đến lưu lượng nước ở trên các dòng suối và mức nước ngầm.
- Đánh giá trước khi tiến hành khai thác: đánh giá nguy cơ tiềm ẩn (xói mòn đất, bụi ồn, ô nhiễm đất, nguồn nước, nguy cơ tai nạn cho người lao động, ...) có thể xảy ra cho từng hoạt động khi khai thác.
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xử lý và phân tách nước thải tại các nhà mũ/nhà tổ, các giải pháp tiết kiệm nước tại các nhà mũ/nhà tổ, góp phần cải thiện môi trường nhà tổ/nhà mũ. Xử lý nước thải tại các nhà tổ/nhà mũ theo đúng quy định, sử dụng tiết kiệm nước trong rửa các dụng cụ khai thác mũ.

#### **f) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường. Chúng tôi tuân thủ các tiêu chuẩn, quy tắc hành xử và luật định về môi trường trong tất cả các khâu từ trồng rừng, khai thác đến chế biến sản phẩm. Đồng thời, công ty luôn lắng nghe và đáp ứng các yêu cầu của cộng đồng địa phương.

Nhà máy chế biến mũ cao su thực hiện công tác bảo vệ môi trường dựa trên đề án được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Công ty đã được Sở kiểm tra và đánh giá cao về việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường.

Năm 2023, hoạt động của công ty không vi phạm hay bị xử phạt về vấn đề môi trường.

### g) Chính sách liên quan đến người lao động

#### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Số lượng lao động	Người	2.859	2.631	2.531	2.096
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	10.836.000	11.985.000	10.028.000	10.025.000

#### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc thân thiện và năng động, nơi mỗi nhân viên được phát huy tối đa năng lực và cống hiến hết mình cho sự phát triển chung. Chúng tôi khuyến khích tinh thần đoàn kết, cống hiến và hỗ trợ lẫn nhau trong toàn thể lực lượng lao động, góp phần tạo nền tảng vững bền cho công ty. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên hỗ trợ các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn và người lao động khi gặp ốm đau, tai nạn.
- Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được lãnh đạo Công ty quan tâm phát động mạnh mẽ. Các hoạt động như Đại hội thể thao cấp Công ty, giải bóng chuyền, cầu lông chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức thường xuyên. Hiện nay, mỗi tổ sản xuất tại các Nông trường đều có sân bóng chuyền bê tông, mỗi Nông trường có nhà thi đấu cầu lông, sân bóng đá mini, sân tennis... góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thể chất và tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho CBCNV.
- Công ty luôn đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho người lao động, bao gồm: bồi dưỡng độc hại, ăn giữa ca, BHXH, BHYT, BHLĐ, trợ cấp thôi việc, trợ cấp tai nạn lao động, an sinh xã hội... Chế độ bồi dưỡng độc hại được thực hiện bằng hiện vật như đường, sữa, bột ngọt, dầu ăn, cá hộp, nước mắm... đảm bảo công bằng cho CBCNV.

#### Hoạt động đào tạo người lao động:

- Nhân lực là chìa khóa cho chiến lược phát triển bền vững của DORUCO. Chúng tôi sở hữu đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng và chăm sóc cây cao su. Đây là nền tảng vững chắc để DORUCO tiếp tục phát triển và gặt hái thành công trong lĩnh vực cao su bền vững.
- DORUCO chú trọng nâng cao năng lực cho công nhân lao động thông qua các hoạt động đào tạo bài bản. Các lớp tập huấn về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động được tổ chức thường xuyên. Bên cạnh đó, công ty cũng đẩy mạnh tuyên truyền về công tác PCCC và bảo vệ môi trường theo chủ trương 5S. Nhờ những nỗ lực này, công nhân lao động được nâng cao ý thức và kỹ năng, góp phần nâng cao hiệu quả và an toàn trong sản xuất.

#### **h) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Công ty cam kết đóng góp tích cực cho xã hội thông qua các hoạt động từ thiện và phúc lợi xã hội. Phong trào "lá lành đùm lá rách" được triển khai hiệu quả, thể hiện tinh thần đoàn kết và tương thân tương ái của cán bộ công nhân viên. Chúng tôi thường xuyên ủng hộ các quỹ vì người nghèo, đồng bào bị thiên tai, quỹ giáo dục, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào vùng lũ lụt... góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.
- Các hoạt động kinh doanh của Công ty không những mang đến cơ sở phát triển cho bản thân doanh nghiệp, còn đóng góp cho sự phát triển của kinh tế xã hội nói chung, kinh tế địa phương nói riêng.
- Hoạt động kinh tế của Công ty không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn đóng góp cho sự phát triển kinh tế địa phương. Công ty tạo nguồn cung cấp sinh kế cho nhiều lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo và ổn định an ninh trật tự. Mức thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty cao hơn so với mặt bằng chung (trên 8 triệu đồng/tháng). Các hoạt động như khai thác mỏ cao su, trồng và chăm sóc rừng cao su... đòi hỏi số lượng lớn lao động, phần lớn không cần trình độ học vấn cao, tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương.
- Hỗ trợ phát triển đời sống cho đồng bào các dân tộc ít người, các hộ nghèo, trẻ em... trong các khu vực lân cận.

#### **i) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Hiện tại, Công ty không có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**

Trong nhiều năm qua, các quốc gia Đông Nam Á gồm Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam đã chiếm hơn 70% diện tích khai thác cao su trên thế giới. Về sản lượng: theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), Việt Nam là nhà sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên lớn thứ 3 trên thế giới. Sau khi vươn lên vị trí thứ 3 toàn cầu về sản lượng cao su thiên nhiên từ năm 2013, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế này với sản lượng gần 1,1 triệu tấn trên diện tích gần 1 triệu ha. Cao su thiên nhiên Việt Nam cũng đồng thời được xuất khẩu tới hơn 80 thị trường, chiếm gần 12% tổng sản lượng xuất khẩu toàn cầu (chỉ sau Thái Lan gần 40% và Indonesia khoảng 25-26%).

Hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, khai thác và chế biến cao su, DORUCO sở hữu quy mô lớn hơn so với nhiều đối thủ cùng ngành. Là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam, Công ty hoạt động theo định hướng chung của Tập đoàn, dẫn đến mức độ cạnh tranh thấp. DORUCO tập trung đầu tư xây dựng cơ bản và cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời tối ưu hóa chi phí sản xuất. Nhiều năm qua, các sản phẩm cao su chất lượng cao của Việt Nam đã được tín nhiệm trên thị trường trong và ngoài nước. Các sản phẩm đã và đang được xuất khẩu sang các nước như Trung Quốc, Singapo, Hàn Quốc, Đài Loan, Đức, Malaysia, Nhật, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Anh, Hoa Kỳ...

##### **Thuận lợi:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 5,05% so với năm trước.
- Sản lượng xuất khẩu cao su khả quan hơn bởi ngành sấm lốp tại Trung Quốc phục hồi trở lại.
- Vườn cây tại Campuchia và Đắc Nông sẽ dần bắt đầu vào thời kỳ trưởng thành, cho năng suất thu hoạch mũ cao cao nhất, mang lại sản lượng cao su lớn trong giai đoạn tiếp theo.
- Cao su tự nhiên được sử dụng chủ yếu cho lốp xe tải hạng nhẹ, hạng nặng và xe khách. Sự phục hồi kinh tế và mở cửa lại các hoạt động du lịch có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu lốp xe toàn cầu.

##### **Khó khăn:**

- Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã điều chỉnh lãi suất cơ bản ở biên độ 5,25-5,5% trong năm 2023 nhằm ngăn cản sức ép của lạm phát. Điều này ảnh hưởng chí chi phí vay của doanh nghiệp.
- Tình hình thời tiết cực đoan bởi ảnh hưởng của hiện tượng El Nino ở Bắc bán cầu ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng mũ khai thác cũng như sản lượng chuỗi.
- Tình trạng lạm phát khiến chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng cao, làm gia tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của DORUCO.



- Khả năng phát triển của ngành cao su trong nước nói chung và DORUCO nói riêng đã bị hạn chế bởi thị phần tiêu thụ cao su trong nước còn kém phát triển, chủ yếu vào các sản phẩm như Săm lốp xe, găng tay, nệm mút... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng.
- Trong tương lai xu hướng bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế sử dụng nguyên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, tìm kiếm những nguyên liệu thay thế cho cao su tự nhiên sẽ là những yếu tố có thể tác động đến cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên...

### **Thực hiện trong năm:**

#### **Công tác điều hành sản xuất:**

- Tăng cường kiểm soát chi phí và giá thành sản xuất để đảm bảo hoạt động sản xuất và kinh doanh phát triển có lợi nhuận và theo kế hoạch. Công ty tập trung vào việc nâng cao công tác thu mua mủ cao su thô để giảm chi phí cố định trên mỗi tấn sản phẩm. Đồng thời, đặt sự chú ý vào chăm sóc và phòng trừ dịch bệnh trong vườn cây, tiến hành nghiên cứu để sửa đổi quy trình kỹ thuật khai thác mủ cao su nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo sự ổn định trong sinh trưởng của vườn cây.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát và hướng dẫn xử lý mọi quy trình từ tổ chức sản xuất, thu hoạch, đóng gói đến tiêu thụ sản phẩm;
- Không ngừng xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý sản xuất kinh doanh để đáp ứng các nguyên tắc, chỉ số và yêu cầu của quản lý bền vững;
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên các hoạt động từ trồng, chăm sóc rừng cây kiến thiết cơ bản (KTCB), tới quản lý và khai thác rừng cây kinh doanh;
- Tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy quản lý từ Công ty xuống các đơn vị trực thuộc bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, giảm đầu mối trung gian. Phân chia nhiệm vụ rõ ràng cho từng phòng ban, đơn vị và cá nhân, tránh chồng chéo, gắn quyền lợi với nhiệm vụ được giao.

#### **Công tác đầu tư quản lý và sử dụng đất:**

- Tập trung đầu tư theo kế hoạch cho các vườn cây KTCB đảm bảo sinh trưởng phát triển tốt, cắt giảm các khoản đầu tư xây dựng cơ bản không thật sự cần thiết, nhằm giảm áp lực về vốn. Đồng thời, tiếp tục duy trì các hợp đồng trồng xen trên vườn cao su tái canh, nhằm tăng hệ số sử dụng đất và giảm chi phí đầu tư, đồng thời tăng doanh thu cho Công ty.
- Lập và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng trên cơ sở phục vụ các công việc thiết yếu cho sản xuất và đầu tư; duy trì giám sát và theo dõi quá trình thi công xây dựng để đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
- Công ty triển khai thực hiện chính sách quy hoạch và phát triển thêm các loại cây trồng thuộc dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại chi nhánh nông trường Cư Mgar, khi được UBND tỉnh cho phép. Tập trung vào việc hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo định hướng của HĐQT.
- Quản lý sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt và bàn giao diện tích đất về địa phương theo phương án rà soát đất đai sau khi UBND tỉnh phê duyệt. Việc bàn giao đất đai đảm bảo không bị thiệt hại về tài chính và quyền lợi người lao động.

#### **Công tác tài chính:**

- Tiến hành cân đối dòng tiền, tiết giảm các khoản chi phí trong sản xuất, đầu tư xây dựng; giảm một số công trình, dự án đầu tư nhằm tránh tình trạng mất thanh khoản.
- Tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có, ưu tiên đầu tư vào các hạng mục tạo ra sản phẩm hàng hóa;
- Huy động nguồn vốn từ cổ phần hóa, phát hành bổ sung cổ phiếu.
- Phân bổ dài hạn cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm cho từng công trình trong đó cần đảm bảo phân bổ đủ các hoạt động trồng chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng cây.
- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư. Tập trung bố trí, huy động vốn để thanh toán các khoản thu nhập cho người lao động, nợ khách hàng kịp thời. Kiểm soát chi phí, công nợ, hàng tồn kho, các sắc thuế, phí, lệ phí nhằm nhằm tối ưu hóa sự linh hoạt và hiệu suất của nguồn vốn.
- Tăng cường quản lý khối cao su liên kết, thu hồi nợ đầu tư và tiền bán cây cao su thanh lý, để ngăn chặn mọi rủi ro về tài chính và duy trì ổn định trong quản lý nguồn lực tài chính của Công ty.

## 2) Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng	
				Năm 2022	Năm 2023
Tài sản ngắn hạn	838.506	761.571	90,82%	35,30%	32,84%
Tài sản dài hạn	1.536.596	1.557.118	101,34%	64,70%	67,16%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.375.102</b>	<b>2.318.690</b>	<b>97,62%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi nhận là 2.318.690 triệu đồng, giảm nhẹ 2,38% so với năm 2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn ghi nhận biến động ngược chiều nhau. Mức tăng của tài sản dài hạn thấp hơn đã tác động giảm tổng tài sản của Công ty trong năm 2023. Do trong năm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 124.393 triệu đồng, tương đương 27,39% khiến tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 761.571 triệu đồng, giảm 9,18% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, tài sản dài hạn lại có sự tăng nhẹ 1,34% đến từ khoản mục tài sản cố định của Công ty tăng hơn 105.846 triệu đồng, tương đương tăng 30,04% so với cùng kỳ, khiến cơ cấu tài sản của Công ty có sự chuyển dịch thêm về tài sản dài hạn chiếm 67,16% so với tổng tài sản Công ty.

### b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng	
				Năm 2022	Năm 2023
Nợ ngắn hạn	246.806	162.004	65,64%	100,00%	100,00%
Nợ dài hạn	0	0	-	0,00%	0,00%
Tổng nợ phải trả	246.806	162.004	65,64%	10,39%	6,99%
Vốn chủ sở hữu	2.128.296	2.156.685	101,33%	89,61%	93,01%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.375.102</b>	<b>2.318.690</b>	<b>97,62%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị nguồn vốn của Tổng Công ty được ghi nhận là 2.318.690 triệu đồng, giảm nhẹ 2,38% so với năm 2022, trong đó, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 162.004 triệu đồng, giảm mạnh 34,36% so với cùng kỳ năm trước, ngược lại khoản mục vốn chủ sở hữu lại ghi nhận tăng nhẹ 1,33%. Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự chênh lệch về tỷ trọng lớn khi vốn chủ sở hữu chiếm đến 93,01% và nợ phải trả chỉ chiếm 6,99%, thể hiện Công ty có khả năng tự chủ tài chính giảm thiểu phụ thuộc vào các khoản vay nợ tài chính. Đây là lợi thế giúp Công ty giảm thiểu được tác động từ biến động lãi suất vay vốn Ngân hàng trong năm vừa qua, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được duy trì ổn định.

### 3) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong bối cảnh nền kinh tế xã hội năm 2023 nhiều biến động, Công ty vẫn giữ Doanh thu, lợi nhuận của Công ty và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Để gặt hái thành công như vậy, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành đã xây dựng một hướng đi chính xác trong chiến lược sản xuất kinh doanh, đồng thời không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

### 4) Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2024 và đã được HĐQT thông qua để trình ra cuộc họp ĐHCĐ như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Diện tích khai thác	Ha	5.881,34
2	Sản lượng khai thác	Tấn	10.955
3	Sản lượng thu mua	Tấn	3.000
4	Sản lượng chế biến	Tấn	14.955
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	14.000
6	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	36,46
7	Doanh thu thuần	Triệu đồng	603.311

8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	221.853
9	Trích quỹ đầu tư phát triển	ĐỒNG	10% lợi nhuận sau thuế
10	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	ĐỒNG	03 tháng lương BQ thực trả

### Các biện pháp thực hiện:

#### Về triển khai nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2024

- Tiếp tục hướng mọi nguồn lực vào việc hỗ trợ các công ty con đạt thành công trong các kế hoạch phát triển, nhằm tận dụng nội lực và xây dựng Công ty một cách mở rộng và bền vững, phù hợp với kế hoạch xây dựng Tập đoàn cao su trong tương lai;
- Triển khai chương trình phát triển rừng bền vững của Công ty. Công tác thực hiện chứng chỉ rừng Việt Nam (FM) và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC);
- Linh hoạt trong quản lý, điều hành chuỗi sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì ổn định;
- Tham mưu chỉ đạo các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức công tác khai thác, phân đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng mủ cao su năm 2024;
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc đối với từng đơn vị, từng loại hình vườn cây phù hợp với điều kiện thời tiết và sự sinh trưởng, phát triển. Tăng cường công tác thâm canh đối với một số diện tích cao su KTCB chậm phát triển tại các chi nhánh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật trong nông nghiệp.

#### Công tác đầu tư:

- Tập trung các nguồn vốn, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã triển khai nhằm thu hồi vốn đầu tư một cách hiệu quả;
- Tiếp tục thực hiện phương án tái cơ cấu, hoạt động đầu tư theo hướng tập trung nguồn lực cho các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề công ty có lợi thế cạnh tranh, tránh đầu tư manh mún, phân tán; thực hiện thoái vốn các dự án không thuộc ngành chính và không hiệu quả. Đồng thời, liên tục tìm kiếm cơ hội đầu tư mới với điều kiện đảm bảo hiệu quả kinh tế;
- Huy động nguồn vốn thông qua cổ phần hóa và phát hành bổ sung cổ phiếu để đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

#### Áp dụng công nghệ, khoa học:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch chủ động tham gia Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, tập trung vào việc số hóa các quy trình sản xuất và quản lý để nâng cao hiệu suất và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh;
- Đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy sử dụng nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời và ánh sáng tự nhiên để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường;
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp xử lý và phân tách nước thải tại các nhà mủ/nhà tổ, các giải pháp tiết kiệm nước tại các nhà mủ/nhà tổ, góp phần cải thiện môi trường nhà tổ/nhà mủ;

- Chủ động hướng dẫn các phòng chuyên môn thực hiện khảo sát đánh giá và đề xuất việc sử dụng phần mềm ứng dụng nhằm đảm bảo liên tục trong quản trị và điều hành, đồng thời đảm bảo tính liên kết giữa các hệ thống để tối ưu hóa quản lý dữ liệu;
- Áp dụng các bộ giống tốt, giống có năng suất cao, khả năng kháng bệnh tốt và có khả năng thích nghi với sự biến đổi khí hậu, nhằm tối ưu hóa sản xuất.

## 5) Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 6) Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội

### a) Trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng

Sự ủng hộ, tin tưởng của xã hội và cộng đồng địa phương gắn liền với quá trình phát triển bền vững của công ty. Vì vậy, DORUCO luôn mong muốn đóng góp sức mình vào các chương trình mang ý nghĩa cộng đồng:

- Đóng góp vào sự phồn thịnh kinh tế xã hội của địa phương, Công ty không chỉ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mà còn thúc đẩy tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.
- Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, cung cấp giống cây trồng chất lượng cao, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ trồng và khai thác mù cao su, góp phần nâng cao chất lượng và sản lượng mù, tạo ra sản phẩm hàng hoá, góp phần xóa đói giảm nghèo.
- Thực hiện chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm mù và gỗ cao su trong cộng đồng địa phương, giữ cho trật tự và an ninh xã hội được duy trì, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của người dân đối với rừng cao su.
- Tôn trọng và bảo vệ phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý rừng.
- Chủ động giảm thiểu những tác động tiêu cực từ các hoạt động quản lý rừng tới cộng đồng người dân sống xung quanh rừng cao su.
- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; ổn định sinh kế người dân sống xung quanh khu vực quản lý của Công ty; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững.
- Qua việc đầu tư vào tái tạo rừng, hàng năm Công ty từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiến hành duy tu các tuyến đường lâm nghiệp vừa phục vụ sản xuất kinh doanh đồng thời kết hợp dân sinh kinh tế.

### b) Trách nhiệm đối với môi trường

DORUCO luôn xác định bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng trong mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Trong mọi hoạt động sản xuất, chế biến của Công ty không thể tránh khỏi những tác động tới môi trường, nhưng Công ty không ngừng nỗ lực bảo vệ môi trường bằng cách:

- Công ty không chỉ tuân thủ chặt chẽ các quy định về xử lý chất thải mà còn tập trung vào việc tạo một môi trường làm việc tốt cho sức khỏe và tinh thần của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nhà máy chế biến mủ và văn phòng Công ty nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.
- Cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng và khai thác gỗ.
- Bảo vệ và phục hồi môi trường, bảo vệ đất và nguồn nước thông qua các hoạt động quản lý và kinh doanh rừng cao su.
- Thu gom và xử lý rác thải rắn như túi bầu, túi nilon, vỏ chai, bao bì theo quy định.
- Công ty không chỉ duy trì việc giám sát chặt chẽ các công việc liên quan đến rừng cao su mà còn tuân thủ mọi quy định về sử dụng hóa chất và an toàn vệ sinh lao động.
- Tại Nhà máy chế biến mủ cao su, công ty tuân thủ mọi yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường, được kiểm tra và đánh giá định kỳ bởi Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh; duy trì việc không sử dụng chai nước bằng nhựa.
- Công ty thường xuyên đánh giá tác động môi trường trước, trong và sau quá trình khai thác, từ đó đề xuất biện pháp hoạt động để điều chỉnh các hoạt động bảo vệ trong phương án quản lý rừng.

### **c) Trách nhiệm với phát triển kinh tế**

DORUCO luôn nhận thức được tầm quan trọng giữa tăng trưởng bền vững luôn phải đi đôi với tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty:

- Xác định sản lượng gỗ và mủ thu hoạch theo kế hoạch ổn định hàng năm, đồng thời đảm bảo có chứng chỉ quản lý bền vững để khẳng định cam kết với môi trường. Tăng cường sản xuất kinh doanh rừng cao su với mục tiêu duy trì năng suất và sản lượng ổn định. Tổng doanh thu từ mủ cao su và gỗ hàng năm ổn định và tăng mạnh trong các năm tiếp theo và lợi nhuận đạt 10% so với giá thành sản xuất.
- Xác định nguồn tài chính bền vững từ các hoạt động kinh doanh rừng cao su.
- Tăng giá trị từ các hoạt động sản xuất kinh doanh rừng cao su, mục tiêu tăng thu nhập và cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên của Công ty, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế địa phương.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong thâm canh và khai thác rừng cây cao su nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng mủ và gỗ cao su, hạ giá thành sản phẩm.
- Tuân thủ các nội dung về hiệu quả kinh tế cao và bền vững theo Quy trình kỹ thuật 2020 do Tập Đoàn công nghiệp cao su Việt Nam ban hành.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1) Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Năm 2023, một năm chịu nhiều khó khăn do tình trạng lạm phát vẫn còn cao khiến chi phí nguyên vật liệu đầu vào, làm gia tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của DORUCO. Với nỗ lực phấn đấu của Ban Lãnh đạo cùng toàn bộ công nhân viên và sự hỗ trợ từ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cùng các cấp, ban, ngành tại địa phương đã giúp Công ty triển khai tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra và hướng tới năm 2024 được kỳ vọng sẽ giá cao su tự nhiên sẽ phục hồi, tăng giá giúp tình hình kinh doanh của DPR tích cực. Cụ thể:

- Sản lượng khai thác vượt kế hoạch 4,91%; năng suất đạt 2,07 tấn/ha, giữ vững vị trí ở Top đầu trong Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 76,54% so với kế hoạch đề ra.
- Thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định.
- Vốn và tài sản của các cổ đông được sử dụng một cách hiệu quả, bảo toàn qua các năm. Đồng thời, Công ty cũng cân đối được nguồn đầu tư, bảo đảm hài hòa lợi ích của các cổ đông và có phần phân phối cho người lao động thông qua chính sách tiền lương và việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi. Ngoài ra, Công ty luôn hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách đối với Nhà nước.

HĐQT DORUCO luôn giữ vững tinh thần đoàn kết, tâm huyết với công ty và nhạy bén trước những biến động của thị trường. HĐQT dành nhiều thời gian nghiên cứu, thảo luận để đưa ra các chủ trương, nghị quyết phù hợp, góp phần định hướng phát triển cho công ty. Nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa HĐQT và bộ máy chuyên môn, công tác điều hành được thực hiện hiệu quả, đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ.

Đối mặt với những khó khăn trong năm qua, HĐQT đã thể hiện sự đoàn kết, đồng lòng, cùng Ban điều hành kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. HĐQT cũng đóng góp ý kiến quan trọng trong việc định hướng chiến lược ngắn hạn và trung hạn cho sự phát triển bền vững của Công ty.

### **2) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hằng ngày của Công ty.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động hiệu quả theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. HĐQT đánh giá cao khả năng điều hành linh hoạt, quyết liệt và kịp thời của BĐT, góp phần đạt được kết quả kinh doanh tốt. BĐT đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, Nghị quyết của HĐQT và kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hoạt động điều hành kinh doanh của BĐT không gặp cản trở, đồng thời việc giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các thành viên HĐQT, BĐT và Ban Kiểm soát thực hiện quản trị Công ty theo chuẩn mực hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì lợi ích của các cổ đông.

- Hằng quý, Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện Nghị quyết HĐQT và những khó khăn, thuận lợi trong quá trình điều hành. Dựa vào báo cáo và tình hình thực tế, HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá kết quả điều hành trong quý và đưa ra yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Trong suốt năm vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy tắc tác nghiệp và quản lý. Trong năm 2023, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2024 sẽ là một năm đầy thử thách của Công ty trong tình hình chính trị và kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, trong bối cảnh kinh tế vi mô, vĩ mô có nhiều thay đổi. Công ty đã đề ra những biện pháp quyết liệt để ứng phó, xây dựng nhiều kịch bản trong sản xuất kinh doanh để thích nghi với tình hình mới. Chiến lược dài hạn ngoài mảng sản xuất cao su vẫn không thay đổi, công ty còn tập trung phát triển ngành sản xuất chế biến gỗ và đầu tư khu công nghiệp để tận dụng lợi thế về nguồn nguyên liệu và quỹ đất nông nghiệp khi được phép chuyển đổi. Về trung và ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung vào những sản phẩm có giá bán tốt, nhu cầu của thị trường lớn. Đồng thời cải tiến dây chuyền công nghệ để giảm giá thành sản phẩm. Công ty tin tưởng sẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại để hoàn thành kế hoạch, tiến đến mục tiêu đã định.

Nguồn lực chính của Công ty chủ yếu tập trung vào đội ngũ, nhân viên và người lao động cũng như quỹ đất hiện có. Trên nền tảng quỹ đất và diện tích khai thác có sẵn, Công ty sẽ tiếp tục phát triển mở rộng diện tích, tăng năng suất, tăng sản lượng mù. Nguồn vốn của Công ty để hướng đến các chiến lược kinh doanh chủ yếu dựa vào nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn quỹ được hình thành từ lợi nhuận kinh doanh. Vì vậy năm 2024 là năm thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội đặt ra đối với HĐQT.

#### **Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:**

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty CPCS Đồng Phú. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.



Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích của Công ty và các cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

## V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1) Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT có 5 người, trong đó có 01 thành viên độc lập, số còn lại là thành viên HĐQT không chuyên trách.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	3.200	0,0037%
2	Hồ Cường	Thành viên HĐQT	3.200	0,0037%
3	Huỳnh Trọng Thủy	Thành viên HĐQT	7.000	0,0081%
4	Phạm Phi Điều	Thành viên HĐQT	13.790	0,0159%
5	Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-

#### b) Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

##### **Ông Mai Huỳnh Nhật – Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh : 1965

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học & Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

+ 2005-2007: Trưởng phòng Kinh doanh - Nghiên cứu thị trường Công ty Cao su Đồng Phú.

Quá trình công tác

+ 2016-2018: Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ Phần Cao su Đồng Phú.

+ 2018- đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ Phần Cao su Đồng Phú.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty

: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác

: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : 3.200 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : 26.500.000 cổ phần

##### **Ông Hồ Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (như nêu trên chương II)**

**Ông Huỳnh Trọng Thủy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (như nêu trên chương II)**

**Ông Phạm Phi Điều – Thành viên HĐQT**

Năm sinh	:	1965
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác	:	+ 07/1992-9/2006: Phó trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Cao su Đồng Phú. + 10/2006-12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Cao su Đồng Phú. + 2021 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cao su Đồng Phú.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú. Thành viên HĐQT Công ty CP Kinh doanh BOT đường ĐT 741.
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	13.790 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	4.300.000 cổ phần

**Bà Nguyễn Ngọc Thanh – Thành viên HĐQT độc lập**

Năm sinh : 1974

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ – Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác : + 03/1998 – 08/2000: Kế toán viên NH BIDV Bình Phước.  
+ 09/2000 – 05/2004: Kiểm tra viên NH BIDV Bình Phước.  
+ 06/2004 – 01/2008: Kiểm tra Trưởng NH BIDV Bình Phước.  
+ 02/2008 – 02/2010: Giám đốc phòng GD Chơn Thành NH BIDV Bình Phước.  
+ 03/2010 – 02/2012: TP quan hệ khách hàng NH BIDV Bình Phước.  
+ 03/2012 – 02/2015: TP quan hệ khách hàng doanh nghiệp NH BIDV Bình Phước.  
+ 03/2015 – 10/2016: TP khách hàng cá nhân NH BIDV Bình Phước.  
+ 11/2016 – 10/2017: TP khách hàng Vietcombank Bình Phước.  
+ 11/2017 đến nay: Phó Giám đốc chi nhánh Vietcombank Bình Phước.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu : -

Số cổ phần đại diện sở hữu : -

**c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

**d) Các cuộc họp của HĐQT**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số buổi họp HĐQT tham dự</b>	<b>Tỷ lệ tham dự họp</b>
1	Ông Mai Huỳnh Nhật	6/6	100%
2	Ông Hồ Cường	6/6	100%
3	Bà Nguyễn Ngọc Thanh	6/6	100%
4	Ông Phạm Phi Điều	6/6	100%
5	Ông Huỳnh Trọng Thủy	6/6	100%

**Các nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2023:**

STT	Số Nghị quyết; Tỷ lệ thông qua	Ngày/tháng/năm	Nội dung
1	Số 03/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	16/01/2023	<p>Thống nhất việc thanh lý 241,30 ha cây cao su thanh lý để chuẩn bị cho tái canh năm 2023 và gói vụ năm 2024 như sau:</p> <p><b>I. Tổng diện tích, số cây cao su thanh lý, giá trị:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích thanh lý: 241,30 ha</li> <li>- Tổng số cây thanh lý: 106.920 cây (trong đó, có 773 cây cụt đọt)</li> <li>- Tổng giá trị không thấp hơn: 83.364.442.900 đồng (<i>Tám mươi ba tỷ, ba trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng</i>)</li> </ul> <p><b>II. Phương thức bán:</b></p> <p>1. Bán đấu giá công khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích bán đấu giá: 118,29 ha (chiếm 49% tổng diện tích)</li> <li>- Tổng giá trị không thấp hơn: 40.548.125.338 đồng (<i>Bốn mươi tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng</i>).</li> </ul> <p>2. Công ty tự thực hiện theo phương thức: giao cho Chi nhánh chế biến gỗ Đồng Phú: 123,01 ha (chiếm 51% tổng diện tích).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích giao Chi nhánh chế biến gỗ Đồng Phú: 123,01 ha</li> <li>- Tổng giá trị không thấp hơn: 42.816.317.562 đồng (<i>Bốn mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng</i>)</li> </ul> <p>(Có bảng chi tiết số lô, diện tích, số cây, giá trị kèm theo tại tờ trình số 31/TTr-CSĐP ngày 11/01/2023 nêu trên)</p> <p>Các quy định khác thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 41/CSVN-KHĐT ngày 10/01/2023 của Tập đoàn.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>
2	Số 11/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	21/02/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất cử lại ông Huỳnh Trọng Thủy – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (Công ty), đại diện toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy (Công ty Sa Thầy), ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty Sa Thầy nhiệm kỳ 2023 – 2028.</p> <p>Tỷ lệ tán thành 5/5 thành viên (đạt 100%)</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p>

3	Số 17/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	28/02/2023	<p>Thông nhất về xử lý việc thanh lý 4,9424ha cây cao su trên diện tích địa phương thu hồi đất như sau:</p> <p>1. Tài sản thanh lý đến ngày 11/01/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích: 4,9424 ha</li> <li>- Nguyên giá: 355.460.298 đồng</li> <li>- Đã khấu hao: 74.078.265 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 281.382.033 đồng</li> <li>- Nguồn vốn: Điều lệ</li> </ul> <p>2. Giá trị bồi thường: Thực hiện theo Công văn số 04/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.</p> <p>3. Giá trị thu hồi: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>
4	Số 31/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	27/3/2023	<p><b>Điều 1.</b> Theo Nghị quyết số 77, Nghị quyết số 73, Giấy chứng nhận số 05 và Công văn số 1086 nêu trên.</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú từ 430.000.000.000 đồng (<i>bốn trăm ba mươi tỷ đồng</i>) lên 434.429.660.000 đồng (<i>bốn trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng</i>).</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p>
5	Số 37/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	10/4/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thông nhất giới thiệu nhân sự bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú:</p> <p><b>Nhân sự:</b>  Ông: Nguyễn Quốc Vinh  Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1969  Quê quán: Xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị  Chức vụ: Phụ trách kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú  Ngày vào đảng: 02/6/1996; ngày chính thức: 02/6/1997  Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Tài chính Kế toán  Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp  Ngoại ngữ: A (Anh văn).  <i>Tỷ lệ tán thành 5/5 thành viên (đạt 100%)</i></p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>

6	Số 38/NQ- HĐQTCSDP Đạt 100%	12/4/2023	<b>Điều 1.</b> Thống nhất thông qua Điều lệ Công ty sau sáp nhập gồm 21 mục, 59 Điều (Điều lệ đính kèm). <b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
7	Số 43/NQ- HĐQTCSDP Đạt 100%	25/4/2023	<b>Điều 1.</b> Thống nhất gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú năm 2023 trước ngày 30 tháng 6 năm 2023. <b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.



8	Số 52/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	09/5/2023	<p><b>Điều 1.1.</b> Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022:</p> <p>1.1. Thông qua BCTC tổng hợp năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện ký ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2023).</p> <p>1.2. Thông qua BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện ký ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2023).</p> <p>2. Thống nhất thành lập NÔNG TRƯỜNG CAO SU ĐẮK NÔNG, trực thuộc Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú, sau khi Phòng đăng ký kinh doanh_Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông.</p> <p>3. Thống nhất tiếp trình Tập đoàn việc trích các quỹ năm 2022 từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú Đắk Nông của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 296/TTr-CSĐP ngày 3/5/2023 (đính kèm Tờ trình 296).</p> <p>4. Thông qua số liệu kế hoạch SXKD và Tổng mức đầu tư năm 2023 của Công ty để trình Tập đoàn thoả thuận trong nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty tại Tờ trình số 299/TTr-CSĐP ngày 4/5/2023 (đính kèm Tờ trình 299).</p> <p>5. Thống nhất chủ trương đầu tư dự án: Nhà làm việc Công ty cổ phần cao su Đồng Phú tại Tờ trình số 301/TTr-CSĐP ngày 5/5/2023 (đính kèm Tờ trình số 301).</p> <p>6. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú như sau:</p> <p>6.1. Bổ sung, sửa đổi Khoản 3 Điều 6:</p> <p>- Khoản 3 Điều 6 trước khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.</i></p> <p>- Khoản 3 Điều 6 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.</i></p>
---	-------------------------------	-----------	---

			<p>6.2. Bổ sung, sửa đổi Khoản 5 Điều 6:</p> <p>- Khoản 5 Điều 6 trước khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [đính kèm phụ lục] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này”.</i></p> <p>- Khoản 5 Điều 6 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Công ty không có cổ đông sáng lập”.</i></p> <p>6.3. Bổ sung, Sửa đổi Khoản 6 Điều 46:</p> <p>- Khoản 6 Điều 46 trước khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”</i></p> <p>- Khoản 6 Điều 46 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển Công ty; Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”</i></p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p>
9	Số 56/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	16/5/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất chủ trương trình lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam_Công ty Cổ phần (Tập đoàn) về bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie như sau:</p> <p>1. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>

10	Số 57/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	17/5/2023	<p><b>Điều 1.</b> Để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các bên có liên quan với nội dung chính như sau:</p> <p><b>Các bên có liên quan:</b></p> <p>Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty cổ phần “Tập đoàn”;</p> <p>Các đơn vị cùng chung Tập đoàn;</p> <p>Các Công ty con;</p> <p>Các bên có vốn góp của Công ty.</p> <p><i>Các bên có liên quan khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><b>Các nội dung hợp đồng, giao dịch được ký kết với các bên có liên quan:</b></p> <p>Góp vốn/mua cổ phần, chuyển nhượng vốn/chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>Các hợp đồng/giao dịch cho vay;</p> <p>Các hợp đồng /giao dịch phục vụ sản xuất kinh doanh: Mua bán mủ cao su, mua bán cây cao su thanh lý, mua bán gỗ giống tháp cao su, gia công chế biến mủ cao su, cây cao su giống...;</p> <p>Thu lợi nhuận, cổ tức được chia;</p> <p><i>Các hợp đồng/giao dịch khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><b>Điều 2.</b> Giao/ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú căn cứ điều lệ công ty và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh triển khai thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu tại <b>Điều 1</b> Nghị quyết này. Nội dung các hợp đồng, giao dịch liên quan nêu tại <b>Điều 1</b> này sẽ được báo cáo đầy đủ vào Báo cáo tài chính định kỳ và công bố thông tin theo quy định.</p> <p><b>Điều 3.</b> Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị/phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
11	Số 62/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	06/6/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bao gồm:</p> <p>Chương trình Đại hội; các Báo cáo của Hội đồng quản trị &amp; Ban Kiểm soát; các Tờ trình; và một số vấn đề khác. “<i>Tài liệu Đại hội đính kèm</i>”.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>

12	Số 64/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	22/6/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất thông tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (<i>sau khi cập nhật, bổ sung</i>) bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1)</li> <li>2 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023</li> <li>3 Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023</li> <li>4 Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022 (Tờ trình số 2)</li> <li>5 Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 3)</li> <li>6 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4)</li> <li>7 Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5)</li> <li>8 Báo cáo phụ cấp HĐQT&amp;BKS năm 2022 và KH năm 2023 (Tờ trình số 6)</li> <li>9 Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (TTr số 7)</li> </ol> <p>Và một số vấn đề khác (<i>chương trình Đại hội, quy chế Đại hội...</i>).</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>
13	Số 83/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	07/8/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất giao Ban điều hành triển khai thực hiện công tác tăng vốn điều lệ theo Điều 9 Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐCSĐP ngày 27/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú; và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>

14	Số 86/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	15/8/2023	<p>Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:</p> <p>Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DORUCO).</p> <p>Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.</p> <p>Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.</p> <p>Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.</p> <p>Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.</p> <p>Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú có tên theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>Số lượng cổ phiếu hiện hành (đã phát hành): <b>43.442.966</b> cổ phiếu.</p> <p>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: <b>43.442.966</b> cổ phiếu.</p> <p>Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến: <b>43.442.966</b> cổ phiếu.</p> <p>Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): <b>434.429.660.000</b> đồng.</p> <p>Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1.</p> <p><i>Nghĩa là, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, được phân bổ 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cổ đông sở hữu 01 quyền thì được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm.</i></p> <p>Tỷ lệ phát hành: 100% trên tổng số cổ phần hiện hành.</p> <p>Phương thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền. Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.</p> <p>Xử lý cổ phiếu lẻ: Không có, do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1</p> <p>Nguồn vốn sử dụng để phát hành: Từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán và có đủ nguồn theo BCTC kỳ gần nhất.</p> <p>Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm được tự do chuyển nhượng sau khi hoàn tất việc phát hành và các thủ tục có liên quan.</p> <p>Thời gian triển khai dự kiến: từ Quý 3 năm 2023.</p> <p>Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung sau khi phát hành:</p>
----	-------------------------------	-----------	---

			<p>Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu được Đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện và quyết định các thủ tục có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo các quy định hiện hành.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
15	Số 88/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	16/8/2023	<p><b>Điều 1. Thống nhất chia cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt, như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ chi trả: 30%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng)</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 12 tháng 9 năm 2023</li> <li>- Thời gian thanh toán: ngày 20 tháng 11 năm 2023</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>

16	Số 90/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	18/8/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất về xử lý việc thanh lý 11,87581ha cây cao su trên diện tích địa phương thu hồi đất như sau:</p> <p>1. Tài sản thanh lý đến ngày 14/7/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích: 11,87581 ha</li> <li>- Nguyên giá: 604.712.787 đồng</li> <li>- Đã khấu hao: 22.475.158 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 582.237.629 đồng</li> <li>- Nguồn vốn: chủ sở hữu</li> </ul> <p>(Theo bảng kê chi tiết đính kèm tại CV số 551/HĐQTCSVN-TCKT ngày 04/8/2023)</p> <p>2. Giá trị bồi thường: Thực hiện theo Công văn số 496/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.</p> <p>3. Giá trị thu hồi: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>
17	Số 97/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	07/9/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền về phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DPR như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (01 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành).</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: ngày 28 tháng 9 năm 2023</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>

18	Số 109/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	18/9/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất giới thiệu nhân sự phụ trách Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie như sau:</p> <p><b>Nhân sự giới thiệu: Ông Vũ Thế Duy, sinh ngày 18/12/1977</b></p> <p>Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie</p> <p>Ngày vào đảng: 19/5/2006; ngày chính thức: 19/5/2007</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Nông học</p> <p>Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p><i>Tỷ lệ biểu quyết tán thành 5/5 thành viên (Đạt 100%)</i></p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p>
19	Số 116/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	02/10/2023	<p><b>Điều 1.</b></p> <p>1. Thống nhất thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.</p> <p>2. Thống nhất thông qua Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tại doanh nghiệp khác.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>
20	Số 130/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	23/10/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất về xử lý việc thanh lý 3,2495ha cao su su trên diện tích địa phương thu hồi đất thuộc Quyết định số 524/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với các nội dung như sau:</p> <p>1. Tài sản thanh lý đến ngày 31/7/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích: 3,2495ha</li> <li>- Nguyên giá: 66.375.319 đồng</li> <li>- Đã khấu hao: 66.375.319 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 0 đồng</li> <li>- Nguồn vốn: Chủ sở hữu</li> </ul> <p>2. Giá trị bồi thường: Thực hiện theo Công văn số 05/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.</p> <p>3. Giá trị thu hồi: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>



21	Số 142/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	03/11/2023	<p><b>Điều 1:</b> Thông qua sửa đổi “<b>Khoản 1 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>” của Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau phát hành thêm 43.442.966 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DPR như sau:</p> <p><b>Trước thay đổi:</b></p> <p>“1. Vốn điều lệ của Công ty là 434.429.660.000 đồng ( bằng chữ: bốn trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 43.442.966 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.”</p> <p><b>Sau thay đổi:</b></p> <p>“1. Vốn điều lệ của Công ty là 868.859.320.000 đồng ( bằng chữ: tám trăm sáu mươi tám tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 86.885.932 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.”</p> <p><b>Điều 2:</b> Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch &amp; Đầu tư Tỉnh Bình Phước.</p> <p><b>Điều 3:</b> Thông qua việc uỷ quyền và giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú ký, ban hành Điều lệ Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p> <p><b>Điều 4:</b> Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.</p>
22	Số 145/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100%	07/11/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất thực hiện thủ tục hoàn trả số tiền tạm giữ 16.447.927.121 đồng cho ngân sách tỉnh Bình Phước do chưa thực hiện thanh lý 106,848ha cao su nằm trên diện tích địa phương thu hồi đất theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 26/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>

23	Số 164/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	18/12/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất về giá bán khởi điểm và phương thức bán vườn cây cao su thanh lý để thực hiện công tác tái canh năm 2024 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng diện tích cao su thanh lý: 431,47ha</li> <li>Phương thức thực hiện: Thực hiện theo Mục 2 Công văn số 3625 của Tập đoàn.</li> <li>Thống nhất phê duyệt giá trị cây cao su thanh lý dùng làm nguyên liệu đầu vào sản xuất chế biến gỗ của Chi nhánh chế biến gỗ_Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú là: Lợi nhuận sau thuế của phương án phải lớn hơn thu nhập từ việc bán đầu giá (<i>theo giá bán đầu giá thành công của diện tích bán đầu giá công khai, rộng rãi là 278,18ha</i>)</li> <li>Các hạng mục và quy định khác thực hiện theo Công văn số 3625 của Tập đoàn.</li> </ol> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>
24	Số 166/NQ-HĐQTCSDP Đạt 100%	21/12/2023	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất chủ trương thay đổi hình thức hạch toán của Chi nhánh chế biến gỗ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hình thức hạch toán hiện tại: Chi nhánh hạch toán độc lập</li> <li>Hình thức hạch toán sau khi chuyển đổi: Chi nhánh hạch toán phụ thuộc</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> <p><b>Điều 3.</b> Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phòng ban có chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>

### **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:**

Hàng tháng và quý, các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty được báo cáo về tiến độ sản xuất kinh doanh và kế hoạch thực hiện tiếp theo do Tổng Giám đốc trình bày.

Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:**

Là thành viên độc lập của HĐQT, bà Nguyễn Ngọc Thanh luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao khi tham gia đầy đủ các cuộc họp và đóng góp tích cực vào hoạt động của HĐQT. Với kiến thức và kinh nghiệm uyên thâm, bà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Trong quá trình công tác, bà luôn giữ vững tinh thần độc lập, đưa ra những ý kiến chuyên môn cao và chính xác, góp phần quan trọng vào hoạt động của HĐQT.

Với vai trò đảm bảo tính minh bạch và công bằng, thành viên HĐQT độc lập có trách nhiệm tham mưu và giám sát hoạt động của HĐQT và BĐH một cách khách quan, công tâm, đồng thời tránh mọi xung đột lợi ích. Năm 2023, thành viên HĐQT độc lập của Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao khi tham gia tích cực vào các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến, đề xuất định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh cho Công ty. Họ cũng thực hiện việc theo dõi hoạt động, lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT độc lập và kết quả giám sát BĐH. Báo cáo được gửi đến các thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty để cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.

Nhờ sự đóng góp của thành viên HĐQT độc lập, tính khách quan và công bằng trong hoạt động của Công ty được đảm bảo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng đến sự phát triển bền vững.

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Không

## 2) Ban Kiểm soát

### a) Danh sách Ban Kiểm soát (Tính đến ngày 31/12/2023)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	10.400	0,0120%
2	Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	-	-
3	Nguyễn Minh Trang	Thành viên	-	-

### b) Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát

### **Ông Huỳnh Minh Tâm – Trưởng BKS**

Năm sinh : 1963

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác : + 02/1982-01/2007: Trợ lý kế toán Nông trường cao su Thuận Phú Công ty cao su Đồng Phú.  
+ 02/2007-06/2015: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty CP cao su Đồng Phú.  
+ 7/2015-đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty CPCS Đồng Phú.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức phát hành : Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :

Số cổ phần sở hữu : 10.400 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : -

### **Bà Nguyễn Minh Trang – Thành viên BKS**

Năm sinh : 1981

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác : + 2004 -2011: Phòng quản lý công sản - Sở Tài chính TP. HCM.  
+ 2012-2013: Phòng Tài chính kế toán Công ty Kho vận và Dịch vụ hàng hóa Cao su.  
+ 2013 – nay: Ban Tài chính Tập đoàn Cao su Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức phát hành : Thành viên BKS (từ ngày 27/06/2022)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu : -

Số cổ phần đại diện sở hữu :

### **Bà Trần Thị Thu Thủy – Thành viên BKS**

- Năm sinh : 1967
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ – Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác
- + 10/1985 – 06/2000: Nhân viên phòng hành chính - Công ty CPCS Đồng Phú.
  - + 07/2000 – 09/2008: Nhân viên kế toán - Công ty CPCS Đồng Phú.
  - + 10/2008 – 02/2016: Kế toán trưởng – Công ty cao su kỹ thuật Đồng Phú.
  - + 03/2016 – 05/2018: Phó Giám đốc – Xí nghiệp vật tư vận tải - Công ty CPCS Đồng Phú.
  - + 06/2018 – 05/2019: Phó Giám đốc – Xí nghiệp chế biến - Công ty CPCS Đồng Phú.
  - + 06/2019 đến nay: Phó phòng TCHC - Công ty CPCS Đồng Phú
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức phát hành : Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : -
- Số cổ phần đại diện sở hữu : -

### c) Hoạt động của Ban Kiểm soát

Năm 2023 Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai hoạt động giám sát theo kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông 2023 thông qua. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác tài chính - kế toán; thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023, các chỉ tiêu tài chính, bảo toàn và phát triển vốn; giám sát việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các giải pháp nhằm đạt mục tiêu nghị quyết ĐH cổ đông.

Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành. Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp, để thông qua kết quả kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023; thảo luận và thống nhất các ý kiến đề xuất trước khi gửi đến HĐQT và đại hội đồng cổ đông.

Năm 2023, Công ty đã phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; trọng tâm: sản lượng cao su tự khai thác 12.086 tấn đạt 115% Kế hoạch, tổng doanh thu: 770,627 tỷ đồng đạt 89,61 % Kế hoạch, lợi nhuận trước thuế 213,417 tỷ đồng đạt 72,66% Kế hoạch, lợi nhuận sau thuế: 180,153 tỷ đạt 76,54% Kế hoạch.

### **Các cuộc họp của BKS**

<b>STT</b>	<b>Ngày họp</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TV tham dự họp</b>
<b>1</b>	9/2/2023	Thông qua tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và xây dựng kế hoạch hoạt động 2023.	3/3
<b>2</b>	5/5/2023	Thông qua báo cáo thẩm định báo cáo tài chính công ty năm 2022 và trình báo cáo của Ban Kiểm soát tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.	3/3
<b>3</b>	7/8/2023	Thông qua báo cáo đánh giá hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2023	3/3
<b>4</b>	26/10/2023	Thông qua báo cáo hoạt động của BKS quý III và kế hoạch hoạt động quý IV năm 2023.	3/3

### **Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Năm 2023 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp chính thức, và các phiên họp bằng hình thức lấy phiếu ý kiến; các thành viên HĐQT đều dự họp đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông; không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan, Ban Kiểm soát cũng không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty.

### **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy Ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.**

Với tinh thần trách nhiệm cao, BKS luôn hoàn thành tốt vai trò giám sát của mình. BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, tổng kết năm và thường xuyên trao đổi về các vấn đề phát sinh. Nhờ vậy, BKS nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty, góp phần định hướng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh hiệu quả. BKS cũng tổ chức 4 cuộc họp trong năm để đánh giá kết quả công tác và kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong hoạt động của Công ty.

### **3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

#### **a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao/ Tiền lương	Tiền thưởng	Tổng Cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>				
1	Mai Huỳnh Nhật	CT HĐQT	497.430.200		497.430.200
2	Phạm Phi Điều	Thành viên HĐQT	74.400.000		74.400.000
3	Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	74.400.000		74.400.000
4	Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	-		-
<b>Tổng cộng</b>			<b>646.230.200</b>		<b>646.230.200</b>
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	369.096.007		369.096.007
2	Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	151.300.000		151.300.000
3	Nguyễn Minh Trang	Thành viên	60.000.000		60.000.000



<b>Tổng cộng</b>			<b>580.396.007</b>		<b>580.396.007</b>
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>				
1	Hồ Cường	Tổng Giám đốc	494.893.140		494.893.140
2	Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	454.403.854		454.403.854
3	Lưu Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	416.062.981		416.062.981
4	Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	389.993.622		389.993.622
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.755.353.597</b>		<b>1.755.353.597</b>

**b) Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty**

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	1.600	0,0037%	3.200	0,0037%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2	Lê Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Mai Huỳnh Nhật (Chủ tịch HĐQT)	1.600	0,0037%	3.200	0,0037%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

3	Hồ Cường	TV HĐQT + TGD	1.600	0,0037%	3.200	0,0037%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	Trần Thị Sáu	Vợ Ông Hồ Cường (TV HĐQT + TGD)	1.800	0,0042%	3.600	0,0041%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	Huỳnh Trọng Thủy	TV HĐQT + TGD	3.500	0,0081%	7.000	0,0081%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
6	Phạm Phi Điều	TV HĐQT	1.800	0,0042%	13.790	0,0159%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
7	Đào Thị Thuyên	Vợ Ông Phạm Phi Điều (TV HĐQT)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
8	Phạm Đào Mai Chi	Con Ông Phạm Phi Điều (TV HĐQT)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
9	Phạm Phi Long	Con Ông Phạm Phi Điều (TV HĐQT)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
10	Phạm Thị Roanh	Chị Ông Phạm Phi Điều (TV HĐQT)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
11	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng BKS	3.200	0,0074%	10.400	0,0120%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
12	Hoàng Đình Huy	Chồng Bà Trần Thị Thu Thủy (TV BKS)	2.500	0,0058%	5.000	0,0058%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

13	Lưu Minh Tuyền	Phó TGD	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
14	Đỗ Thị Thanh Nga	Vợ Ông Lưu Minh Tuyền (Phó TGD)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
15	Lưu Đỗ Minh Nhất	Con Ông Lưu Minh Tuyền (Phó TGD)	-	0,0000%	636	0,0007%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu hoán đổi
16	Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	1.000	0,0023%	2.000	0,0023%	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

c) **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú	Công ty con	3800414774	Áp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	4.412.098.000	Giao dịch bán
2	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3701649013	Khu phố 2, Thị Trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	6.134.429.022	Giao dịch bán
3	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Công ty con	6400052980	Cụm 3 tầng, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	16.315.286.400	Giao dịch bán
4	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	6200013617	Đường Thanh Niên, Tổ 5, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	627.651.143	Giao dịch bán
5	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3900242832	Tổ 2, ấp Thanh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	123.410.000	Giao dịch bán

6	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3700146377	Số 1 đường Thống Nhất, khu phố 2, Thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	4.704.454.978	Giao dịch bán
7	Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú	Công ty con	3800565639	Khu phố Bàu Ké, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	2.465.312.734	Giao dịch bán
8	Công ty Cổ phần KD BOT Đường ĐT.741	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3800288858	Km 72+000, Đường ĐT.741, ấp Thuận Hải, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	131.022.769	Giao dịch bán
9	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su	Công ty góp vốn	5700504805	Số 5 Đại lộ Hòa Bình, Phường Trần Phú, Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	1.845.420.000	Giao dịch bán
10	Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	285167717	177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	24.499.809.968	Giao dịch bán
10	Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	285167717	177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	90.909.091	Giao dịch mua

11	Trường Cao đẳng Công nghiệp cao su	Đơn vị cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3800278401	Số 1428 đường Phú Riềng Đỏ, Phường Tân Đông, Thành Phố Đồng Xoài, Bình Phước	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	31.708.059	Giao dịch bán
12	Tạp chí cao su Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	0301456773	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	1.752.960	Giao dịch mua
14	Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	3700258793	QL 13, ấp Lai Khê, Xã Lai Hưng, Huyện Bàu Bàng, Bình Dương	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	2.389.367.961	Giao dịch mua
15	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Đơn vị cùng Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	0300693348	12 Khu phố 2 Đường HT 25, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2023	57/NQ-HĐQTCSDP ngày 17/05/2023	516.670.000	Giao dịch mua

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú luôn đề cao công tác quản trị, tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật và nội bộ. Công ty thường xuyên cập nhật thông lệ quốc tế, áp dụng phù hợp để tối ưu hiệu quả hoạt động. Các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM được cập nhật và triển khai nghiêm túc. HĐQT quan tâm và khuyến khích cán bộ tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản trị do các tổ chức uy tín tổ chức.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- 1) Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023**
- 2) Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán 2023**





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 61

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Trụ sở chính : Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 84-(271) 381 97 86
- Fax : 84-(271) 381 96 20

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 3800100376 ngày 03/11/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

#### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### *Hội đồng Quản trị*

Họ và tên	Chức vụ
Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Cường	Thành viên
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Thành viên
Ông Phạm Phi Điều	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên

##### *Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ bổ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	Thôi chức vụ trưởng ban ngày 21/02/2024
Bà Nguyễn Minh Trang	Trưởng ban	Được bầu trưởng ban ngày 21/02/2024
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	

##### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hồ Cường	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Minh Tuyền	Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

***Đại diện pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Mai Huỳnh Nhật - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Hồ Cường được ông Mai Huỳnh Nhật ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 102/GUQ-HĐQTCSĐP ngày 02 tháng 07 năm 2018.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Cam kết về công bố thông tin**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Hồ Cường**

**Tổng Giám đốc**

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024



Số: 067/2024/BCKTHN-PB.00307

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**VŨ GIANG NAM**

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2024 - 009 - 1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.006.038.664.631</b>	<b>1.875.308.422.803</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	6.1	<b>319.773.928.740</b>	<b>311.048.755.901</b>
1. Tiền	111		62.235.361.597	94.274.204.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		257.538.567.143	216.774.551.565
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.303.015.732.525</b>	<b>1.208.993.167.003</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	1.303.015.732.525	1.208.993.167.003
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>108.287.619.655</b>	<b>80.583.760.542</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	54.948.951.677	33.763.453.798
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.4	9.357.351.266	12.031.645.337
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.5	52.867.459.848	45.901.178.599
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6.6	(8.894.904.584)	(11.112.517.192)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6.7	8.761.448	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	6.8	<b>163.961.755.059</b>	<b>194.002.211.764</b>
1. Hàng tồn kho	141		172.611.675.049	204.912.832.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.649.919.990)	(10.910.620.854)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>110.999.628.652</b>	<b>80.680.527.593</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.9	754.658.472	464.612.940
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.947.179.628	30.636.439.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.10	78.297.790.552	49.579.474.992
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.252.218.773.468</b>	<b>2.323.641.282.021</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.532.071.934</b>	<b>5.381.084.438</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	1.877.656.311
2. Phải thu dài hạn khác	216	6.5	3.532.071.934	3.503.428.127
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.380.044.992.047</b>	<b>1.426.319.209.003</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.11	1.378.905.184.038	1.425.000.383.339
- Nguyên giá	222		2.417.785.298.207	2.352.649.242.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.038.880.114.169)	(927.648.859.447)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.12	1.139.808.009	1.318.825.664
- Nguyên giá	228		3.175.286.242	3.118.251.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.035.478.233)	(1.799.425.869)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	6.13	<b>139.741.175.917</b>	<b>150.003.565.348</b>
- Nguyên giá	231		226.129.330.635	223.634.387.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(86.388.154.718)	(73.630.821.855)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	6.14	<b>217.950.238.599</b>	<b>198.290.936.179</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		2.726.139.316	2.623.319.536
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		215.224.099.283	195.667.616.643
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>119.378.266.923</b>	<b>124.148.368.712</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.15	127.733.870.000	127.733.870.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.15	(18.855.603.077)	(18.885.501.288)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.2	10.500.000.000	15.300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>391.572.028.048</b>	<b>419.498.118.341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.9	391.572.028.048	413.211.658.495
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.16	-	6.286.459.846
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.258.257.438.099</b>	<b>4.198.949.704.824</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.203.919.256.442</b>	<b>1.230.613.988.579</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>239.216.576.860</b>	<b>356.177.136.571</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.17	5.343.640.009	5.285.303.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.18	5.614.716.245	5.806.736.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.10	3.943.519.173	61.738.525.772
4. Phải trả người lao động	314		108.118.152.757	94.743.772.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.19	658.066.280	2.295.040.040
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	6.20	58.885.894.599	56.646.923.570
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.21	18.499.263.496	60.683.381.606
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	5.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.153.324.301	63.977.452.952
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>964.702.679.582</b>	<b>874.436.852.008</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	6.19	29.067.985.879	28.383.120.947
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	6.20	928.161.457.522	839.244.007.171
3. Phải trả dài hạn khác	337	6.21	183.714.854	183.714.854
4. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	341	6.16	7.289.521.327	6.626.009.036
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.054.338.181.657</b>	<b>2.968.335.716.245</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	6.22	<b>3.059.221.272.030</b>	<b>2.971.621.396.560</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		868.859.320.000	430.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		868.859.320.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.469.994.853	191.990.522.453
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		100.963.146.494	78.723.297.868
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		810.276.608.401	1.177.444.730.513
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		373.371.656.355	410.224.459.577
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		164.530.353.939	157.932.458.336
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		208.841.302.416	252.292.001.241
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		704.280.545.927	683.238.386.149
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	6.23	<b>(4.883.090.373)</b>	<b>(3.285.680.315)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(4.883.090.373)	(3.285.680.315)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.258.257.438.099</b>	<b>4.198.949.704.824</b>



Người lập biểu  
Võ Duy Hương  
Bình Phước, Việt Nam  
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng  
Phạm Ngọc Huy

Tổng Giám đốc  
Hồ Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	1.041.911.277.064	1.211.541.255.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.2	788.875.959	809.423.681
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	7.3	1.041.122.401.105	1.210.731.831.577
4. Giá vốn hàng bán	11	7.4	766.697.449.738	843.545.850.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		274.424.951.367	367.185.981.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.5	120.128.343.531	67.658.674.202
7. Chi phí tài chính	22	7.6	5.774.049.016	2.018.402.871
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	956.705.419
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	7.7	22.057.210.239	26.842.981.825
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.8	94.235.246.278	95.332.797.276
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		272.486.789.365	310.650.473.414
12. Thu nhập khác	31	7.9	54.547.454.864	62.835.514.328
13. Chi phí khác	32	7.10	23.070.515.919	16.856.952.548
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		31.476.938.945	45.978.561.780
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		303.963.728.310	356.629.035.194
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.11	42.909.137.943	58.660.965.355
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.12	6.949.972.137	2.450.377.381
18. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60		254.104.618.230	295.517.692.458
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		208.841.302.416	252.292.001.241
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		45.263.315.814	43.225.691.217
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.13	4.166	5.083
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.13	4.166	2.528

Người lập biểu

Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy

Tổng Giám đốc

Hồ Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***Theo phương pháp gián tiếp*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>303.963.728.310</b>	<b>356.629.035.194</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	130.372.322.996	128.609.022.505
- Các khoản dự phòng	03	(4.508.211.683)	6.595.958.180
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.685.770.079	(167.549.804)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(76.824.703.615)	(195.258.091.788)
- Chi phí lãi vay	06	-	956.705.419
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>355.688.906.087</b>	<b>297.365.079.706</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.379.829.682)	10.780.168.975
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32.301.157.569	14.604.101.610
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(37.134.015.894)	16.449.857.500
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	21.349.584.915	44.288.052.176
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.818.629)	(943.104.177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.637.315.807)	(99.682.922.645)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	351.260.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(55.378.606.545)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>230.157.322.014</b>	<b>282.861.233.145</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(90.159.689.005)	(79.430.500.610)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	301.000.000	125.425.926
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.056.905.929.482)	(1.051.377.837.577)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24	967.683.363.960	728.998.971.442
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.801.297.156	55.222.384.907
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(86.279.957.371)</b>	<b>(346.461.555.912)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.000.000.000)	(58.016.318.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(131.302.350.850)	(170.974.298.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(136.302.350.850)</b>	<b>(220.090.616.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>7.575.013.793</b>	<b>(283.690.939.567)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>311.048.755.901</b>	<b>593.108.178.577</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.150.159.046	1.631.516.891
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>319.773.928.740</b>	<b>311.048.755.901</b>

  
 Người lập biểu  
 Võ Duy Hương  
 Bình Phước, Việt Nam  
 Ngày 26 tháng 03 năm 2024

  
 Kế toán trưởng  
 Phạm Ngọc Huy



  
 Tổng Giám đốc  
 Hồ Cường

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 3800100376 ngày 03/11/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 868.859.320.000 VND (Tám trăm sáu mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Tổng số cổ phần là 86.885.932 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
- Chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón); Chăn nuôi trâu, bò;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su);
- Mua bán xuất nhập khẩu mủ cao su các loại.

##### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1.5. Cấu trúc của Công ty****Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất nệm cao su	76,83%	76,83%
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	58,37%	58,37%

**Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh khách sạn	5,39%	5,39%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	0,20%	0,20%
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Tỉnh Kon Tum	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	10,21%	10,21%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,70%	11,70%
Công ty CP BOT Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,32%	11,32%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Chế biến gỗ Cao su Đồng Phú	Áp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

**1.7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 4.043 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.870 người).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - i. 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

- ii. 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - iii. 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - iv. 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4.9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05

**4.10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	05 – 25

**4.11. Tài sản dở dang dài hạn**

Tài sản dở dang dài hạn bao gồm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn là các chi phí dự định để sản xuất hàng tồn kho nhưng việc sản xuất vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo;
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### **Tài sản đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

##### **Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **4.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **4.15. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **4.16. Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

**4.17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu và doanh thu gia công**

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

#### Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản đầu tư của Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời (05) điều kiện sau:

- Bất động sản hoàn thành toàn bộ và giao cho người mua, doanh nghiệp chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bất động sản

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất

#### Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng là doanh thu tại Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Khu công nghiệp Nam Đồng Phú.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

#### Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế XK được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### 4.19. Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 4.20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.21. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tạm thời gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế

chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản chênh lệch tạm thời đó.

#### **4.23. Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**5. CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng sáp nhập số 79/HĐSN ĐP-ĐN ngày 25/10/2022 sáp nhập Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông (mã giao dịch DPD) - Công ty con của Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 3,14 : 1 cổ phiếu (Cổ đông sở hữu 3,14 Cổ phiếu DPD sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu DPR).

Theo Báo cáo kết quả phát hành số 34/BC-HĐQTCSĐP ngày 03 tháng 03 năm 2023, Công ty đã phát hành thành công thêm 442.966 cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông chính thức được sáp nhập vào Công ty từ ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông.

<b>Tài sản mang sang</b>	<b>Giá trị tại ngày sáp nhập VND</b>
Tài sản ngắn hạn	16.002.501.564
Tài sản dài hạn	121.988.956.885
Nợ phải trả ngắn hạn	8.499.357.670
Vốn chủ sở hữu (i)	129.492.100.779

(i) Đối với phần vốn chủ sở hữu mang sang từ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện xử lý như sau:

- Giảm vốn do hủy Cổ phiếu lưu hành tại Công ty con, số tiền: 106.089.000.000 đồng;
- Điều chỉnh nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông do sáp nhập, số tiền: (289.454.209) đồng;
- Tăng vốn do phát hành 442.966 cổ phiếu để hoán đổi cho các cổ đông còn lại với tỷ lệ 3,14 : 1 số tiền: 13.909.132.400 đồng;
- Phần chênh lệch do sáp nhập được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ, số tiền: 9.783.422.588 đồng;

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	476.422.575	7.400.649.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.758.939.022	86.873.554.424
Các khoản tương đương tiền (i)	257.538.567.143	216.774.551.565
<b>Cộng</b>	<b>319.773.928.740</b>	<b>311.048.755.901</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 3,5% - 6%/năm.

**6.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.303.015.732.525</b>	<b>1.303.015.732.525</b>	<b>1.208.993.167.003</b>	<b>1.208.993.167.003</b>
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	1.303.015.732.525	1.303.015.732.525	1.208.993.167.003	1.208.993.167.003
<b>Dài hạn</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ii)	6.500.000.000	6.500.000.000	11.300.000.000	11.300.000.000
- Trái phiếu (iii)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.313.515.732.525</b>	<b>1.313.515.732.525</b>	<b>1.224.293.167.003</b>	<b>1.224.293.167.003</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2023:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	06 tháng	3,6 - 8,3%	132.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	06 tháng	3,4-8,5%	216.287.533.860
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	06 tháng	6,8%	22.298.385.041
Ngân hàng Phát triển Bình Phước	12 tháng	5,0%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	12 tháng	4,5 - 9,6%	341.291.714.814
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	06 tháng	4,3 - 4,4%	134.432.179.806
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	06 tháng	4,8%	98.228.295.004
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Bình Phước	13 tháng	6,0%	11.300.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	12 -13 tháng	5,4% - 9,2%	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam	12 tháng	4,8%	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	12 tháng	6% - 8,4%	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	13 - 14 tháng	6,1% - 9,5%	37.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	12 -15 tháng	6,4% - 6,9%	56.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Phước	13 tháng	6,0%	5.000.000.000
Ngân hàng Đại chúng Sài Gòn - Hà Nội - CN Campuchia	12 tháng	4,5% - 6,0%	72.088.812.000
Ngân hàng thương mại Acleda - CN Kratie	6 - 12 tháng	5,5% - 6,5%	72.088.812.000
<b>Cộng</b>			<b>1.303.015.732.525</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2023:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13 tháng	5,8%	6.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>6.500.000.000</b>

(iii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn là trái phiếu tại ngày 31/12/2023:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Trái phiếu ngân hàng Vietcombank	72 tháng	5,3%	2.000.000.000
Trái phiếu ngân hàng NN Tân Thành	84 tháng	5,6%	2.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>4.000.000.000</b>

**6.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>4.687.739.673</b>	<b>4.719.243.215</b>
Công ty TNHH PTCS Hoàng Anh Mang Yang K	2.344.368.055	1.275.172.936
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai Kratie	949.347.418	2.609.876.779
Công ty CP Cao su Lai Châu	-	834.193.500
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	31.852.800	-
Công ty CP Gỗ MDF VRG DongWha	1.362.171.400	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>50.261.212.004</b>	<b>29.044.210.583</b>
Weber & Schaer GMBH & Co	-	4.244.855.706
DNS Co., Ltd	763.401.240	-
LG Commtrade PTY Co.,Ltd	2.264.088.960	-
Winwin Trading Co.,Ltd	713.449.170	-
Nguyễn Văn Đặng	1.393.502.612	1.688.371.987
Phạm Thị Thanh	3.103.103.767	-
Công ty TNHH MTV Gỗ Băm Thiên Bình	154.587.798	876.007.718
Công ty CP FSC Việt Nam	2.043.493.051	281.935.168
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	22.839.429.500	5.067.168.515
Cty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Thịnh	4.346.927.003	-
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	-	5.706.143.741
Công ty Cổ Phần Con Cưng	-	790.572.106
Các khách hàng khác	12.639.228.903	10.389.155.642
<b>Cộng</b>	<b>54.948.951.677</b>	<b>33.763.453.798</b>

**6.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>9.357.351.266</b>	<b>12.031.645.337</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	4.945.245.120	7.092.505.401
Công ty TNHH MTV TVXD-TM Phát triển	-	2.318.158.604
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	-	430.987.800
Công ty TNHH MTV Minh Đức Tiến	1.232.550.000	-
Công ty TNHH Thiết bị PCCC Hà Nội	743.400.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Tân Khoa	1.228.506.123	-
Trả trước cho khách hàng khác	1.207.650.023	2.189.993.532
<b>Cộng</b>	<b>9.357.351.266</b>	<b>12.031.645.337</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.5. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****6.5.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>240.296.040</b>	-	<b>489.612.706</b>	-
Tập Đoàn CN Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần	-	-	255.693.000	-
VPĐD Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại Campuchia	240.296.040	-	233.919.706	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>52.627.163.808</b>	-	<b>45.411.565.893</b>	<b>(2.285.788.140)</b>
Tạm ứng	5.344.213.841	-	3.527.302.215	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	340.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	33.732.811.942	-	26.750.358.179	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	-	-	2.285.788.140	(2.285.788.140)
Công ty TNHH Điện lực SNKRP	11.019.452.308	-	10.727.047.537	-
Phải thu đối tượng khác	2.530.685.717	-	1.781.069.822	-
<b>Cộng</b>	<b>52.867.459.848</b>	-	<b>45.901.178.599</b>	<b>(2.285.788.140)</b>

**6.5.2. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.532.071.934</b>	-	<b>3.503.428.127</b>	-
Ký quỹ, ký cược	3.532.071.934	-	3.503.428.127	-
<b>Cộng</b>	<b>3.532.071.934</b>	-	<b>3.503.428.127</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	31/12/2023		Thời gian quá hạn	01/01/2023	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>9.110.861.539</b>	<b>(8.894.904.584)</b>		<b>11.112.517.192</b>	<b>(11.112.517.192)</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	Trên 3 năm	4.945.245.120	(4.945.245.120)	Trên 3 năm	9.378.293.541	(9.378.293.541)
Công ty TNHH Song Long	Trên 3 năm	401.545.500	(401.545.500)	Trên 3 năm	401.545.500	(401.545.500)
Công ty CP Đầu tư XD Sài Gòn	Trên 3 năm	114.312.500	(114.312.500)	Trên 3 năm	114.312.500	(114.312.500)
Khách sạn Nhật Hoàng	Trên 3 năm	130.930.000	(130.930.000)	Trên 3 năm	105.651.000	(105.651.000)
DNTN Trang Trí Nội Thất Đài Loan Dafuco	Trên 3 năm	139.703.100	(139.703.100)	Trên 3 năm	139.703.100	(139.703.100)
Đại Lý Ánh Tuyết - Đắknong	Trên 3 năm	68.641.000	(68.641.000)	Trên 3 năm	68.641.000	(68.641.000)
Đại Lý Nam Việt - Gia Lai	Trên 3 năm	51.766.200	(51.766.200)	Trên 3 năm	51.766.200	(51.766.200)
Đại lý Phước Hoa - Hà Nội	Trên 3 năm	44.541.800	(44.541.800)	Trên 3 năm	44.541.800	(44.541.800)
Đại lý Phương Nam - Đồng Tháp	Trên 3 năm	83.550.000	(83.550.000)	Trên 3 năm	83.550.000	(83.550.000)
Nguyễn Đình Hòa	Trên 3 năm	240.007.072	(240.007.072)	Trên 3 năm	240.007.072	(240.007.072)
Trung Tâm Khuyến Công Bình Phước	Trên 3 năm	43.729.050	(43.729.050)	Trên 3 năm	43.729.050	(43.729.050)
Cửa Hàng Thanh Quang - Lâm đồng	Trên 3 năm	18.792.900	(18.792.900)	Trên 3 năm	18.792.900	(18.792.900)
Master Sleep Company	Trên 3 năm	20.306.529	(20.306.529)	Trên 3 năm	20.306.529	(20.306.529)
Công Ty TNHH MTV Đăng Kiên - Hà Nội	Trên 3 năm	110.640.000	(110.640.000)	Trên 3 năm	110.640.000	(110.640.000)
Công ty TNHH Hale Việt Nam	Trên 3 năm	152.740.000	(152.740.000)	Trên 3 năm	152.740.000	(152.740.000)
Đại lý Hạnh Phước	Trên 3 năm	65.210.000	(65.210.000)	Trên 3 năm	65.210.000	(65.210.000)
Đại Lý Triều Nguyễn - Phú Giáo	Trên 3 năm	39.742.000	(39.742.000)	Trên 3 năm	39.742.000	(39.742.000)
Tô Hoài - Bình phước	Trên 3 năm	33.345.000	(33.345.000)	Trên 3 năm	33.345.000	(33.345.000)
Đại Lý Tiến - Đồng Nai	Trên 3 năm	272.574.400	(272.574.400)			
Cửa Hàng Ngọc Quang	Trên 3 năm	389.653.337	(389.653.337)			
Đại Lý Phương Linh- Bình Dương	Trên 3 năm	293.552.200	(293.552.200)			
Đại Lý Thanh Nhã - Đồng nai	Trên 3 năm	99.517.320	(99.517.320)			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.6. Nợ xấu (tiếp theo)**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2023	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2023
			Dự phòng VND			Dự phòng VND
Amv Resources SDN.BHD	Trên 3 năm	159.579.744	(159.579.744)			
	Từ 1 năm đến					
Đại Lý Hoàng Điệp - Cam Ranh	dưới 2 năm	173.766.030	(86.883.015)			
Đại lý Nhật Hoàng	Trên 3 năm	77.667.801	(77.667.801)			
Đại lý Màn Xanh	Trên 3 năm	64.608.000	(64.608.000)			
	Từ 6 tháng đến					
Các đối tượng khác	dưới 1 năm	840.240	(252.072)			
	Từ 1 năm đến					
	dưới 2 năm	235.129.841	(117.564.921)			
	Từ 2 năm đến					
	dưới 3 năm	36.402.840	(25.481.988)			
	Trên 3 năm	602.822.015	(602.822.015)			
<b>Cộng</b>		<b>9.110.861.539</b>	<b>(8.894.904.584)</b>		<b>11.112.517.192</b>	<b>(11.112.517.192)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Hàng tồn kho	-	8.761.448	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.761.448</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.479.002.567	-	3.974.364.139	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.111.702.566	-	19.275.546.853	-
Công cụ, dụng cụ	12.229.614.778	-	10.669.612.642	-
Chi phí SXKDDD	42.494.182.754	-	44.950.342.209	-
Thành phẩm	95.890.709.011	(8.649.919.990)	121.880.833.875	(10.910.620.854)
Hàng hóa	385.331.073	-	356.120.584	-
Hàng gửi đi	5.021.132.300	-	3.806.012.316	-
<b>Cộng</b>	<b>172.611.675.049</b>	<b>(8.649.919.990)</b>	<b>204.912.832.618</b>	<b>(10.910.620.854)</b>

**6.9. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****6.9.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	164.364.880	182.125.713
Chi phí bảo hiểm	56.429.514	26.867.469
Chi phí thuê nhà	-	-
Chi phí trả trước khác	533.864.078	255.619.758
<b>Cộng</b>	<b>754.658.472</b>	<b>464.612.940</b>

**6.9.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí duy tu, sửa chữa, xây dựng	22.765.712.091	23.669.574.461
Chi phí môi giới cho thuê hạ tầng	13.518.317.957	14.313.449.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.653.121.156	9.162.815.423
Chi phí khai thác tài nguyên	202.800.704	231.772.232
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Bắc Đồng Phú	337.433.562.900	357.375.454.010
Chi phí thuê văn phòng	6.182.392.741	6.115.052.965
Chi phí - phí làm sổ quyền sử dụng đất	557.421.283	553.980.773
Chi phí chứng chỉ rừng bền vững	1.551.402.054	1.270.998.661
Chi phí dự án công nghệ cao	1.082.073.096	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	625.224.066	518.560.970
<b>Cộng</b>	<b>391.572.028.048</b>	<b>413.211.658.495</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	31/12/2023			Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch do chuyển đổi BCTC VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế tài nguyên	6.167.002	-	77.242.177	77.115.998	-	6.040.823	-
Thuế giá trị gia tăng	3.201.863.165	244.417.781	33.474.978.266	30.017.437.602	-	1.931.153.209	2.431.248.489
Thuế thu nhập cá nhân	312.182.445	2.158.261.717	5.314.283.348	5.431.590.262	12.166.032	559.336.659	2.300.275.049
Thuế TNDN	350.605.019	36.864.715.016	42.909.137.943	39.637.315.807	(25.256.650)	687.275.971	40.447.951.454
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	436.922.495	436.922.495	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	46.916.000	46.916.000	-	-	-
Thuế thu nhập giữ lại	72.701.542	-	5.308.786.997	5.278.083.456	2.315.840	39.682.161	-
Tiền thuê đất	-	39.030.396.038	61.395.824.015	154.550.491.384	9.234.382	58.515.036.949	4.400.000.000
Các loại thuế khác	-	-	99.373.311	99.373.311	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.943.519.173</b>	<b>78.297.790.552</b>	<b>149.063.464.552</b>	<b>235.575.246.315</b>	<b>(1.540.396)</b>	<b>61.738.525.772</b>	<b>49.579.474.992</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây kinh doanh VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	485.773.455.295	233.693.149.334	112.338.254.132	8.363.170.272	1.512.481.213.753	2.352.649.242.786
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.296.859.551				36.184.774.667	45.481.634.218
- Mua trong kỳ	-	170.148.000	4.977.720.724	92.280.000	-	5.240.148.724
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	4.107.576.229	1.056.507.431	696.921.471	1.564.639	34.623.044.520	40.485.614.290
- Thanh lý, nhượng bán	(182.790.145)	-	(1.406.255.000)	-	(24.482.296.666)	(26.071.341.811)
- Tăng do phân loại lại	-	31.545.455	-	(31.545.455)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	498.995.100.930	234.951.350.220	116.606.641.327	8.425.469.456	1.558.806.736.274	2.417.785.298.207
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	293.712.953.066	172.567.683.543	92.982.247.642	6.505.217.884	361.880.757.312	927.648.859.447
- Khấu hao trong kỳ	23.887.484.417	11.942.713.590	4.814.682.593	399.874.640	76.349.217.238	117.393.972.478
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	1.527.924.931	580.422.801	419.125.101	1.240.412	7.586.162.540	10.114.875.785
- Thanh lý, nhượng bán	(141.606.150)	-	(1.406.255.000)	-	(14.729.732.391)	(16.277.593.541)
- Giảm do phân loại lại	-	23.133.352	-	(23.133.352)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	318.986.756.264	185.113.953.286	96.809.800.336	6.883.199.584	431.086.404.699	1.038.880.114.169
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2023	192.060.502.229	61.125.465.791	19.356.006.490	1.857.952.388	1.150.600.456.441	1.425.000.383.339
- Tại ngày 31/12/2023	180.008.344.666	49.837.396.934	19.796.840.991	1.542.269.872	1.127.720.331.575	1.378.905.184.038
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>						
- Tại ngày 01/01/2023	152.423.237.798	112.456.669.805	71.471.778.878	5.519.227.309	46.334.923.646	388.205.837.436
- Tại ngày 31/12/2023	160.902.175.907	128.952.945.560	74.043.125.058	5.756.029.368	36.739.742.057	406.394.017.950

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.12. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	997.194.500	1.927.753.524	193.303.509	3.118.251.533
- Mua trong năm		42.000.000		42.000.000
- Tăng/Giảm do chuyển đổi BCTC		15.034.709		15.034.709
Số dư tại ngày 31/12/2023	997.194.500	1.984.788.233	193.303.509	3.175.286.242
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	239.801.573	1.438.939.561	120.684.735	1.799.425.869
- Khấu hao trong kỳ	28.491.270	173.091.395	19.434.990	221.017.655
- Tăng/Giảm do chuyển đổi BCTC		15.034.709		15.034.709
Số dư tại ngày 31/12/2023	268.292.843	1.627.065.665	140.119.725	2.035.478.233
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày 01/01/2023	757.392.927	488.813.963	72.618.774	1.318.825.664
- Tại ngày 31/12/2023	728.901.657	357.722.568	53.183.784	1.139.808.009
<b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
- Tại ngày 01/01/2023	-	1.003.626.886	77.910.000	1.081.536.886
- Tại ngày 31/12/2023	-	1.003.626.886	77.910.000	1.081.536.886

**6.13. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>223.634.387.203</b>	<b>2.494.943.432</b>	-	<b>226.129.330.635</b>
- Cơ sở hạ tầng	223.634.387.203	2.494.943.432		226.129.330.635
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>73.630.821.855</b>	<b>12.757.332.863</b>	-	<b>86.388.154.718</b>
- Cơ sở hạ tầng	73.630.821.855	12.757.332.863		86.388.154.718
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>150.003.565.348</b>	<b>2.494.943.432</b>	<b>12.757.332.863</b>	<b>139.741.175.917</b>
- Cơ sở hạ tầng	150.003.565.348	2.494.943.432	12.757.332.863	139.741.175.917

**6.14. Tài sản dở dang dài hạn****6.14.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí trồng rừng	2.726.139.316	2.726.139.316	2.623.319.536	2.623.319.536
<b>Cộng</b>	<b>2.726.139.316</b>	<b>2.726.139.316</b>	<b>2.623.319.536</b>	<b>2.623.319.536</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.14.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản</b>	<b>175.146.286.962</b>	<b>166.713.649.055</b>
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Việt Nam	173.918.960.725	158.584.163.348
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Campuchia	1.227.326.237	8.129.485.707
<b>Vườn cây tái canh 2022 (trồng lấy gỗ)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí đầu tư các công trình xây dựng</b>	<b>40.077.812.321</b>	<b>28.953.967.588</b>
Dự án Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú	8.307.131.963	7.767.062.860
Các chi phí xây dựng, kiến thiết cơ bản khác	31.770.680.358	21.186.904.728
<b>Cộng</b>	<b>215.224.099.283</b>	<b>195.667.616.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.855.603.077)</b>	-	<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.885.501.288)</b>	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	19.895.870.000	(18.753.039.541)	(i)	19.895.870.000	(18.772.648.093)	(i)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	1.500.000.000	-	(i)	1.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Sa Thầy	71.277.000.000	-	(i)	71.277.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	24.611.000.000	(102.563.536)	(i)	24.611.000.000	(112.853.195)	(i)
Công ty CP BOT Bình Phước	10.450.000.000	-	(i)	10.450.000.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.855.603.077)</b>		<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.885.501.288)</b>	

**Giá trị hợp lý**

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Các giao dịch với công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được trình bày ở Thuyết minh số 10.1.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Mẫu số B 09 – DN/HN****6.16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chênh lệch sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		31.432.299.229
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	6.286.459.846
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>6.286.459.846</b>
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Chênh lệch sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36.447.606.634	33.130.045.178
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.289.521.327	6.626.009.036
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>7.289.521.327</b>	<b>6.626.009.036</b>

**6.17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>140.400.000</b>	<b>140.400.000</b>	<b>165.000.000</b>	<b>165.000.000</b>
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	-	-	165.000.000	165.000.000
Tạp Chí Cao Su Việt Nam	140.400.000	140.400.000	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>5.203.240.009</b>	<b>5.203.240.009</b>	<b>5.120.303.691</b>	<b>5.120.303.691</b>
Trung Thong Trading and Service Co.,Ltd	411.271.822	411.271.822	1.260.971.677	1.260.971.677
Công ty TNHH XD&XNK Ngân Huy Hoàng	-	-	533.503.960	533.503.960
Dung Binh Phat Construction Trading Co., Ltd	237.055.985	237.055.985	235.665.226	235.665.226
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Tăng Đông Hải	189.915.000	189.915.000	-	-
Phải trả khác	4.364.997.202	4.364.997.202	3.090.162.828	3.090.162.828
<b>Cộng</b>	<b>5.343.640.009</b>	<b>5.343.640.009</b>	<b>5.285.303.691</b>	<b>5.285.303.691</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>5.614.716.245</b>	<b>5.806.736.531</b>
Công ty TNHH Minh Thy Vàng	549.024.900	-
Ngô Hữu Thiết	248.108.580	-
Cửa hàng Ngân Hà	1.310.516.330	-
Cửa hàng Nệm giá gốc	611.494.466	372.369.204
Công ty TNHH MTV Đặng Thái Gia	-	651.974.400
Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi	343.483.875	627.078.284
Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tam Tài Nhân	-	1.424.091.089
Hộ kinh doanh Thiêm Kiều	-	49.022.183
Người mua trả trước khác	2.552.088.094	2.682.201.371
<b>Cộng</b>	<b>5.614.716.245</b>	<b>5.806.736.531</b>

**6.19. Chi phí phải trả****6.19.1. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	209.982.065	162.624.134
Phí tư vấn	7.200.000	220.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.818.629
Chi phí phải trả khác	440.884.215	1.908.597.277
<b>Cộng</b>	<b>658.066.280</b>	<b>2.295.040.040</b>

**6.19.2. Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước giá vốn ghi nhận doanh thu 01 lần	20.194.630.815	18.845.079.139
Trích trước phí sửa chữa hạ tầng	8.873.355.064	9.538.041.808
<b>Cộng</b>	<b>29.067.985.879</b>	<b>28.383.120.947</b>

**6.20. Doanh thu chưa thực hiện****6.20.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện khu công nghiệp	26.373.975.693	26.530.314.659
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	32.511.918.906	30.116.608.911
<b>Cộng</b>	<b>58.885.894.599</b>	<b>56.646.923.570</b>

**6.20.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện khu công nghiệp	928.161.457.522	839.244.007.171
<b>Cộng</b>	<b>928.161.457.522</b>	<b>839.244.007.171</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.21. Phải trả khác****6.21.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>658.845.945</b>	<b>9.523.498.795</b>
Công Ty Cổ Phần Cao Su Sa Thầy	28.800.000	-
Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	-	8.000.000.000
Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần về tiền hỗ trợ	131.750.000	51.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các cổ đông khác	498.295.945	1.471.748.795
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>17.840.417.551</b>	<b>51.159.882.811</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	5.463.371.345	4.856.760.845
Kinh phí công đoàn	264.286.930	406.528.622
Phải trả cơ quan BHXH	624.510.216	72.506.355
Phải trả tiền hỗ trợ làm đường dây điện cao thế	-	5.000.000.000
Phải trả tiền hỗ trợ kinh phí xây cầu OPhluc	-	2.588.722.200
Phải trả tiền đặt cọc thuê đất Khu công nghiệp theo hợp đồng	5.800.893.188	14.762.509.687
Phải trả Ban Quản lý khu kinh tế Bình Phước	-	16.447.927.120
Phải trả chi phí trồng rừng	2.517.682.639	2.517.682.639
Phải trả tiền mua mũ cao su tiểu điền tại các nông trường	2.315.288.328	2.317.967.653
Công ty TNHH MTV TM DV KT Minh Phát	517.122.300	414.426.150
Các khoản phải trả khác	337.262.605	1.774.851.540
<b>Cộng</b>	<b>18.499.263.496</b>	<b>60.683.381.606</b>

**6.21.2. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>183.714.854</b>	<b>183.714.854</b>
Tạm thu thuế TNCN của người mua - dự án Khu dân Cư Đồng Phú	183.714.854	183.714.854
<b>Cộng</b>	<b>183.714.854</b>	<b>183.714.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HH

**6.22. Vốn chủ sở hữu**

**6.22.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa PP VND	Lợi ích cổ đông không KS VND	Cộng VND
<b>Năm 2021</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2022	430.000.000.000	191.990.522.453	62.221.396.305	1.136.820.519.557	345.371.215.213	550.717.749.403	2.717.121.402.931
Tăng trong năm trước	-	-	16.501.901.563	40.624.210.956	256.597.001.241	154.854.752.137	468.577.865.897
Lãi trong năm trước					252.292.001.241	43.225.691.217	295.517.692.458
Phân phối lợi nhuận				40.624.210.956		1.859.571.544	42.483.782.500
Tăng do chuyển đổi Báo cáo tài chính			16.501.901.563			11.769.489.376	28.271.390.939
Tăng do góp vốn						98.000.000.000	98.000.000.000
Tăng do hợp nhất BCCT					4.305.000.000		4.305.000.000
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(191.743.756.877)	(22.334.115.391)	(214.077.872.268)
Chia cổ tức					(86.000.000.000)	(14.700.000.000)	(100.700.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(40.624.210.956)	(1.859.571.543)	(42.483.782.499)
Trích quỹ KTPL					(64.576.352.421)	(1.431.887.348)	(66.008.239.769)
Trích quỹ KT người QLDN					(543.193.500)	(37.656.500)	(580.850.000)
Giảm do hợp nhất BCTC						(4.305.000.000)	(4.305.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>430.000.000.000</b>	<b>191.990.522.453</b>	<b>78.723.297.868</b>	<b>1.177.444.730.513</b>	<b>410.224.459.577</b>	<b>683.238.386.149</b>	<b>2.971.621.396.560</b>
<b>Năm 2023</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2023	430.000.000.000	191.990.522.453	78.723.297.868	1.177.444.730.513	410.224.459.577	683.238.386.149	2.971.621.396.560
Tăng trong năm	438.859.320.000	9.479.472.400	22.239.848.626	(366.243.298.258)	209.501.758.116	68.126.120.050	381.963.220.934
Lãi trong kỳ					208.841.302.416	45.263.315.814	254.104.618.230
Phân phối lợi nhuận				68.186.361.742		6.529.844.824	74.716.206.566
Tăng do chuyển đổi BCTC			22.239.848.626		660.455.700	16.332.959.412	39.233.263.738
Tăng do góp vốn	434.429.660.000			(434.429.660.000)		-	-
Tăng do sáp nhập	4.429.660.000	9.479.472.400					13.909.132.400
Giảm trong năm	-	-	-	(924.823.854)	(246.354.561.338)	(47.083.960.272)	(294.363.345.464)
Chia cổ tức					(130.328.898.000)	(22.364.406.000)	(152.693.304.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(68.186.361.742)	(6.529.844.824)	(74.716.206.566)
Trích quỹ KTPL					(33.368.166.059)	(582.394.841)	(33.950.560.900)
Trích quỹ KT người QLDN					(356.065.720)	(52.906.280)	(408.972.000)
Giảm do sáp nhập				(924.823.854)	(11.243.901.776)	(15.506.633.310)	(27.675.358.940)
Giảm khác					(2.871.168.041)	(2.047.775.017)	(4.918.943.058)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>868.859.320.000</b>	<b>201.469.994.853</b>	<b>100.963.146.494</b>	<b>810.276.608.401</b>	<b>373.371.656.355</b>	<b>704.280.545.927</b>	<b>3.059.221.272.030</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	480.000.000.000	240.000.000.000
Các cổ đông khác	388.859.320.000	190.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>868.859.320.000</b>	<b>430.000.000.000</b>

**6.22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	438.859.320.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	868.859.320.000	430.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	130.328.898.000	86.000.000.000

**6.22.4. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.885.932	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã niêm yết ra công chúng	86.885.932	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.885.932	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86.885.932	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.885.932	43.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

**6.22.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	410.224.459.577	345.371.215.213
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	208.841.302.416	252.292.001.241
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	660.455.700	4.305.000.000
Lợi nhuận được phân phối trong năm	619.726.217.693	601.968.216.454
Phân phối các quỹ và chia lợi nhuận, trong đó:	(246.354.561.338)	(191.743.756.877)
- <i>Chia cổ tức</i>	(130.328.898.000)	(86.000.000.000)
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	(68.186.361.742)	(40.624.210.956)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(33.368.166.059)	(64.576.352.421)
- <i>Trích quỹ khen thưởng người QLDN</i>	(356.065.720)	(543.193.500)
- <i>Giảm do sáp nhập</i>	(11.243.901.776)	-
- <i>Giảm khác</i>	(2.871.168.041)	-
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>373.371.656.355</b>	<b>410.224.459.577</b>

**6.22.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	810.276.608.401	1.177.444.730.513
<b>Cộng</b>	<b>810.276.608.401</b>	<b>1.177.444.730.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6.23. Nguồn kinh phí**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	(3.285.680.315)	(1.851.704.690)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.602.099.420	2.455.291.735
Chi sự nghiệp	(4.593.636.164)	(3.889.267.360)
Điều chỉnh do sáp nhập	394.126.686	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(4.883.090.373)</b>	<b>(3.285.680.315)</b>

**6.24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	31/12/2023	01/01/2023
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (tấn)	1.747,65	1.829,12
- Mủ Latex HA	404,11	565,39
- Mủ SVR CV 60	262,08	-
- Mủ SVR 3L	141,12	60,48
- Mủ SVR 5	-	67,17
- Mủ SVR 10	30,56	703,47
- Mủ Skim	30,00	30,00
- Mủ RSS	261,60	22,47
- Mủ gia công cho bên ngoài	313,17	380,14
- Mủ nguyên liệu chưa gia công	305,01	-
b. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	2.555,43	1.991.471,93

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để sử dụng với mục đích phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp để cho thuê như sau:

- Thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2059. Diện tích khu đất thuê là: 1.408.264,4 m<sup>2</sup>. Theo Quyết định số 878/QĐ-CT ngày 29/06/2016 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn từ ngày 27/07/2011 đến ngày 26/07/2029;
- Thời hạn thuê từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là: 526.943,5 m<sup>2</sup>. Theo Quyết định số 1659/QĐ-CT ngày 16/11/2016 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn từ ngày 15/02/2019 đến ngày 14/02/2034.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****7.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	771.667.112.173	903.590.860.059
Doanh thu kinh doanh bất động sản	72.229.162.712	76.410.188.272
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.052.351.222	29.913.673.222
Doanh thu hoạt động chế biến gỗ	69.081.892.595	56.853.528.277
Doanh thu cây cao su thanh lý	87.333.050.500	141.487.841.615
Doanh thu từ hoạt động khác	3.547.707.862	3.285.163.813
<b>Cộng</b>	<b>1.041.911.277.064</b>	<b>1.211.541.255.258</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 10.1.2)</b>	<b>135.930.939.842</b>	<b>165.522.439.205</b>

**7.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hàng bán bị trả lại	190.044.105	809.423.681
Chiết khấu thương mại	598.831.854	-
<b>Cộng</b>	<b>788.875.959</b>	<b>809.423.681</b>

**7.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hoá	770.878.236.214	902.781.436.378
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	72.229.162.712	76.410.188.272
Doanh thu thuần từ bán đất nền khu dân cư	-	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	38.052.351.222	29.913.673.222
Doanh thu thuần hoạt động chế biến gỗ	69.081.892.595	56.853.528.277
Doanh thu thuần cây cao su thanh lý	87.333.050.500	141.487.841.615
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	3.547.707.862	3.285.163.813
<b>Cộng</b>	<b>1.041.122.401.105</b>	<b>1.210.731.831.577</b>

**7.4. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	654.737.172.334	719.555.381.192
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	38.012.974.119	42.696.509.644
Giá vốn hoạt động chế biến gỗ	34.302.110.646	42.908.923.234
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.847.965.119	21.464.668.989
Giá vốn cây cao su thanh lý	11.603.018.147	9.401.911.699
Giá vốn khác	2.454.910.237	2.283.985.088
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.260.700.864)	5.234.470.547
<b>Cộng</b>	<b>766.697.449.738</b>	<b>843.545.850.393</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7.5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	99.783.750.919	63.172.161.872
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.409.111.350	1.806.646.200
Lãi bán ngoại tệ	120.043.500	1.989.116.823
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.032.015.174	690.749.307
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.783.422.588	-
<b>Cộng</b>	<b>120.128.343.531</b>	<b>67.658.674.202</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 10.1.2)</b>	<b>5.501.469.000</b>	<b>1.806.646.200</b>

**7.6. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí tiền vay	-	956.705.419
Lỗ do bán ngoại tệ	15.685.000	548.701.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.567.626.207	523.199.503
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(29.898.211)	(10.203.796)
Chi phí tài chính khác	220.636.020	-
<b>Cộng</b>	<b>5.774.049.016</b>	<b>2.018.402.871</b>

**7.7. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.927.284.256	3.081.054.443
Chi phí vật liệu, bao bì	3.662.633.880	932.940.077
Chi phí chiết khấu bán hàng	-	3.986.491.996
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.138.789	60.070.579
Thuế, phí và lệ phí	55.640.167	51.539.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.003.713.734	13.394.129.376
Chi phí khác bằng tiền	4.338.799.413	5.336.756.308
<b>Cộng</b>	<b>22.057.210.239</b>	<b>26.842.981.825</b>

**7.8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	46.082.780.581	43.816.368.936
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	5.146.337.915	5.584.951.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.708.017.032	3.064.615.499
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	2.318.894.879	2.719.020.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.968.354.871	5.182.605.324
Chi phí bằng tiền khác	35.479.238.867	33.852.520.513
(Hoàn nhập) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.468.377.867)	1.112.714.651
<b>Cộng</b>	<b>94.235.246.278</b>	<b>95.332.797.276</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7.9. Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	219.495.685	113.425.926
Thu nhập từ đền bù, bồi thường	5.284.682.005	1.355.312.303
Phạt tiền chậm nộp tiến độ thanh toán	2.457.866.058	2.747.851.044
Thu nhập từ bán phế liệu, pallet	1.310.460.600	1.349.497.800
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	14.029.367.279	11.757.758.118
Thu nhập từ khám chữa bệnh	860.174.494	1.914.136.532
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mỏ	12.473.204.506	25.627.949.005
Thu nhập từ bán điện, nước sinh hoạt	5.963.760.350	4.150.762.284
Thu nhập từ hỗ trợ	1.393.904.363	-
Thu nhập khác	10.554.539.524	13.818.821.316
<b>Cộng</b>	<b>54.547.454.864</b>	<b>62.835.514.328</b>
<b>Thu nhập khác phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 10.1.2)</b>	<b>615.505.647</b>	<b>225.558.283</b>

**7.10. Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	458.955.411	297.668.781
Chi phí từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	667.608.337	525.166.080
Chi phí khám chữa bệnh	239.428.265	1.177.188.748
Khấu hao vườn cây nhượng quyền khai thác mỏ	686.485.751	1.465.429.590
Chi phí tiền điện, nước	4.184.484.998	3.175.216.813
Tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	18.353.129	480.156.517
Chi phí tiền thuê đất phải nộp	7.397.248.454	855.004.596
Chi phí khác	9.417.951.574	8.881.121.423
<b>Cộng</b>	<b>23.070.515.919</b>	<b>16.856.952.548</b>

**7.11. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	33.263.609.555	48.439.056.787
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	9.645.528.388	10.221.908.568
<b>Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>42.909.137.943</b>	<b>58.660.965.355</b>

**7.12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.949.972.137	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	2.450.377.381
<b>Cộng thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>6.949.972.137</b>	<b>2.450.377.381</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7.13. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	208.841.302.416	252.292.001.241
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	33.724.231.779
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CPPT	208.841.302.416	218.567.769.462
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	50.132.162	43.000.000
Số lượng CPPT dự kiến được phát hành thêm	-	43.442.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.166	5.083
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.166	2.528

**7.14. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.572.143.880	291.203.212.055
Chi phí nhân công	394.186.248.198	379.516.608.598
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	19.367.636.543	20.952.647.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.212.706.012	131.582.470.605
Thuế, phí và lệ phí	2.374.535.046	30.931.339.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.709.824.051	49.128.872.774
Chi phí khác bằng tiền	103.195.822.100	105.325.575.649
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(2.720.033.297)	-
<b>Cộng</b>	<b>866.618.915.830</b>	<b>1.008.640.727.135</b>

**8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****8.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	8.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.900.000.000</b>

**8.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.000.000.000	58.016.318.500
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>58.016.318.500</b>

**9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	311.048.755.901	-	319.773.928.740	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.168.060.524	(11.112.517.192)	111.348.483.459	(8.894.904.584)
Các khoản cho vay	1.877.656.311	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	1.208.993.167.003	-	1.303.015.732.525	-
Đầu tư dài hạn	143.033.870.000	(18.885.501.288)	138.233.870.000	(18.855.603.077)
<b>Cộng</b>	<b>1.748.121.509.739</b>	<b>(29.998.018.480)</b>	<b>1.872.372.014.724</b>	<b>(27.750.507.661)</b>

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2023	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	66.152.400.151	24.026.618.359
Chi phí phải trả	30.678.160.987	29.726.052.159
Vay và nợ	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>101.830.561.138</b>	<b>53.752.670.518</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	311.048.755.901	-	-	311.048.755.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.664.632.397	3.503.428.127	-	83.168.060.524
Các khoản cho vay	1.877.656.311	-	-	1.877.656.311
Đầu tư ngắn hạn	1.208.993.167.003	-	-	1.208.993.167.003
Đầu tư dài hạn	-	-	143.033.870.000	143.033.870.000
<b>Cộng</b>	<b>1.601.584.211.612</b>	<b>3.503.428.127</b>	<b>143.033.870.000</b>	<b>1.748.121.509.739</b>
Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	319.773.928.740	-	-	319.773.928.740
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.816.411.525	3.532.071.934	-	111.348.483.459
Đầu tư ngắn hạn	1.303.015.732.525	-	-	1.303.015.732.525
Đầu tư dài hạn	-	-	138.233.870.000	138.233.870.000
<b>Cộng</b>	<b>1.730.606.072.790</b>	<b>3.532.071.934</b>	<b>138.233.870.000</b>	<b>1.872.372.014.724</b>

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	65.968.685.297	183.714.854	-	66.152.400.151
Chi phí phải trả	2.295.040.040	28.383.120.947	-	30.678.160.987
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>73.263.725.337</b>	<b>28.566.835.801</b>	<b>-</b>	<b>101.830.561.138</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	23.842.903.505	183.714.854	-	24.026.618.359
Chi phí phải trả	658.066.280	29.067.985.879	-	29.726.052.159
<b>Cộng</b>	<b>24.500.969.785</b>	<b>29.251.700.733</b>	<b>-</b>	<b>53.752.670.518</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**10. CÁC THÔNG TIN KHÁC****10.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Năm 2023			Năm 2022		
		Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND	Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>							
Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	497.430.200		497.430.200	559.436.544	-	559.436.544
Phạm Phi Điểu	Thành viên HĐQT	74.400.000		74.400.000	74.400.000	-	74.400.000
Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT			-	-	-	-
Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	74.400.000		74.400.000	37.200.000	-	-
Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT			-	37.200.000	-	37.200.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>646.230.200</b>	<b>-</b>	<b>646.230.200</b>	<b>708.236.544</b>	<b>-</b>	<b>671.036.544</b>
<b>Ban kiểm soát</b>							
Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	369.096.007		369.096.007	435.117.312	-	435.117.312
Bùi Thanh Tâm	Thành viên			-	30.000.000	-	30.000.000
Trần Thị Thuý Thuý	Thành viên	151.300.000		151.300.000	244.701.000	-	244.701.000
Nguyễn Minh Trang	Thành viên	60.000.000		60.000.000	30.000.000	-	30.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>580.396.007</b>	<b>-</b>	<b>580.396.007</b>	<b>739.818.312</b>	<b>-</b>	<b>739.818.312</b>
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>							
Hồ Cường	Tổng Giám đốc	494.893.140		494.893.140	528.356.736	-	528.356.736
Huỳnh Trọng Thuý	Phó Tổng Giám đốc	454.403.854		454.403.854	481.737.024	-	481.737.024
Lưu Minh Tuyến	Phó Tổng Giám đốc	416.062.981		416.062.981	466.197.120	-	466.197.120
Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	389.993.622		389.993.622	435.117.312	-	435.117.312
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.755.353.597</b>	<b>-</b>	<b>1.755.353.597</b>	<b>1.911.408.192</b>	<b>-</b>	<b>1.911.408.192</b>

Công ty không có các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**10.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

*Danh sách các bên liên quan khác*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>	<b><u>Địa điểm</u></b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Công ty cùng Tập đoàn	Lai Châu
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	Công ty cùng Tập đoàn	Kon Tum
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Công ty cùng Tập đoàn	Tây Ninh
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập	Công ty cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Công ty cùng Tập đoàn	Kon Tum
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Công ty cùng Tập đoàn	Kiến Giang
Công ty CP kinh doanh BOT Bình Phước	Đầu tư góp vốn dài hạn	Bình Phước
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch	Đầu tư góp vốn dài hạn	Quảng Ninh
Công ty CP VRG Khải Hoàn	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai- Kratie	Công ty cùng Tập đoàn	Campuchia
Công ty TNHH PTCS Hoàng Anh Mang	Công ty cùng Tập đoàn	Campuchia
Tạp chí Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b><i>Doanh thu bán mũ cao su</i></b>	<b>107.061.767.873</b>	<b>75.628.824.319</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	24.499.809.968	65.406.555.594
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	1.845.420.000	825.900.000
Công ty CP VRG Khải Hoàn		9.396.368.725
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai- Kratie - Doanh thu gia công mũ	13.050.135.704	-
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Doanh thu bán mũ thành phẩm	67.666.402.201	-
<b><i>Doanh thu thanh lý cây cao su</i></b>	<b>-</b>	<b>75.027.795.189</b>
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An		24.283.703.145
Công ty CP Cao su Trường Phát		20.173.065.905
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang		15.920.675.373
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su		14.650.350.766
<b><i>Doanh thu gia công mũ cao su</i></b>	<b>-</b>	<b>13.741.599.697</b>
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai - Kratie		12.465.416.387
Công ty TNHH PTCS Hoang Anh Mang Yang K		1.276.183.310
<b><i>Doanh thu khác</i></b>	<b>28.869.171.969</b>	<b>1.124.220.000</b>
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng - Bán gỗ tháp	-	51.060.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bán gỗ giống cao su	-	278.690.000
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Dịch vụ gia công mũ cao su	353.578.143	794.470.000
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha - Bán gỗ phối cao su	18.048.087.826	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie - Gia công chế biến mũ cao su	4.504.128.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia - Gia công chế biến mũ cao su	5.839.968.000	-
Công ty Cổ Phần Cao Su Tân Biên - Bán gỗ giống cao su	123.410.000	-
<b>Cộng</b>	<b>135.930.939.842</b>	<b>165.522.439.205</b>
<b><i>Doanh thu hoạt động tài chính</i></b>		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Cao su Sa Thầy - Tiền cổ tức	3.920.235.000	1.781.925.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	13.734.000	24.721.200
Công ty CP Kinh doanh BOT Đường ĐT 741	1.567.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.501.469.000</b>	<b>1.806.646.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

<b>Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su - Bán nước sinh hoạt	25.308.058	25.954.283
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie - Gia công đóng kiện, pallet	200.326.988	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia - Gia công đóng kiện, pallet	294.461.022	-
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Gia công đóng kiện, palet	63.000	-
Công ty CP kinh doanh BOT Bình Phước - bán nước sinh hoạt	95.346.579	199.604.000
<b>Cộng</b>	<b>615.505.647</b>	<b>225.558.283</b>
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư dây chuyền chế biến mũ nhập kho	278.575.000	237.127.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Học phí bồi dưỡng quản lý	22.400.000	72.000.000
Tạp chí Cao su Việt Nam - Chi phí quảng cáo, mua tạp chí	445.000.000	320.705.000
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam - Mua nguyên vật liệu	1.143.844.500	903.392.700
<b>Cộng</b>	<b>1.889.819.500</b>	<b>1.533.224.700</b>
<b>Giao dịch khác</b>	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Cổ tức phải trả	72.000.000.000	84.000.000.000
Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên - Chia cổ tức	-	12.000.000.000
Công Ty CP Cao Su Phước Hòa - hoàn trả tiền đảm bảo dọn dẹp mặt bằng	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>96.200.000.000</b>

*Công nợ với các bên liên quan*

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10.2. Thông tin về bộ phận***Theo lĩnh vực kinh doanh:*

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mũ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Thanh lý cây cao su và chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>							
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	740.225.765.935	36.285.780.135	87.333.050.500	72.229.162.712	109.368.641.823	-	1.045.442.401.105
Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1)	(4.320.000.000)					-	(4.320.000.000)
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>735.905.765.935</b>	<b>36.285.780.135</b>	<b>87.333.050.500</b>	<b>72.229.162.712</b>	<b>109.368.641.823</b>	-	<b>1.041.122.401.105</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
Khấu hao tài sản cố định	84.902.202.429	9.213.489.182	10.016.901.158	13.695.397.140	12.544.333.087	-	130.372.322.996
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
<b>Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)</b>	<b>30.332.544.210</b>	<b>(6.078.820.734)</b>	<b>50.989.549.941</b>	<b>13.679.821.889</b>	<b>69.209.399.544</b>	-	<b>158.132.494.850</b>
<b>Tổng tài sản (3)</b>	<b>2.769.764.463.437</b>	<b>138.079.005.366</b>	<b>326.781.356.297</b>	<b>1.389.946.240.835</b>	<b>409.233.765.530</b>	<b>(775.547.393.366)</b>	<b>4.258.257.438.099</b>
<b>Tổng nợ phải trả (4)</b>	<b>155.542.262.407</b>	<b>5.516.237.427</b>	<b>18.351.131.348</b>	<b>994.238.674.795</b>	<b>22.981.429.138</b>	<b>7.289.521.327</b>	<b>1.203.919.256.442</b>
<b>Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm những khoản mục sau:</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh mũ cao su</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su</b>	<b>Chế biến gỗ</b>	<b>Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng</b>	<b>Hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>Điều chỉnh và loại trừ</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu tài chính	89.200.251.117	2.470.660.225	-	53.087.432.189	-	(24.630.000.000)	120.128.343.531
Chi phí tài chính	9.082.903.390	8.707.082	-	-	-	(3.317.561.456)	5.774.049.016
Thu nhập khác	53.082.438.191	419.758.644	-	3.223.233.228	-	(2.177.975.199)	54.547.454.864
Chi phí khác	24.972.842.741	264.423.494	-	11.224.883	-	(2.177.975.199)	23.070.515.919



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Đầu tư tài chính ngắn hạn	504.015.732.525	26.000.000.000	-	773.000.000.000	-	-	1.303.015.732.525
Thuế GTGT được khấu trừ	31.171.594.026	119.757.433	-	655.828.169	-	-	31.947.179.628
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.336.434.861	303.778.938	-	27.657.576.753	-	-	78.297.790.552
Đầu tư tài chính dài hạn	884.425.660.289	-	-	10.500.000.000	-	(775.547.393.366)	119.378.266.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.469.949.421.701</b>	<b>26.423.536.371</b>	<b>-</b>	<b>811.813.404.922</b>	<b>-</b>	<b>(775.547.393.366)</b>	<b>1.532.638.969.628</b>
<b>Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh mủ cao su</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su</b>	<b>Chế biến gỗ</b>	<b>Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng</b>	<b>Hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>Điều chỉnh và loại trừ</b>	<b>Tổng cộng</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.760.244.442	-	-	183.274.731	-	-	3.943.519.173
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.289.521.327	-	-	-	-	-	7.289.521.327
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.049.765.769</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>183.274.731</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.233.040.501</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Mẫu số B 09 – DN/HN****Theo khu vực địa lý:**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Việt Nam VND</b>	<b>Vương quốc Campuchia VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	768.173.781.344	277.268.619.761	1.045.442.401.105
- Doanh thu bán hàng nội bộ	4.320.000.000	-	4.320.000.000
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	763.853.781.344	277.268.619.761	1.041.122.401.105
3. Tài sản tại các bộ phận	3.846.714.878.015	1.187.089.953.454	5.033.804.831.469
- Điều chỉnh tài sản nội bộ	775.547.393.366	-	775.547.393.366
4. Tài sản thuần của các bộ phận	3.071.167.484.649	1.187.089.953.454	4.258.257.438.103
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	43.217.590.173	10.041.136.201	53.258.726.374
- Chi phí phát sinh mua tài sản cố định nội bộ	-	-	-
6. Tổng chi phí thuần đã phát sinh mua tài sản cố định	43.217.590.173	10.041.136.201	53.258.726.374

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**10.3. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10.4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**10.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**10.6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày lại do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố căn cứ theo các thông báo điều chỉnh tiền thuê đất từ năm 2020 đến 2022 và Biên bản kiểm toán nhà nước ngày 28 tháng 04 năm 2023. Việc này ảnh hưởng đến các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

*Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022:*

Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2023	01/01/2023	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.875.308.422.803</b>	<b>1.885.073.999.051</b>	<b>(9.765.576.248)</b>
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	80.680.527.593	90.446.103.841	(9.765.576.248)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	49.579.474.992	59.345.051.240	(9.765.576.248)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>2.323.641.282.021</b>	<b>2.279.786.327.361</b>	<b>43.854.954.660</b>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	198.290.936.179	154.435.981.519	43.854.954.660
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	195.667.616.643	151.812.661.983	43.854.954.660
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>4.198.949.704.824</b>	<b>4.164.860.326.412</b>	<b>34.089.378.412</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>2.968.335.716.245</b>	<b>2.991.291.266.032</b>	<b>(22.955.549.787)</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.971.621.396.560	2.994.576.946.347	(22.955.549.787)
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	410.224.459.577	433.180.009.364	(22.955.549.787)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	157.932.458.336	185.215.353.272	(27.282.894.936)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	252.292.001.241	247.964.656.092	4.327.345.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>4.198.949.704.824</b>	<b>4.164.860.326.412</b>	<b>34.089.378.412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	VND
4. Giá vốn hàng bán	11	843.545.850.393	843.134.794.059	411.056.334
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = (10 - 11))</b>	<b>20</b>	<b>367.185.981.184</b>	<b>367.597.037.518</b>	<b>(411.056.334)</b>
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	95.332.797.276	95.254.305.836	78.491.440
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>310.650.473.414</b>	<b>311.140.021.188</b>	<b>(489.547.774)</b>
12. Thu nhập khác	31	62.835.514.328	54.963.162.875	7.872.351.453
13. Chi phí khác	32	16.856.952.548	16.001.947.952	855.004.596
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>45.978.561.780</b>	<b>38.961.214.923</b>	<b>7.017.346.857</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>356.629.035.194</b>	<b>350.101.236.111</b>	<b>6.527.799.083</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	58.660.965.355	56.460.511.421	2.200.453.934
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>295.517.692.458</b>	<b>291.190.347.309</b>	<b>4.327.345.149</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	252.292.001.241	247.964.656.092	4.327.345.149
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.083	5.767	(684)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.528	2.869	(340)

Ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>356.629.035.194</b>	<b>350.101.236.111</b>	<b>6.527.799.083</b>
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>297.365.079.706</b>	<b>290.837.280.623</b>	<b>6.527.799.083</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.780.168.975	12.980.622.909	(2.200.453.934)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.449.857.500	20.777.202.649	(4.327.345.149)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021:Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2022		Chênh lệch
		Trình bày lại VND	01/01/2022 VND	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>2.435.319.906.325</b>	<b>2.414.004.114.621</b>	<b>21.315.791.704</b>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	149.824.345.232	128.508.553.528	21.315.791.704
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	147.280.061.716	125.964.270.012	21.315.791.704
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>4.053.805.686.518</b>	<b>4.032.489.894.814</b>	<b>21.315.791.704</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.338.535.988.277</b>	<b>1.289.937.301.637</b>	<b>48.598.686.640</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	514.057.349.579	465.458.662.939	48.598.686.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	84.359.512.624	35.760.825.984	48.598.686.640
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>2.715.269.698.241</b>	<b>2.742.552.593.177</b>	<b>(27.282.894.936)</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.717.121.402.931	2.744.404.297.867	(27.282.894.936)
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	345.371.215.213	372.654.110.149	(27.282.894.936)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(14.024.448.091)	(1.319.523.414)	(12.704.924.677)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	359.395.663.304	373.973.633.563	(14.577.970.259)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>4.053.805.686.518</b>	<b>4.032.489.894.814</b>	<b>21.315.791.704</b>

Ảnh hưởng đến Báo cáo KQKD hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021		Chênh lệch
		Trình bày lại VND	Năm 2021 -	
4. Giá vốn hàng bán	11	799.113.559.521	786.532.015.939	12.581.543.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = (10 - 11))	20	417.727.565.747	430.309.109.329	(12.581.543.582)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	85.744.696.009	85.666.204.569	78.491.440
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	339.690.898.305	352.350.933.327	(12.660.035.022)
13. Chi phí khác	32	38.742.471.110	36.824.535.873	1.917.935.237
14. Lợi nhuận khác	40	223.076.053.440	224.993.988.677	(1.917.935.237)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	562.766.951.745	577.344.922.004	(14.577.970.259)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	457.999.564.450	472.577.534.709	(14.577.970.259)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	416.497.223.934	431.075.194.193	(14.577.970.259)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	8.424	8.773	(349)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.148	4.320	(172)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2021	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	562.766.951.745	577.344.922.004	(14.577.970.259)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	643.786.672.594	658.364.642.853	(14.577.970.259)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	98.247.716.167	83.669.745.908	14.577.970.259

Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020:

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2021	01/01/2021	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200	2.557.089.124.187	2.547.185.948.268	9.903.175.919
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	176.752.635.600	166.849.459.681	9.903.175.919
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	174.345.494.684	164.442.318.765	9.903.175.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270	<u>3.785.318.469.672</u>	<u>3.775.415.293.753</u>	<u>9.903.175.919</u>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	300	1.478.264.777.513	1.455.656.676.917	22.608.100.596
I. Nợ ngắn hạn	310	584.345.166.989	561.737.066.393	22.608.100.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	47.452.313.222	24.844.212.626	22.608.100.596
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	2.307.053.692.159	2.319.758.616.836	(12.704.924.677)
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.314.497.757.745	2.327.202.682.422	(12.704.924.677)
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	136.916.691.577	149.621.616.254	(12.704.924.677)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	67.650.405.486	80.355.330.163	(12.704.924.677)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440	<u>3.785.318.469.672</u>	<u>3.775.415.293.753</u>	<u>9.903.175.919</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng đến Báo cáo KQKD hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020 Trình bày lại VND	Năm 2020 -	Chênh lệch VND
4. Giá vốn hàng bán	11	826.105.872.153	817.653.058.668	8.452.813.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = (10 - 11))	20	311.492.187.161	319.945.000.646	(8.452.813.485)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	94.504.410.420	91.544.569.309	2.959.841.111
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	246.984.115.933	258.396.770.529	(11.412.654.596)
13. Chi phí khác	32	14.369.649.829	13.077.379.748	1.292.270.081
14. Lợi nhuận khác	40	9.656.177.265	10.948.447.346	(1.292.270.081)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	256.640.293.198	269.345.217.875	(12.704.924.677)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	198.983.175.553	211.688.100.230	(12.704.924.677)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	165.233.914.768	177.938.839.445	(12.704.924.677)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.612	2.928	(317)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.612	2.928	(317)

Ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020 Trình bày lại VND	Năm 2020 VND	Chênh lệch VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	256.640.293.198	269.345.217.875	(12.704.924.677)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	331.190.097.297	343.895.021.974	(12.704.924.677)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	220.075.546.509	207.370.621.832	12.704.924.677

Người lập biểu  
Võ Duy Hương  
Bình Phước, Việt Nam  
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng  
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc  
Hồ Cường



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 49

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Trụ sở chính : Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 84-(271) 381 97 86
- Fax : 84-(271) 381 96 20

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 3800100376 ngày 03/11/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hồ Cường	Thành viên	
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Thành viên	
Ông Phạm Phi Điều	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Hồ Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Minh Tuyến	Phó Tổng Giám đốc	

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Mai Huỳnh Nhật - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ông Hồ Cường được ông Mai Huỳnh Nhật ủy quyền ký báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 102/GUQ-HĐQTCSĐP ngày 02 tháng 07 năm 2018.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh tổng hợp**

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**8. Cam kết về công bố thông tin**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



---

**Hồ Cường**

**Tổng Giám đốc**

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024



Số: 067/2024/BCKTTH-PB.00307

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



*Vũ Giang Nam*

**VŨ GIANG NAM**

**Phó Giám đốc**

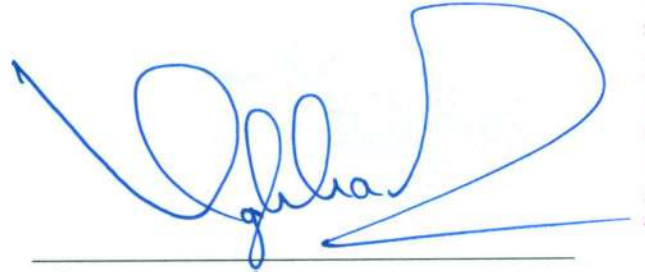
Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024



**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2024 - 009 - 1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>761.571.300.417</b>	<b>838.505.838.072</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	6.1	<b>262.098.930.669</b>	<b>238.575.921.867</b>
1. Tiền	111		33.565.623.800	32.301.370.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		228.533.306.869	206.274.551.565
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>329.838.108.525</b>	<b>454.230.831.683</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	329.838.108.525	454.230.831.683
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.110.333.073</b>	<b>25.648.253.266</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	39.678.275.521	12.932.014.959
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.4	1.364.550.000	3.184.204.054
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.5	9.067.507.552	9.532.034.253
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	6.6	<b>69.737.394.929</b>	<b>93.505.648.933</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.911.070.291	99.688.369.729
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.173.675.362)	(6.182.720.796)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.786.533.221</b>	<b>26.545.182.323</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.7	189.885.119	231.344.811
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.8	49.596.648.102	26.313.837.512
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.557.118.331.393</b>	<b>1.536.596.177.589</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.700.000.000</b>	<b>1.700.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.5	1.700.000.000	1.700.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>458.192.450.999</b>	<b>352.345.775.206</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	457.127.842.986	351.878.342.469
- Nguyên giá	222		1.021.069.301.701	843.864.323.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(563.941.458.715)	(491.985.981.315)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.10	1.064.608.013	467.432.737
- Nguyên giá	228		2.562.498.009	1.523.303.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.497.889.996)	(1.055.870.772)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>207.565.236.850</b>	<b>173.826.396.715</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		2.726.139.316	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.11	204.839.097.534	173.826.396.715
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>884.425.660.289</b>	<b>1.005.102.323.534</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.12	811.995.000.000	918.084.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.12	127.733.870.000	127.733.870.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.12	(55.303.209.711)	(52.015.546.466)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.2	-	11.300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.234.983.255</b>	<b>3.621.682.134</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.7	5.234.983.255	3.621.682.134
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.318.689.631.810</b>	<b>2.375.102.015.661</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>162.004.442.477</b>	<b>246.806.292.421</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.004.442.477</b>	<b>246.806.292.421</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.13	562.385.547	967.814.569
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.14	1.768.201.587	1.634.581.221
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.8	3.040.421.501	58.054.864.871
4. Phải trả người lao động	314		74.767.650.429	69.561.071.060
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.15	125.000.000	444.263.683
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	6.16	32.511.918.906	30.116.608.911
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.17	11.144.898.733	25.210.347.582
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.083.965.774	60.816.740.524
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.156.685.189.333</b>	<b>2.128.295.723.240</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	6.18	<b>2.161.568.279.706</b>	<b>2.130.897.822.660</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		868.859.320.000	430.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		868.859.320.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.469.994.853	191.990.522.453
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		792.936.828.041	1.165.976.495.402
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		298.302.136.812	342.930.804.805
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.264.354.653	133.970.150.858
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		180.037.782.159	208.960.653.947
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	6.19	<b>(4.883.090.373)</b>	<b>(2.602.099.420)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(4.883.090.373)	(2.602.099.420)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.318.689.631.810</b>	<b>2.375.102.015.661</b>



Người lập biểu

Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024



Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc

Hồ Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	646.505.404.322	755.339.884.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		646.505.404.322	755.339.884.605
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	476.564.147.532	530.461.783.017
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		169.941.256.790	224.878.101.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	79.317.487.528	48.092.181.662
7. Chi phí tài chính	22	7.4	3.473.318.565	4.783.427.277
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	6.909.328.456	5.858.710.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	51.298.289.971	50.503.747.209
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		187.577.807.326	211.824.398.013
11. Thu nhập khác	31	7.7	44.804.657.766	58.357.596.409
12. Chi phí khác	32	7.8	18.965.632.891	12.782.283.688
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		25.839.024.875	45.575.312.721
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		213.416.832.201	257.399.710.734
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	33.263.609.555	48.439.056.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		180.153.222.646	208.960.653.947

Người lập biểu

Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc

Hồ Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	651.897.434.125	855.522.505.417
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(150.547.504.746)	(169.631.791.867)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(231.600.765.724)	(277.475.090.628)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(20.719.892.525)	(93.000.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	69.019.596.211	72.276.795.524
6. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(299.808.673.883)	(286.659.383.436)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>18.240.193.458</b>	<b>101.033.035.010</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(68.790.353.188)	(64.053.749.796)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	301.000.000	113.425.926
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(68.637.337.973)	(440.391.872.859)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	204.330.061.131	373.749.235.915
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(102.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.944.196.549	46.968.043.181
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>136.147.566.519</b>	<b>(185.614.917.633)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(130.823.850.850)	(150.126.048.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(130.823.850.850)</b>	<b>(150.126.048.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>23.563.909.127</b>	<b>(234.707.930.923)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>238.575.921.867</b>	<b>473.284.786.190</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(40.900.325)	(933.400)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>262.098.930.669</b>	<b>238.575.921.867</b>

Người lập biểu

Võ Duy Hường

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy

Tổng Giám đốc

Hồ Cường

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 3800100376 ngày 03/11/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 868.859.320.000 VND (Tám trăm sáu mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Tổng số cổ phần là 86.885.932 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	480.000.000.000	48.000.000	55,24%
2	Các cổ đông khác	388.859.320.000	38.885.932	44,76%
	<b>Cộng</b>	<b>868.859.320.000</b>	<b>86.885.932</b>	<b>100%</b>

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
- Chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón); Chăn nuôi trâu, bò;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su);
- Mua bán xuất nhập khẩu mủ cao su các loại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc của Công ty****Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Chế biến gỗ	Áp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

**Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất nệm cao su	76,83%	76,83%
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	58,37%	58,37%

**Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh khách sạn	5,39%	5,39%
Công ty CP Đầu tư Cao su Phú Thịnh	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	0,20%	0,20%
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Tỉnh Kon Tum	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	10,21%	10,21%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,70%	11,70%
Công ty CP BOT Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,32%	11,32%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### **1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

#### **1.7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 2.830 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.531 người).

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### 4.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05
Tài sản cố định vô hình khác	05 - 10

#### 4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### **Tài sản đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### **Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **4.12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.13. Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

##### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **4.14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu và doanh thu gia công***

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

#### **4.16. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **4.18. Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 5. CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU CỦA CÔNG TY TRONG NĂM

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng sáp nhập số 79/HĐSN ĐP-ĐN ngày 25/10/2022 sáp nhập Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông (mã giao dịch DPD) - Công ty con của Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 3,14 : 1 cổ phiếu (Cổ đông sở hữu 3,14 Cổ phiếu DPD sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu DPR).

Theo Báo cáo kết quả phát hành số 34/BC-HĐQTCSĐP ngày 03 tháng 03 năm 2023, Công ty đã phát hành thành công thêm 442.966 cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông chính thức được sáp nhập vào Công ty từ ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông.

Tài sản mang sang	Giá trị tại ngày sáp nhập VND
Tài sản ngắn hạn	16.002.501.564
Tài sản dài hạn	121.988.956.885
Nợ phải trả ngắn hạn	8.499.357.670
Nợ phải trả dài hạn	-
Vốn chủ sở hữu (i)	129.492.100.779

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

(i) Đối với phần vốn chủ sở hữu mang sang từ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú thực hiện xử lý như sau:

- Giảm vốn do hủy Cổ phiếu lưu hành tại Công ty con, số tiền: 106.089.000.000 đồng;
- Điều chỉnh nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông do sáp nhập, số tiền: (289.454.209) đồng;
- Tăng vốn do phát hành 442.966 cổ phiếu để hoán đổi cho các cổ đông còn lại với tỷ lệ 3,14 : 1 số tiền: 13.909.132.400 đồng;
- Phần chênh lệch do sáp nhập được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ, số tiền: 9.783.422.588 đồng;

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	214.267.190	358.788.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.351.356.610	31.942.581.490
Các khoản tương đương tiền (i)	228.533.306.869	206.274.551.565
<b>Cộng</b>	<b>262.098.930.669</b>	<b>238.575.921.867</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 2,0% - 3,85%/năm.

### 6.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>329.838.108.525</b>	<b>329.838.108.525</b>	<b>454.230.831.683</b>	<b>454.230.831.683</b>
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	329.838.108.525	329.838.108.525	454.230.831.683	454.230.831.683
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>11.300.000.000</b>
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	11.300.000.000	11.300.000.000
- Trái phiếu	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>329.838.108.525</b>	<b>329.838.108.525</b>	<b>465.530.831.683</b>	<b>465.530.831.683</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

(i) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2023:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	06 tháng	3,6-5%	60.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sài Gòn	06 tháng	3,5-4,5%	59.858.720.160
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Phú Nhuận	06 tháng	6,80%	22.298.385.041
Ngân hàng Phát triển Bình Phước	12 tháng	5,00%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN TP Hồ Chí Minh	12 tháng	4,5-6,2%	60.291.714.814
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	06 tháng	4,3-4,4%	28.432.179.806
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bình Phước	06 tháng	4,80%	7.228.295.004
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - PGD Thuận Lợi Bình Phước	06 tháng	3,4-8,5%	70.428.813.700
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Bình Phước	13 tháng	6,00%	11.300.000.000
<b>Cộng</b>			<b>329.838.108.525</b>

**6.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.394.024.200</b>	<b>834.193.500</b>
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	-	834.193.500
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	31.852.800	-
Công ty CP Gỗ MDF VRG DongWha	1.362.171.400	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>38.284.251.321</b>	<b>12.097.821.459</b>
Weber & Schaer GMBH & Co	-	4.244.855.706
Dns Co., Ltd	763.401.240	-
LG Commtrade PTY Co.,Ltd	2.264.088.960	-
Winwin Trading Co.,Ltd	713.449.170	-
Công ty TNHH MTV Gỗ Băm Thiên Bình	154.587.798	876.007.718
Công ty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	22.839.429.500	5.067.168.515
Cty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Thịnh	4.346.927.003	-
Công ty CP Kim Tín MDF	785.871.750	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Gỗ Thiên Phú	253.911.964	-
Công ty CP Gỗ Quảng Nam	260.489.423	-
Công ty TNHH MTV Tân Thuận Tiệp	244.622.500	-
Công ty TNHH Vĩnh Thành Interprise	301.582.710	-
Nguyễn Văn Đặng	1.393.502.612	1.688.371.987
Phạm Thị Thanh	3.103.103.767	-
Các khách hàng khác	859.282.924	221.417.533
<b>Cộng</b>	<b>39.678.275.521</b>	<b>12.932.014.959</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>1.364.550.000</b>	<b>3.184.204.054</b>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thương mại Phát triển	-	2.318.158.604
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	-	430.987.800
Công ty TNHH MTV Minh Đức Tiến	1.232.550.000	-
Công Ty TNHH Sê Kong Đaknong	132.000.000	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	-	435.057.650
<b>Cộng</b>	<b>1.364.550.000</b>	<b>3.184.204.054</b>

**6.5. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****6.5.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	<b>255.693.000</b>	-
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	-	-	255.693.000	-
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.067.507.552</b>	-	<b>9.276.341.253</b>	-
Tạm ứng	2.953.798.457	-	3.279.678.621	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	340.000.000	-
Phải thu lãi TGNH	5.521.396.944	-	5.655.477.572	-
Phải thu khác	592.312.151	-	1.185.060	-
<b>Cộng</b>	<b>9.067.507.552</b>	-	<b>9.532.034.253</b>	-

**6.5.2. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	<b>1.700.000.000</b>	-	<b>1.700.000.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.700.000.000</b>	-	<b>1.700.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.6. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.479.002.566	-	3.974.364.139	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.324.544.796	-	6.754.455.753	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.386.260.631	-	2.410.689.750	-
Chi phí SXKD dở dang	37.717.310.004	-	22.481.423.358	-
Thành phẩm tồn kho	22.724.756.221	(4.173.675.362)	63.431.036.224	(6.182.720.796)
Hàng hóa tồn kho	-	-	6.122.000	-
Hàng gửi đi bán	2.279.196.072	-	630.278.505	-
<b>Cộng</b>	<b>73.911.070.291</b>	<b>(4.173.675.362)</b>	<b>99.688.369.729</b>	<b>(6.182.720.796)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**6.7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****6.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	140.567.404	124.642.993
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	49.317.715	106.701.818
<b>Cộng</b>	<b>189.885.119</b>	<b>231.344.811</b>

**6.7.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	681.445.024	688.849.119
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.580.723.996	1.430.062.122
Chi phí dự án công nghệ cao	1.082.073.096	-
Chi phí khai thác tài nguyên	202.800.704	231.772.232
Chi phí chứng chỉ rừng bền vững	1.551.402.054	1.270.998.661
Chi phí trả trước dài hạn khác	136.538.381	-
<b>Cộng</b>	<b>5.234.983.255</b>	<b>3.621.682.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế tài nguyên	6.167.002	-	77.242.177	77.115.998	6.040.823	-
Thuế giá trị gia tăng	3.018.588.434	-	17.224.088.078	12.314.363.282	314.683.694	2.205.820.056
Thuế thu nhập cá nhân	4.881.849	1.763.992.797	3.724.009.988	3.399.507.716	1.936.184	2.085.549.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.784.216	8.802.259.267	33.263.609.555	20.719.892.525	687.275.971	22.022.468.052
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.030.396.038	53.733.883.813	149.809.208.050	57.044.928.199	-
Các loại thuế khác	-	-	42.589.070	42.589.070	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.040.421.501</b>	<b>49.596.648.102</b>	<b>108.070.422.681</b>	<b>186.367.676.641</b>	<b>58.054.864.871</b>	<b>26.313.837.512</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, hàng hóa và dịch vụ khác là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Văn bản số 2821/TCT-DNL ngày 19/07/2018 và Văn bản số 3941/TCT-DNL ngày 15/10/2018 của Tổng Cục Thuế về việc ưu đãi thuế suất đối với hoạt động chế biến nông sản, theo đó:

- Thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mủ cao su tươi thì phần thu nhập này được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất 10%;
- Thu nhập của hoạt động sơ chế hoặc gia công sơ chế mủ cao su (bao gồm cả tự trồng và thu mua của tiểu điền) thành các sản phẩm được xác định là mủ cao su sơ chế theo hướng dẫn tại Công văn số 7193/BTC-TCT ngày 30/04/2014 của Bộ Tài Chính thì khoản thu nhập này không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chế biến nông sản;
- Thu nhập từ hoạt động thu mua mủ cao su về để bán thì thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh chế biến Gỗ được hưởng ưu đãi theo các nội dung sau :

- Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính
- Căn cứ theo Công văn số 02/2020/CBG ngày 23/03/2020 của Chi nhánh Chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú gửi Cục Thuế Tỉnh Bình Phước về việc đăng ký áp dụng miễn thuế TNDN từ năm 2020 và Công văn số 3073/CT-TTHT ngày 28/10/2019 của Cục thuế tỉnh Bình Phước gửi Chi nhánh chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú về việc trả lời chính sách về ưu đãi thuế TNDN: "Chi nhánh Chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Mẫu số B 09 - DN**

*Cao su Đồng Phú được thành lập để thực hiện dự án đầu tư mới hoạt động độc lập và thực hiện sản xuất kinh doanh tại huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và không thuộc các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC được ưu đãi thuế suất 17% trong 10 năm tính từ thời điểm 01/01/2020, miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 04 năm tiếp theo."*

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây kinh doanh	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	290.371.466.223	93.253.922.394	73.986.806.611	5.978.870.980	380.273.257.576	843.864.323.784
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.988.939.197	-	-	-	29.070.582.654	33.059.521.851
- Mua trong năm	-	170.148.000	1.958.055.556	-	-	2.128.203.556
- Tăng do sáp nhập	12.222.637.434	31.545.455	717.353.650	-	155.000.277.121	167.971.813.660
- Thanh lý, nhượng bán	(66.009.484)	-	(1.406.255.000)	-	(24.482.296.666)	(25.954.561.150)
Số dư tại ngày 31/12/2023	306.517.033.370	93.455.615.849	75.255.960.817	5.978.870.980	539.861.820.685	1.021.069.301.701
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	204.057.752.379	78.048.784.606	65.936.261.009	5.621.342.496	138.321.840.825	491.985.981.315
- Khấu hao trong năm	12.470.466.549	2.797.553.840	2.455.421.341	72.531.566	20.885.207.599	38.681.180.895
- Tăng do sáp nhập	11.088.472.311	26.287.900	641.501.781	-	37.720.031.388	49.476.293.380
- Thanh lý, nhượng bán	(66.009.484)	-	(1.406.255.000)	-	(14.729.732.391)	(16.201.996.875)
Số dư tại ngày 31/12/2023	227.550.681.755	80.872.626.346	67.626.929.131	5.693.874.062	182.197.347.421	563.941.458.715
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2023	86.313.713.844	15.205.137.788	8.050.545.602	357.528.484	241.951.416.751	351.878.342.469
- Tại ngày 31/12/2023	78.966.351.615	12.582.989.503	7.629.031.686	284.996.918	357.664.473.264	457.127.842.986
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>						
- Tại ngày 01/01/2023	136.987.145.871	67.725.693.444	51.447.600.336	5.448.070.982	46.334.923.646	307.943.434.279
- Tại ngày 31/12/2023	150.708.074.234	68.830.259.444	53.949.749.057	5.448.070.982	36.739.742.057	315.675.895.774

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	-	1.330.000.000	193.303.509	1.523.303.509
- Tăng do sáp nhập	997.194.500	-	42.000.000	1.039.194.500
Số dư tại ngày 31/12/2023	997.194.500	1.330.000.000	235.303.509	2.562.498.009
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	-	935.186.037	120.684.735	1.055.870.772
- Khấu hao trong năm	14.245.632	154.291.391	19.434.990	187.972.013
- Tăng do sáp nhập	254.047.211	-	-	254.047.211
Số dư tại ngày 31/12/2023	268.292.843	1.089.477.428	140.119.725	1.497.889.996
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày 01/01/2023	-	394.813.963	72.618.774	467.432.737
- Tại ngày 31/12/2023	728.901.657	240.522.572	95.183.784	1.064.608.013
<b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
- Tại ngày 01/01/2023	-	590.000.000	-	590.000.000
- Tại ngày 31/12/2023	-	590.000.000	-	590.000.000

**6.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Vườn cây kiến thiết cơ bản</b>	<b>173.918.960.725</b>	<b>158.584.163.348</b>
Vườn cây tái canh năm 2014	-	1.995.479.171
Vườn cây tái canh năm 2015	-	4.571.043.098
Vườn cây tái canh năm 2016	-	22.490.983.939
Vườn cây tái canh năm 2017	22.495.212.397	18.624.835.705
Vườn cây tái canh năm 2018	37.067.727.760	30.823.477.113
Vườn cây tái canh năm 2019	26.424.859.540	21.792.570.347
Vườn cây tái canh năm 2020	28.440.679.888	22.345.250.189
Vườn cây tái canh năm 2021	26.806.680.717	20.575.445.078
Rừng trồng xen năm 2021	1.207.449.560	984.265.629
Vườn cây tái canh năm 2022	17.633.349.417	12.745.835.724
Vườn cây tái canh năm 2022 (trồng lấy gỗ)	1.865.487.139	1.532.228.281
Vườn cây tái canh năm 2023	10.894.660.721	102.749.074
Vườn cây xen gỗ 2023	1.012.081.364	-
Vườn cây tái canh năm 2024	70.772.222	-
<b>Chi phí đầu tư các công trình xây dựng</b>	<b>30.920.136.809</b>	<b>15.242.233.367</b>
Mua sắm tài sản cố định	3.215.280.882	-
Chi phí xây dựng kiến trúc	19.275.001.553	8.674.248.893
Đường giao thông, đập thủy lợi	7.871.147.256	4.006.399.074
Các chi phí kiến thiết cơ bản khác	558.707.118	2.561.585.400
<b>Cộng</b>	<b>204.839.097.534</b>	<b>173.826.396.715</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>811.995.000.000</b>	<b>(36.447.606.634)</b>	<b>-</b>	<b>918.084.000.000</b>	<b>(33.130.045.178)</b>	<b>249.309.150.000</b>
Công ty CP Cao su Đồng Phú						
Đắk Nông	-	-	(i)	106.089.000.000	-	249.309.150.000
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	153.000.000.000	-	(i)	153.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	133.995.000.000	(36.447.606.634)	(i)	133.995.000.000	(33.130.045.178)	(i)
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	525.000.000.000		(i)	525.000.000.000	-	(i)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.855.603.077)</b>	<b>-</b>	<b>127.733.870.000</b>	<b>(18.885.501.288)</b>	<b>-</b>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	19.895.870.000	(18.753.039.541)	(i)	19.895.870.000	(18.772.648.093)	(i)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	1.500.000.000		(i)	1.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Sa Thầy	71.277.000.000		(i)	71.277.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	24.611.000.000	(102.563.536)	(i)	24.611.000.000	(112.853.195)	(i)
Công ty CP BOT Bình Phước	10.450.000.000		(i)	10.450.000.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>939.728.870.000</b>	<b>(55.303.209.711)</b>	<b>-</b>	<b>1.045.817.870.000</b>	<b>(52.015.546.466)</b>	<b>249.309.150.000</b>

**Giá trị hợp lý**

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 9.1.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>562.385.547</b>	<b>562.385.547</b>	<b>967.814.569</b>	<b>967.814.569</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Hợp Bình Phước	-	-	345.135.847	345.135.847
Công ty TNHH MTV xây dựng cầu đường Thăng Long	59.689.150	59.689.150	54.600.000	54.600.000
Chi nhánh Cty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	-	-	352.738.908	352.738.908
Công ty TNHH MTV Thọ Xuân	152.826.350	152.826.350	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Phát Đạt	81.719.395	81.719.395	-	-
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	187.185.701	187.185.701	-	-
Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Quang Đạt	53.298.556	53.298.556	-	-
Phải trả khách hàng khác	27.666.395	27.666.395	215.339.814	215.339.814
<b>Cộng</b>	<b>562.385.547</b>	<b>562.385.547</b>	<b>967.814.569</b>	<b>967.814.569</b>

**6.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>1.768.201.587</b>	<b>1.634.581.221</b>
Công ty TNHH MTV Đặng Thái Gia	-	651.974.400
Công ty TNHH MTV Thăng Thắng Lợi	343.483.875	627.078.284
Công ty TNHH Ngô Vương	-	197.526.488
Bảo Hiểm Xã Hội Huyện Đồng Phú	290.807.712	105.975.546
Hộ kinh doanh Thiêm Kiều	-	49.022.183
Công ty phần Cao su Việt Phú Thịnh	149.446.080	-
Công ty TNHH Minh Thy Vàng	549.024.900	-
Ngô Hữu Thiết	248.108.580	-
Nguyễn Văn Thêm	187.330.440	-
Các khách hàng khác	-	3.004.320
<b>Cộng</b>	<b>1.768.201.587</b>	<b>1.634.581.221</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	125.000.000	125.000.000
Chi phí phải trả khác	-	319.263.683
<b>Cộng</b>	<b>125.000.000</b>	<b>444.263.683</b>

**6.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	32.511.918.906	30.116.608.911
<b>Cộng</b>	<b>32.511.918.906</b>	<b>30.116.608.911</b>

**6.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>464.095.945</b>	<b>930.248.795</b>
Công Ty Cổ Phần Cao Su Sa Thầy	28.800.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các đối tượng khác	435.295.945	930.248.795
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>10.680.802.788</b>	<b>24.280.098.787</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	4.886.293.345	4.440.910.845
Kinh phí công đoàn	255.031.097	259.244.237
Bảo hiểm xã hội	71.098.189	71.098.189
Phải trả Ban Quản lý khu kinh tế Bình Phước	-	16.447.927.120
Phải trả tiền mua mủ cao su tiểu điền tại các Nông trường	2.315.288.328	2.317.967.653
Phải trả phải nộp trồng rừng	2.517.682.639	-
Công ty TNHH MTV TM DV KT Minh Phát	517.122.300	414.426.150
Phải trả khác	118.286.890	328.524.593
<b>Cộng</b>	<b>11.144.898.733</b>	<b>25.210.347.582</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.18. Vốn chủ sở hữu****6.18.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>430.000.000.000</b>	<b>191.990.522.453</b>	<b>1.128.086.362.775</b>	<b>318.740.283.485</b>	<b>2.068.817.168.713</b>
Tăng trong năm trước	-	-	37.890.132.627	208.960.653.947	246.850.786.574
Lãi trong năm trước				208.960.653.947	208.960.653.947
Phân phối lợi nhuận			37.890.132.627		37.890.132.627
Giảm trong năm trước	-	-	-	(184.770.132.627)	(184.770.132.627)
Trích quỹ đầu tư phát triển				(37.890.132.627)	(37.890.132.627)
Chia cổ tức				(86.000.000.000)	(86.000.000.000)
Trích quỹ KTPL				(60.376.000.000)	(60.376.000.000)
Trích thưởng người QLDN				(504.000.000)	(504.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>430.000.000.000</b>	<b>191.990.522.453</b>	<b>1.165.976.495.402</b>	<b>342.930.804.805</b>	<b>2.130.897.822.660</b>
<b>Năm nay</b>					
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>430.000.000.000</b>	<b>191.990.522.453</b>	<b>1.165.976.495.402</b>	<b>342.930.804.805</b>	<b>2.130.897.822.660</b>
Tăng trong năm	438.859.320.000	9.479.472.400	61.389.992.639	180.153.222.646	689.882.007.685
Tăng vốn trong năm (i)	434.429.660.000				434.429.660.000
Lãi trong năm				180.153.222.646	180.153.222.646
Phân phối lợi nhuận (ii)			61.389.992.639		61.389.992.639
Tăng do sáp nhập	4.429.660.000	9.479.472.400	-		13.909.132.400
Giảm trong năm	-	-	(434.429.660.000)	(224.781.890.639)	(659.211.550.639)
Tăng vốn trong năm (i)			(434.429.660.000)	-	(434.429.660.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)				(61.389.992.639)	(61.389.992.639)
Chia cổ tức (i)				(130.328.898.000)	(130.328.898.000)
Trích quỹ KTPL (i)				(32.762.000.000)	(32.762.000.000)
Trích thưởng người QLDN (i)				(301.000.000)	(301.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>868.859.320.000</b>	<b>201.469.994.853</b>	<b>792.936.828.041</b>	<b>298.302.136.812</b>	<b>2.161.568.279.706</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.18.2. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 66/NQ-ĐH ĐCĐCSĐP ngày 27/06/2023 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 86/NQ-HĐQTCSĐP ngày 15/08/2023, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 43.442.966 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương với số tiền 434.429.660.000 đồng.
- Mục đích phát hành: Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1
- Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Công ty đã thực hiện xong việc tăng vốn cổ phần và thay đổi đăng ký kinh doanh tại ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023 Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Thông báo số 1792/TB-SGDHCM ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc giao dịch chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, với số lượng cổ phiếu niêm yết từ 43.442.996 cổ phiếu lên thành 86.885.932 cổ phiếu.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 66/NQ-ĐH ĐCĐCSĐP ngày 27/06/2023, Công ty công bố phân phối lợi nhuận còn lại lũy kế đến cuối năm 2023 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 30% Lợi nhuận sau thuế tương đương 61.389.992.639 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 02 tháng lương thực hiện tương đương 32.762.000.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp 01 tháng lương người quản lý tương đương 301.000.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng 30% vốn điều lệ tương đương 130.328.898.000 đồng.  
(*Trường hợp Công ty tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 trước khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15% vốn điều lệ*)

**6.18.3. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	480.000.000.000	240.000.000.000
Các cổ đông khác	388.859.320.000	190.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>868.859.320.000</b>	<b>430.000.000.000</b>

**6.18.4. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	438.859.320.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	868.859.320.000	430.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	130.328.898.000	86.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.18.5. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.885.932	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã niêm yết ra công chúng	86.885.932	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.885.932	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86.885.932	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.885.932	43.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

**6.18.6. Phân phối lợi nhuận**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	342.930.804.805	318.740.283.485
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	180.153.222.646	208.960.653.947
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được phân phối trong năm	523.084.027.451	527.700.937.432
Phân phối các quỹ và chia lợi nhuận, trong đó:	(224.781.890.639)	(184.770.132.627)
- <i>Chia cổ tức</i>	(130.328.898.000)	(86.000.000.000)
- <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	(61.389.992.639)	(37.890.132.627)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(32.762.000.000)	(60.376.000.000)
- <i>Trích quỹ khen thưởng người QLDN</i>	(301.000.000)	(504.000.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>298.302.136.812</b>	<b>342.930.804.805</b>

**6.18.7. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	792.936.828.041	1.165.976.495.402
<b>Cộng</b>	<b>792.936.828.041</b>	<b>1.165.976.495.402</b>

**6.19. Nguồn kinh phí**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguồn kinh phí đầu năm	(2.602.099.420)	(1.818.659.696)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.602.099.420	1.818.659.696
Điều chỉnh do sáp nhập	(289.454.209)	-
Chi sự nghiệp	(4.593.636.164)	(2.602.099.420)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(4.883.090.373)</b>	<b>(2.602.099.420)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (tấn)	1.747,65	1.125,65
- Mủ Latex HA	404,11	565,39
- Mủ SVR CV 60	262,08	-
- Mủ SVR 3L	141,12	60,48
- Mủ SVR 5	-	67,17
- Mủ Skim	30,00	30,00
- Mủ SVR 10	30,56	-
- Mủ RSS	261,60	22,47
- Mủ gia công cho bên ngoài	313,17	380,14
- Mủ nguyên liệu chưa gia công	305,01	-
b. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.164,87	1.571,11

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****7.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu bán mủ cao su thành phẩm	475.408.450.024	550.639.732.863
Doanh thu bán cây cao su thanh lý	87.333.050.500	141.487.841.615
Doanh thu dịch vụ gia công mủ cao su	11.338.762.143	3.558.930.350
Doanh thu mủ tận thu	508.231.060	945.142.500
Doanh thu hoạt động chế biến gỗ	69.081.892.595	56.853.528.277
Doanh thu từ hoạt động khác	2.835.018.000	1.854.709.000
<b>Cộng</b>	<b>646.505.404.322</b>	<b>755.339.884.605</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>59.534.401.937</b>	<b>148.526.839.624</b>

**7.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn hàng bán mủ cao su thành phẩm	421.774.166.944	467.742.498.093
Giá vốn hàng bán cây cao su thanh lý	11.603.018.147	9.401.911.699
Giá vốn dịch vụ gia công mủ cao su	9.546.977.385	1.966.439.752
Giá vốn hàng bán mủ tận thu	-	897.885.090
Giá vốn hàng bán hoạt động chế biến gỗ	34.302.110.646	42.908.923.234
Giá vốn từ hoạt động khác	1.346.919.844	1.361.404.353
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(2.009.045.434)	6.182.720.796
<b>Cộng</b>	<b>476.564.147.532</b>	<b>530.461.783.017</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**7.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.771.004.571	30.304.406.569
Lãi bán ngoại tệ	120.043.500	156.632.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.039.111.350	17.106.646.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	603.905.519	524.496.293
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.783.422.588	-
<b>Cộng</b>	<b>79.317.487.528</b>	<b>48.092.181.662</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>30.131.469.000</b>	<b>17.106.646.200</b>

**7.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ do bán ngoại tệ	15.685.000	46.434.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	169.970.320	511.015.465
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.287.663.245	4.225.977.812
<b>Cộng</b>	<b>3.473.318.565</b>	<b>4.783.427.277</b>

**7.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.147.951.644	407.158.055
Chi phí nhân công	880.554.936	1.006.148.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.596.270	58.596.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.131.001.518	3.283.938.551
Chi phí khác bằng tiền	1.691.224.088	1.102.868.967
<b>Cộng</b>	<b>6.909.328.456</b>	<b>5.858.710.751</b>

**7.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.332.892.842	18.736.745.790
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	2.339.046.204	2.683.093.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.266.774.414	1.541.772.893
Thuế, phí và lệ phí	1.897.170.135	2.204.922.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.887.684.092	2.051.690.390
Chi phí khác bằng tiền	24.574.722.284	23.285.522.270
<b>Cộng</b>	<b>51.298.289.971</b>	<b>50.503.747.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**7.7. Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	219.495.685	113.425.926
Thu nhập từ bán củi bìa, củi đốt lò, domino	-	250.448.600
Thu nhập từ bán điện, nước sinh hoạt	8.141.735.549	5.978.259.335
Thu nhập từ đền bù, bồi thường	5.284.682.005	1.355.312.303
Thu nhập từ bán phế liệu, pallet	1.310.460.600	1.349.497.800
Thu nhập từ khám chữa bệnh	860.174.494	1.914.136.532
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	14.029.367.279	11.757.758.118
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mỏ	12.473.204.506	25.627.949.005
Thu nhập từ bán mũ tận thu	202.575.014	226.778.400
Thu nhập từ gia công đóng kiện	185.248.891	31.752.000
Thu nhập từ hỗ trợ	1.393.904.363	270.186.263
Thu nhập từ liên kết quản lý chăm sóc cao su	-	920.697.970
Thu nhập khác	703.809.380	8.561.394.157
<b>Cộng</b>	<b>44.804.657.766</b>	<b>58.357.596.409</b>
<b>Thu nhập khác trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>2.793.480.846</b>	<b>1.920.643.758</b>

**7.8. Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí điện, nước sinh hoạt	6.362.460.197	4.870.302.288
Chi phí khám chữa bệnh	239.428.265	1.177.188.748
Chi phí thanh lý vườn cây	417.771.416	199.693.333
Chi phí từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	667.608.337	525.166.080
Chi phí xe, NVL, CCDC bán hàng	1.856.784.343	2.686.239.500
Chi phí tiền thuê đất phải nộp	7.397.248.454	855.004.596
Khấu hao vườn cây nhượng quyền khai thác mỏ	686.485.751	1.465.429.590
Các khoản khác	1.337.846.128	1.003.259.553
<b>Cộng</b>	<b>18.965.632.891</b>	<b>12.782.283.688</b>

**7.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	213.416.832.201	257.399.710.734
Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	16.768.809.103	11.319.518.923
Các khoản điều chỉnh giảm khi tính thuế	(31.039.111.350)	(23.634.445.283)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	199.146.529.954	245.084.784.374
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 10%	1.996.329.216	540.562.057
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 17%	126.873.127	8.085.599.664
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	197.023.327.611	236.458.622.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 10%	199.632.922	54.056.206
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 17%	21.568.433	1.374.551.943
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	39.404.665.522	47.291.724.530

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**7.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thuế TNDN được giảm 50%	(10.784.216)	(687.275.972)
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	(6.351.473.106)	406.000.080
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>33.263.609.555</b>	<b>48.439.056.787</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.335.192.081)	23.225.751.132
Thuế TNDN bổ sung năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(20.719.892.525)	(93.000.000.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(8.791.475.051)</b>	<b>(21.335.192.081)</b>

**7.10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.382.164.606	202.902.288.503
Chi phí nhân công	259.374.437.899	234.502.425.508
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	6.055.418.847	7.827.276.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.315.576.694	35.808.363.168
Thuế, phí và lệ phí	1.897.170.135	3.852.099.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.099.869.523	26.199.426.807
Chi phí khác bằng tiền	83.604.815.956	77.567.982.196
<b>Cộng</b>	<b>535.729.453.660</b>	<b>588.659.862.138</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	01/01/2023		Giá trị sổ sách 31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	238.575.921.867	-	262.098.930.669	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.164.049.212	-	50.445.783.073	-
Đầu tư ngắn hạn	454.230.831.683	-	329.838.108.525	-
Đầu tư dài hạn	1.057.117.870.000	(52.015.546.466)	939.728.870.000	(55.303.209.711)
<b>Cộng</b>	<b>1.774.088.672.762</b>	<b>(52.015.546.466)</b>	<b>1.582.111.692.267</b>	<b>(55.303.209.711)</b>
B. Nợ phải trả tài chính			Giá trị sổ sách	
			01/01/2023	31/12/2023
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			26.178.162.151	11.707.284.280
Chi phí phải trả			444.263.683	125.000.000
<b>Cộng</b>			<b>26.622.425.834</b>	<b>11.832.284.280</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### ***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### ***Rủi ro về tỷ giá hối đoái***

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### ***Rủi ro về lãi suất***

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Đ \* M.S.C.A.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	238.575.921.867	-	-	238.575.921.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.464.049.212	1.700.000.000	-	24.164.049.212
Đầu tư ngắn hạn	454.230.831.683	-	-	454.230.831.683
Đầu tư dài hạn	-	21.300.000.000	1.035.817.870.000	1.057.117.870.000
<b>Cộng</b>	<b>715.270.802.762</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>1.035.817.870.000</b>	<b>1.774.088.672.762</b>
Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	262.098.930.669	-	-	262.098.930.669
Phải thu khách hàng, phải thu khác	48.745.783.073	1.700.000.000	-	50.445.783.073
Đầu tư ngắn hạn	329.838.108.525	-	-	329.838.108.525
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	928.428.870.000	939.728.870.000
<b>Cộng</b>	<b>640.682.822.267</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>928.428.870.000</b>	<b>1.582.111.692.267</b>

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	26.178.162.151	-	-	26.178.162.151
Chi phí phải trả	444.263.683	-	-	444.263.683
<b>Cộng</b>	<b>26.622.425.834</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.622.425.834</b>
Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	11.707.284.280	-	-	11.707.284.280
Chi phí phải trả	125.000.000	-	-	125.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.832.284.280</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.832.284.280</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2023			Năm 2022		
	Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND	Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>						
Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	497.430.200	497.430.200	559.436.544		559.436.544
Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT	-	-	-		-
Phạm Phi Điều	Thành viên HĐQT	74.400.000	74.400.000	74.400.000		74.400.000
Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	74.400.000	74.400.000	37.200.000		37.200.000
Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	-	-	37.200.000		37.200.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>646.230.200</b>	<b>646.230.200</b>	<b>708.236.544</b>	<b>-</b>	<b>708.236.544</b>
<b>Ban kiểm soát</b>						
Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	369.096.007	369.096.007	435.117.312		435.117.312
Bùi Thanh Tâm	Thành viên	-	-	30.000.000		30.000.000
Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	151.300.000	151.300.000	244.701.000		244.701.000
Nguyễn Minh Trang	Thành viên	60.000.000	60.000.000	30.000.000		30.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>580.396.007</b>	<b>580.396.007</b>	<b>739.818.312</b>	<b>-</b>	<b>739.818.312</b>
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>						
Hồ Cường	Tổng Giám đốc	494.893.140	494.893.140	528.356.736		528.356.736
Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	454.403.854	454.403.854	481.737.024		481.737.024
Lưu Minh Tuyến	Phó Tổng Giám đốc	416.062.981	416.062.981	466.197.120		466.197.120
Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	389.993.622	389.993.622	435.117.312		435.117.312
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.755.353.597</b>	<b>1.755.353.597</b>	<b>1.911.408.192</b>	<b>-</b>	<b>1.911.408.192</b>

*Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

*Danh sách các bên liên quan khác*

**Bên liên quan**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam -  
 Công ty Cổ phần  
 Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú  
 Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú  
 Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie  
 Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch  
 Cao su  
 Công ty CP Đầu tư Cao su Phú Thịnh  
 Công ty CP Cao su Sa Thầy  
 Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai  
 Công ty CP BOT Bình Phước  
 Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú  
 Riêng  
 Công ty CP VRG Khải Hoàn  
 Công ty CP Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ  
 Tây Ninh  
 Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su  
 Công ty CP Cao su Bảo Lâm  
 Công ty CP Gỗ Lộc Ninh  
 Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang  
 Tạp chí Cao su Việt Nam  
 Công ty CP Cao su Bến Thành  
 Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su  
 Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Đầu tư góp vốn dài hạn  
 Đầu tư góp vốn dài hạn  
 Đầu tư góp vốn dài hạn  
 Đầu tư góp vốn dài hạn  
 Đầu tư góp vốn dài hạn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Đơn vị cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn  
 Công ty cùng Tập đoàn

**Địa điểm**

TP.Hồ Chí Minh  
 Bình Phước  
 Bình Phước  
 Bình Phước  
 Quảng Ninh  
 Bình Phước  
 Kon Tum  
 Lào Cai  
 Bình Phước  
 Bình Phước  
 Bình Dương  
 Tây Ninh  
 Bình Phước  
 Lâm Đồng  
 Bình Phước  
 Kiên Giang  
 TP.Hồ Chí Minh  
 TP.Hồ Chí Minh  
 TP.Hồ Chí Minh  
 TP.Hồ Chí Minh  
 TP.Hồ Chí Minh  
 Bình Dương

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b><i>Doanh thu bán mủ cao su</i></b>	<b>30.665.229.968</b>	<b>69.610.364.085</b>
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	1.845.420.000	825.900.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	4.320.000.000	27.860.771.200
Công ty CP VRG Khải Hoàn		9.396.368.725
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông		10.174.752.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty cổ phần	24.499.809.968	21.352.572.160
<b><i>Doanh thu thanh lý cây cao su</i></b>	-	<b>75.027.795.189</b>
Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su		14.650.350.766
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát		20.173.065.905
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An		24.283.703.145
Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang		15.920.675.373

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b><i>Doanh thu khác</i></b>	<b>28.869.171.969</b>	<b>3.888.680.350</b>
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riêng - Bán gỗ thấp		51.060.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bán gỗ giống cao su		278.690.000
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Dịch vụ gia công mũ cao su	353.578.143	794.470.000
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông - Dịch vụ gia công mũ cao su		2.764.460.350
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha - Bán gỗ phôi cao su	18.048.087.826	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie - Gia công chế biến mũ cao su	4.504.128.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia - Gia công chế biến mũ cao su	5.839.968.000	-
Công ty Cổ Phần Cao Su Tân Biên - Bán gỗ giống cao su	123.410.000	-
<b>Cộng</b>	<b>59.534.401.937</b>	<b>148.526.839.624</b>
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b><i>Doanh thu hoạt động tài chính</i></b>		
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	19.380.000.000	15.300.000.000
Công ty CP Kinh doanh BOT Đường ĐT 741	1.567.500.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	3.920.235.000	1.781.925.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	13.734.000	24.721.200
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	5.250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.131.469.000</b>	<b>17.106.646.200</b>
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b><i>Thu nhập khác</i></b>		
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú - Bán nước sinh hoạt	75.308.000	81.895.000
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú - Bán nước sinh hoạt	2.102.667.199	1.613.190.475
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su - Bán nước sinh hoạt	25.308.058	25.954.283
Công ty CP BOT Bình Phước - bán nước sinh hoạt	95.346.579	199.604.000
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie - Gia công đóng kiện, pallet	200.326.988	-
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia - Gia công đóng kiện, pallet	294.461.022	-
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Gia công đóng kiện, palet	63.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.793.480.846</b>	<b>1.920.643.758</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
Tạp chí Cao su Việt Nam - Chi phí quảng cáo, mua tạp chí và mua vật tư khác	315.000.000	320.705.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bồi dưỡng quản lý hành chính và doanh nghiệp	-	57.000.000
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam - Mua nguyên vật liệu	1.143.844.500	839.132.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư dây chuyền chế biến mũ nhập kho	278.575.000	237.127.000
<b>Cộng</b>	<b>3.253.459.500</b>	<b>1.453.964.700</b>
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
<b>Giao dịch khác</b>		
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Phải trả cổ tức	72.000.000.000	84.000.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú - Góp vốn đầu tư	-	102.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>186.000.000.000</b>

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Ngoài các số dư với các bên liên quan khác đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**9.2. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**9.3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9.4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**9.5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày lại do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố căn cứ theo các thông báo điều chỉnh tiền thuê đất từ năm 2020 đến 2022 và Biên bản kiểm toán nhà nước ngày 28 tháng 04 năm 2023. Việc này ảnh hưởng đến các Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

*Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020:*

**Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán**

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2021	01/01/2021	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.481.250.582.479</b>	<b>1.471.347.406.560</b>	<b>9.903.175.919</b>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	135.431.208.808	125.528.032.889	9.903.175.919
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	135.431.208.808	125.528.032.889	9.903.175.919
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2.089.753.396.004</b>	<b>2.079.850.220.085</b>	<b>9.903.175.919</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>375.123.154.891</b>	<b>352.515.054.295</b>	<b>22.608.100.596</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	375.123.154.891	352.515.054.295	22.608.100.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	39.035.232.240	16.427.131.644	22.608.100.596
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.714.630.241.113</b>	<b>1.727.335.165.790</b>	<b>(12.704.924.677)</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.722.237.057.902	1.734.941.982.579	(12.704.924.677)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	158.519.362.312	171.224.286.989	(12.704.924.677)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	33.587.448.707	46.292.373.384	(12.704.924.677)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.089.753.396.004</b>	<b>2.079.850.220.085</b>	<b>9.903.175.919</b>

**Ảnh hưởng đến Báo cáo KQKD**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2020	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
4. Giá vốn hàng bán	11	570.542.849.361	562.090.035.876	8.452.813.485
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>194.051.863.535</b>	<b>202.504.677.020</b>	<b>(8.452.813.485)</b>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.043.380.835	48.083.539.724	2.959.841.111
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>	<b>174.224.204.219</b>	<b>185.636.858.815</b>	<b>(11.412.654.596)</b>
12. Chi phí khác	32	13.877.871.400	12.585.601.319	1.292.270.081
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>7.986.684.247</b>	<b>9.278.954.328</b>	<b>(1.292.270.081)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>182.210.888.466</b>	<b>194.915.813.143</b>	<b>(12.704.924.677)</b>
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>133.899.423.707</b>	<b>146.604.348.384</b>	<b>(12.704.924.677)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

*Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021:*

**Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán**

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2022	01/01/2022	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.443.197.450.862</b>	<b>1.421.881.659.158</b>	<b>21.315.791.704</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>125.873.715.088</b>	<b>104.557.923.384</b>	<b>21.315.791.704</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	125.873.715.088	104.557.923.384	21.315.791.704
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2.425.298.999.146</b>	<b>2.403.983.207.442</b>	<b>21.315.791.704</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>358.300.490.129</b>	<b>309.701.803.489</b>	<b>48.598.686.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>358.300.490.129</b>	<b>309.701.803.489</b>	<b>48.598.686.640</b>
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	75.950.388.560	27.351.701.920	48.598.686.640
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>2.066.998.509.017</b>	<b>2.094.281.403.953</b>	<b>(27.282.894.936)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>2.068.817.168.713</b>	<b>2.096.100.063.649</b>	<b>(27.282.894.936)</b>
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	318.740.283.485	346.023.178.421	(27.282.894.936)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18.916.927.474	31.621.852.151	(12.704.924.677)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	299.823.356.011	314.401.326.270	(14.577.970.259)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.425.298.999.146</b>	<b>2.403.983.207.442</b>	<b>21.315.791.704</b>

**Ảnh hưởng đến Báo cáo KQKD**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2021	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
4. Giá vốn hàng bán	11	547.841.730.262	535.260.186.680	12.581.543.582
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>262.304.961.372</b>	<b>274.886.504.954</b>	<b>(12.581.543.582)</b>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	46.616.415.290	46.537.923.850	78.491.440
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>	<b>223.561.209.005</b>	<b>236.221.244.027</b>	<b>(12.660.035.022)</b>
11. Thu nhập khác	31	260.022.657.719	260.022.657.719	-
12. Chi phí khác	32	28.737.018.930	26.819.083.693	1.917.935.237
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>231.285.638.789</b>	<b>233.203.574.026</b>	<b>(1.917.935.237)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>454.846.847.794</b>	<b>469.424.818.053</b>	<b>(14.577.970.259)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	90.523.491.783	90.523.491.783	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>364.323.356.011</b>	<b>378.901.326.270</b>	<b>(14.577.970.259)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

*Ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022:*

**Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán**

CHỈ TIÊU	Mã số	01/01/2023	01/01/2023	Chênh lệch
		Trình bày lại VND	VND	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>838.505.838.072</b>	<b>848.271.414.320</b>	<b>(9.765.576.248)</b>
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	26.545.182.323	36.310.758.571	(9.765.576.248)
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26.313.837.512	36.079.413.760	(9.765.576.248)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.536.596.177.589</b>	<b>1.492.741.222.929</b>	<b>43.854.954.660</b>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	173.826.396.715	129.971.442.055	43.854.954.660
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	173.826.396.715	129.971.442.055	43.854.954.660
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2.375.102.015.661</b>	<b>2.341.012.637.249</b>	<b>34.089.378.412</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>246.806.292.421</b>	<b>189.761.364.222</b>	<b>57.044.928.199</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	246.806.292.421	189.761.364.222	57.044.928.199
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	58.054.864.871	1.009.936.672	57.044.928.199
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>2.128.295.723.240</b>	<b>2.151.251.273.027</b>	<b>(22.955.549.787)</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.130.897.822.660	2.153.853.372.447	(22.955.549.787)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	342.930.804.805	365.886.354.592	(22.955.549.787)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	133.970.150.858	161.253.045.794	(27.282.894.936)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	208.960.653.947	204.633.308.798	4.327.345.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.375.102.015.661</b>	<b>2.341.012.637.249</b>	<b>34.089.378.412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022		Chênh lệch
		Trình bày lại VND	Năm 2022 VND	
4. Giá vốn hàng bán	11	530.461.783.017	530.050.726.683	411.056.334
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>224.878.101.588</b>	<b>225.289.157.922</b>	<b>(411.056.334)</b>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	50.503.747.209	50.425.255.769	78.491.440
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>	<b>211.824.398.013</b>	<b>212.313.945.787</b>	<b>(489.547.774)</b>
11. Thu nhập khác	31	58.357.596.409	50.485.244.956	7.872.351.453
12. Chi phí khác	32	12.782.283.688	11.927.279.092	855.004.596
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>45.575.312.721</b>	<b>38.557.965.864</b>	<b>7.017.346.857</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>257.399.710.734</b>	<b>250.871.911.651</b>	<b>6.527.799.083</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	48.439.056.787	46.238.602.853	2.200.453.934
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>208.960.653.947</b>	<b>204.633.308.798</b>	<b>4.327.345.149</b>

*Huy*

Người lập biểu  
Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 02 năm 2024

*Huy*

Kế toán trưởng  
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc  
Hồ Cường



**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Bình Phước, ngày 16 tháng 04 năm 2024

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters, positioned above a horizontal line that ends in an arrowhead pointing to the right.

**MAI HUỲNH NHẬT**